

**HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH THÍ SINH NỘP CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH QUỐC TẾ
NĂM 2023
(Cập nhật đến 17g00 ngày 21/7/2023)**

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1	01002180	Nguyễn Thảo Nguyên	04/11/2005	Dược học
2	01002417	Hà Đức Minh	15/02/2005	Y khoa
3	01002417	Hà Đức Minh	15/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
4	01003369	Nguyễn Minh Thư	28/08/2005	Dược học
5	01003444	Nguyễn Quốc Dương	28/10/2005	Y khoa
6	01003506	Hoàng Vũ Minh Giang	18/04/2005	Y khoa
7	01003506	Hoàng Vũ Minh Giang	18/04/2005	Dược học
8	01003506	Hoàng Vũ Minh Giang	18/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
9	01003915	Hà Gia Khánh	18/07/2005	Y khoa
10	01003915	Hà Gia Khánh	18/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
11	01003915	Hà Gia Khánh	18/07/2005	Y học cổ truyền
12	01003915	Hà Gia Khánh	18/07/2005	Y học dự phòng
13	01003915	Hà Gia Khánh	18/07/2005	Điều dưỡng
14	01003915	Hà Gia Khánh	18/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
15	01003915	Hà Gia Khánh	18/07/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
16	01004493	Trần Minh Ngọc	14/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
17	01004599	Vũ Đức Minh Quang	08/06/2005	Y khoa
18	01004599	Vũ Đức Minh Quang	08/06/2005	Dược học
19	01004599	Vũ Đức Minh Quang	08/06/2005	Y học dự phòng
20	01004599	Vũ Đức Minh Quang	08/06/2005	Y tế công cộng
21	01005995	Mai Nguyên Phương	06/07/2005	Dược học
22	01007489	Nguyễn Đoàn Trường	21/12/2005	Y khoa
23	01009531	Trần Lê Mai Phương	19/01/2005	Y khoa
24	01009531	Trần Lê Mai Phương	19/01/2005	Dược học
25	01009531	Trần Lê Mai Phương	19/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
26	01009770	Nguyễn Tùng Chi	19/05/2005	Y khoa
27	01009770	Nguyễn Tùng Chi	19/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
28	01010582	Đinh Minh Thu	27/08/2005	Y khoa
29	01010582	Đinh Minh Thu	27/08/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
30	01010582	Đinh Minh Thu	27/08/2005	Y học dự phòng
31	01010582	Đinh Minh Thu	27/08/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
32	01011475	Nguyễn Thái Hưng	22/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
33	01012938	Đặng Hải Phong	05/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
34	01015943	Lê Phương Anh	13/12/2005	Y khoa
35	01015943	Lê Phương Anh	13/12/2005	Dược học
36	01015943	Lê Phương Anh	13/12/2005	Y học cổ truyền
37	01015943	Lê Phương Anh	13/12/2005	Y học dự phòng
38	01015943	Lê Phương Anh	13/12/2005	Y tế công cộng
39	01015943	Lê Phương Anh	13/12/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
40	01015943	Lê Phương Anh	13/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
41	01015943	Lê Phương Anh	13/12/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
42	01015943	Lê Phương Anh	13/12/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
43	01016627	Trần Minh Châu	22/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
44	01016836	Lê Hoàng Dương	10/12/2005	Y khoa
45	01016874	Nguyễn Thùy Dương	22/02/2005	Y khoa
46	01016874	Nguyễn Thùy Dương	22/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
47	01016937	Đinh Ngọc Khuê	08/03/2004	Y khoa
48	01016937	Đinh Ngọc Khuê	08/03/2004	Răng-Hàm-Mặt
49	01016937	Đinh Ngọc Khuê	08/03/2004	Y học cổ truyền
50	01016937	Đinh Ngọc Khuê	08/03/2004	Y học dự phòng
51	01018159	Phạm Thảo Ngân	08/10/2004	Y khoa
52	01018426	Lê Thị Mỹ Hòa	13/10/2005	Y khoa
53	01018426	Lê Thị Mỹ Hòa	13/10/2005	Dược học
54	01018426	Lê Thị Mỹ Hòa	13/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
55	01018744	Đỗ Nguyễn Khánh	15/06/2005	Y khoa
56	01018744	Đỗ Nguyễn Khánh	15/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
57	01020053	Tạ Hoàng Phương Linh	05/04/2005	Dược học
58	01020064	Trịnh Khánh Linh	23/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
59	01021056	Nguyễn Bình Nhi	04/08/2005	Y khoa
60	01021123	Hoàng Lê Hà Phương	01/08/2005	Dược học
61	01021123	Hoàng Lê Hà Phương	01/08/2005	Y học cổ truyền
62	01023971	Mai Trung Hải	31/05/2005	Y khoa
63	01023971	Mai Trung Hải	31/05/2005	Dược học
64	01023971	Mai Trung Hải	31/05/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
65	01024200	Thiều Đăng Khoa	24/07/2005	Dược học
66	01024623	Phạm Minh Khuê	11/07/2005	Y khoa
67	01024623	Phạm Minh Khuê	11/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
68	01025329	Nguyễn Quang Minh	21/07/2005	Y khoa
69	01025329	Nguyễn Quang Minh	21/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
70	01025353	Trần Lê Minh	24/07/2005	Y khoa
71	01025353	Trần Lê Minh	24/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
72	01025501	Nguyễn Việt Phương	07/09/2005	Y khoa
73	01025501	Nguyễn Việt Phương	07/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
74	01030021	Nguyễn Thùy Dương	26/01/2005	Y khoa
75	01030021	Nguyễn Thùy Dương	26/01/2005	Dược học
76	01030021	Nguyễn Thùy Dương	26/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
77	01030021	Nguyễn Thùy Dương	26/01/2005	Y học cổ truyền
78	01030021	Nguyễn Thùy Dương	26/01/2005	Y học dự phòng
79	01030021	Nguyễn Thùy Dương	26/01/2005	Y tế công cộng
80	01030021	Nguyễn Thùy Dương	26/01/2005	Dinh dưỡng
81	01030021	Nguyễn Thùy Dương	26/01/2005	Điều dưỡng
82	01030021	Nguyễn Thùy Dương	26/01/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
83	01030021	Nguyễn Thùy Dương	26/01/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
84	01030021	Nguyễn Thùy Dương	26/01/2005	Hộ sinh
85	01030021	Nguyễn Thùy Dương	26/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
86	01030021	Nguyễn Thùy Dương	26/01/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
87	01030021	Nguyễn Thùy Dương	26/01/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
88	01032071	Hoàng Minh Tâm	04/02/2005	Dược học
89	01032877	Đỗ Thị Hoa Châm	25/08/2005	Y khoa
90	01053359	Hoàng Bảo Minh	14/12/2004	Y khoa
91	01053359	Hoàng Bảo Minh	14/12/2004	Răng-Hàm-Mặt
92	01053360	Hoàng Ngọc Minh	14/12/2004	Y khoa
93	01053360	Hoàng Ngọc Minh	14/12/2004	Răng-Hàm-Mặt
94	02000063	Hồ Vĩnh Bắc	12/10/2005	Y khoa
95	02000063	Hồ Vĩnh Bắc	12/10/2005	Dược học
96	02000063	Hồ Vĩnh Bắc	12/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
97	02000063	Hồ Vĩnh Bắc	12/10/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
98	02000063	Hồ Vĩnh Bắc	12/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
99	02000063	Hồ Vĩnh Bắc	12/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
100	02000063	Hồ Vĩnh Bắc	12/10/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
101	02000103	Phạm Đức Duy	01/05/2005	Dược học
102	02000284	Vũ Khánh Linh	24/05/2005	Y tế công cộng
103	02000284	Vũ Khánh Linh	24/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
104	02000284	Vũ Khánh Linh	24/05/2005	Dược học
105	02000344	Lê Hồ Phương Nghi	01/08/2005	Y khoa
106	02000344	Lê Hồ Phương Nghi	01/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
107	02000344	Lê Hồ Phương Nghi	01/08/2005	Y học cổ truyền
108	02000344	Lê Hồ Phương Nghi	01/08/2005	Dược học
109	02000344	Lê Hồ Phương Nghi	01/08/2005	Dinh dưỡng
110	02000344	Lê Hồ Phương Nghi	01/08/2005	Điều dưỡng
111	02000344	Lê Hồ Phương Nghi	01/08/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
112	02000344	Lê Hồ Phương Nghi	01/08/2005	Hộ sinh
113	02000344	Lê Hồ Phương Nghi	01/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
114	02000344	Lê Hồ Phương Nghi	01/08/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
115	02000344	Lê Hồ Phương Nghi	01/08/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
116	02000418	Nguyễn Hoàng Phú	04/11/2005	Y khoa
117	02000418	Nguyễn Hoàng Phú	04/11/2005	Dược học
118	02000710	Trương Như Nhật Anh	27/03/2005	Y khoa
119	02000710	Trương Như Nhật Anh	27/03/2005	Dược học
120	02000710	Trương Như Nhật Anh	27/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
121	02000733	Hồ Thị Yến Bình	23/11/2005	Dược học
122	02000733	Hồ Thị Yến Bình	23/11/2005	Y học cổ truyền
123	02000733	Hồ Thị Yến Bình	23/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
124	02000733	Hồ Thị Yến Bình	23/11/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
125	02000737	Bùi Nguyễn Minh Châu	07/05/2005	Y khoa
126	02000737	Bùi Nguyễn Minh Châu	07/05/2005	Dược học
127	02000737	Bùi Nguyễn Minh Châu	07/05/2005	Điều dưỡng
128	02000737	Bùi Nguyễn Minh Châu	07/05/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
129	02000751	Nguyễn Công Danh	18/02/2005	Y khoa
130	02000751	Nguyễn Công Danh	18/02/2005	Dược học
131	02000751	Nguyễn Công Danh	18/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
132	02000777	Lê Quang Đăng	28/02/2005	Dược học
133	02000784	Võ Minh Đức	22/09/2005	Dược học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
134	02000784	Võ Minh Đức	22/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
135	02000799	Bùi Phạm Gia Hân	17/01/2005	Y khoa
136	02000825	Nguyễn Phan Gia Huy	01/06/2005	Y khoa
137	02000825	Nguyễn Phan Gia Huy	01/06/2005	Dược học
138	02000825	Nguyễn Phan Gia Huy	01/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
139	02000835	Nguyễn Việt Hưng	08/03/2005	Y khoa
140	02000835	Nguyễn Việt Hưng	08/03/2005	Dược học
141	02000835	Nguyễn Việt Hưng	08/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
142	02000915	Trần Khánh Linh	18/03/2005	Dược học
143	02000947	Nguyễn Nhật Minh	22/10/2005	Dược học
144	02000950	Nguyễn Tuấn Minh	08/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
145	02000955	Trần Quang Minh	04/11/2005	Dược học
146	02000974	Nguyễn Lâm Thanh Ngân	19/10/2005	Y khoa
147	02000974	Nguyễn Lâm Thanh Ngân	19/10/2005	Dược học
148	02000974	Nguyễn Lâm Thanh Ngân	19/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
149	02000974	Nguyễn Lâm Thanh Ngân	19/10/2005	Y học dự phòng
150	02000974	Nguyễn Lâm Thanh Ngân	19/10/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
151	02000974	Nguyễn Lâm Thanh Ngân	19/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
152	02000974	Nguyễn Lâm Thanh Ngân	19/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
153	02000974	Nguyễn Lâm Thanh Ngân	19/10/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
154	02000992	Nguyễn Trần Bảo Ngọc	02/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
155	02000992	Nguyễn Trần Bảo Ngọc	02/01/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
156	02001014	Trang Minh Nhật	12/08/2005	Dược học
157	02001016	Dương Khả Nhi	23/06/2005	Y khoa
158	02001016	Dương Khả Nhi	23/06/2005	Dược học
159	02001016	Dương Khả Nhi	23/06/2005	Y học cổ truyền
160	02001053	Lê Trần Uyên Phương	16/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
161	02001053	Lê Trần Uyên Phương	16/01/2005	Dinh dưỡng
162	02001053	Lê Trần Uyên Phương	16/01/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
163	02001053	Lê Trần Uyên Phương	16/01/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
164	02001062	Mai Khắc Quang	07/04/2005	Y khoa
165	02001062	Mai Khắc Quang	07/04/2005	Dược học
166	02001062	Mai Khắc Quang	07/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
167	02001062	Mai Khắc Quang	07/04/2005	Kỹ thuật Phục hình răng

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
168	02001062	Mai Khắc Quang	07/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
169	02001062	Mai Khắc Quang	07/04/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
170	02001062	Mai Khắc Quang	07/04/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
171	02001074	Nguyễn Phương Quân	27/09/2005	Y khoa
172	02001074	Nguyễn Phương Quân	27/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
173	02001077	Huỳnh Đức Quốc	08/01/2005	Dược học
174	02001077	Huỳnh Đức Quốc	08/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
175	02001089	Nguyễn Ngọc Lam Quỳnh	25/12/2005	Y khoa
176	02001089	Nguyễn Ngọc Lam Quỳnh	25/12/2005	Dược học
177	02001089	Nguyễn Ngọc Lam Quỳnh	25/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
178	02001099	Trần Thái Nhật Tâm	17/05/2005	Y khoa
179	02001099	Trần Thái Nhật Tâm	17/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
180	02001099	Trần Thái Nhật Tâm	17/05/2005	Y học cổ truyền
181	02001102	Lê Thiên Thanh	28/08/2005	Y khoa
182	02001102	Lê Thiên Thanh	28/08/2005	Dược học
183	02001103	Nguyễn Giang Thanh	18/09/2005	Y khoa
184	02001103	Nguyễn Giang Thanh	18/09/2005	Dược học
185	02001111	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	20/06/2005	Y khoa
186	02001111	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	20/06/2005	Dược học
187	02001111	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	20/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
188	02001111	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	20/06/2005	Y học cổ truyền
189	02001111	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	20/06/2005	Y học dự phòng
190	02001111	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	20/06/2005	Y tế công cộng
191	02001111	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	20/06/2005	Dinh dưỡng
192	02001111	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	20/06/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
193	02001111	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	20/06/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
194	02001111	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	20/06/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
195	02001112	Phạm Hoàng Mai Thảo	12/04/2005	Y khoa
196	02001112	Phạm Hoàng Mai Thảo	12/04/2005	Dược học
197	02001112	Phạm Hoàng Mai Thảo	12/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
198	02001117	Đặng Quang Thiên	24/03/2005	Y khoa
199	02001117	Đặng Quang Thiên	24/03/2005	Dược học
200	02001164	Phan Bảo Trân	02/11/2005	Y khoa
201	02001165	Phan Ngọc Trân	03/11/2005	Dược học
202	02001165	Phan Ngọc Trân	03/11/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
203	02001173	Trần Ánh Thống Trình	21/09/2005	Y khoa
204	02001173	Trần Ánh Thống Trình	21/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
205	02001173	Trần Ánh Thống Trình	21/09/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
206	02001173	Trần Ánh Thống Trình	21/09/2005	Dược học
207	02001180	Nguyễn Lê Minh Trục	29/10/2005	Dược học
208	02001189	Phạm Minh Tuấn	04/04/2005	Dược học
209	02002588	Lưu Thanh Trúc	02/12/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
210	02002588	Lưu Thanh Trúc	02/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
211	02002588	Lưu Thanh Trúc	02/12/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
212	02003111	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	15/11/2005	Dược học
213	02003255	Kiều Thiên Lam	20/05/2005	Dược học
214	02003255	Kiều Thiên Lam	20/05/2005	Y học cổ truyền
215	02003255	Kiều Thiên Lam	20/05/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
216	02003255	Kiều Thiên Lam	20/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
217	02003255	Kiều Thiên Lam	20/05/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
218	02003272	Bùi Khánh Linh	20/07/2005	Y khoa
219	02003272	Bùi Khánh Linh	20/07/2005	Dược học
220	02003619	Lê Nhật Quang	20/10/2005	Dược học
221	02003797	Đỗ Lê Phương Anh	28/12/2005	Y khoa
222	02003797	Đỗ Lê Phương Anh	28/12/2005	Dược học
223	02003797	Đỗ Lê Phương Anh	28/12/2005	Y học cổ truyền
224	02003797	Đỗ Lê Phương Anh	28/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
225	02003801	Hồ Phan Châu Anh	19/05/2005	Y khoa
226	02003801	Hồ Phan Châu Anh	19/05/2005	Dược học
227	02003801	Hồ Phan Châu Anh	19/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
228	02003806	Lương Tú Anh	27/05/2005	Y khoa
229	02003806	Lương Tú Anh	27/05/2005	Dược học
230	02003806	Lương Tú Anh	27/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
231	02003827	Phạm Minh Anh	10/10/2005	Y khoa
232	02003827	Phạm Minh Anh	10/10/2005	Dược học
233	02003827	Phạm Minh Anh	10/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
234	02003857	Vũ Minh Bảo	05/08/2005	Y khoa
235	02003857	Vũ Minh Bảo	05/08/2005	Dược học
236	02003857	Vũ Minh Bảo	05/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
237	02003857	Vũ Minh Bảo	05/08/2005	Y học cổ truyền

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
238	02003857	Vũ Minh Bảo	05/08/2005	Y học dự phòng
239	02003857	Vũ Minh Bảo	05/08/2005	Y tế công cộng
240	02003857	Vũ Minh Bảo	05/08/2005	Dinh dưỡng
241	02003857	Vũ Minh Bảo	05/08/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
242	02003857	Vũ Minh Bảo	05/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
243	02003857	Vũ Minh Bảo	05/08/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
244	02003857	Vũ Minh Bảo	05/08/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
245	02003871	Võ Thành Chương	16/06/2005	Dược học
246	02003871	Võ Thành Chương	16/06/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
247	02003882	Phan Huỳnh Kim Dung	26/01/2005	Dược học
248	02003882	Phan Huỳnh Kim Dung	26/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
249	02003882	Phan Huỳnh Kim Dung	26/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
250	02003883	Cao Trí Dũng	31/01/2005	Y khoa
251	02003883	Cao Trí Dũng	31/01/2005	Dược học
252	02003883	Cao Trí Dũng	31/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
253	02003891	Nguyễn Hoàng Duy	17/03/2005	Y khoa
254	02003891	Nguyễn Hoàng Duy	17/03/2005	Dược học
255	02003891	Nguyễn Hoàng Duy	17/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
256	02003891	Nguyễn Hoàng Duy	17/03/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
257	02003891	Nguyễn Hoàng Duy	17/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
258	02003891	Nguyễn Hoàng Duy	17/03/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
259	02003894	Nguyễn Thụy Thùy Dương	21/01/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
260	02003917	Trần Lâm Trí Đức	06/07/2005	Y khoa
261	02003937	Lê Nguyễn Gia Hân	27/05/2005	Y khoa
262	02003937	Lê Nguyễn Gia Hân	27/05/2005	Dược học
263	02003937	Lê Nguyễn Gia Hân	27/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
264	02003937	Lê Nguyễn Gia Hân	27/05/2005	Y học cổ truyền
265	02003937	Lê Nguyễn Gia Hân	27/05/2005	Y học dự phòng
266	02003937	Lê Nguyễn Gia Hân	27/05/2005	Y tế công cộng
267	02003937	Lê Nguyễn Gia Hân	27/05/2005	Dinh dưỡng
268	02003937	Lê Nguyễn Gia Hân	27/05/2005	Điều dưỡng
269	02003937	Lê Nguyễn Gia Hân	27/05/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
270	02003937	Lê Nguyễn Gia Hân	27/05/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
271	02003937	Lê Nguyễn Gia Hân	27/05/2005	Hộ sinh
272	02003937	Lê Nguyễn Gia Hân	27/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
273	02003937	Lê Nguyễn Gia Hân	27/05/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
274	02003937	Lê Nguyễn Gia Hân	27/05/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
275	02003948	Vương Khả Hân	20/09/2005	Dinh dưỡng
276	02003948	Vương Khả Hân	20/09/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
277	02003948	Vương Khả Hân	20/09/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
278	02004014	Nguyễn Đan Uyên Khanh	18/06/2005	Dược học
279	02004030	Võ Anh Khoa	26/09/2005	Y khoa
280	02004030	Võ Anh Khoa	26/09/2005	Dược học
281	02004030	Võ Anh Khoa	26/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
282	02004049	Nguyễn Hoàng Gia Kiên	15/09/2005	Dược học
283	02004049	Nguyễn Hoàng Gia Kiên	15/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
284	02004049	Nguyễn Hoàng Gia Kiên	15/09/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
285	02004060	Thái Thư Kỳ	07/11/2005	Dược học
286	02004060	Thái Thư Kỳ	07/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
287	02004075	Nguyễn Hoàng Phương Linh	30/09/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
288	02004075	Nguyễn Hoàng Phương Linh	30/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
289	02004075	Nguyễn Hoàng Phương Linh	30/09/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
290	02004114	Nguyễn Đỗ Khải Minh	07/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
291	02004116	Nguyễn Nhật Minh	06/03/2005	Y khoa
292	02004116	Nguyễn Nhật Minh	06/03/2005	Dược học
293	02004116	Nguyễn Nhật Minh	06/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
294	02004118	Tăng Diệu Minh	02/11/2005	Y học cổ truyền
295	02004118	Tăng Diệu Minh	02/11/2005	Y học dự phòng
296	02004151	Nguyễn Trương Xuân Nghi	17/05/2005	Dược học
297	02004173	Phan Thị Yến Ngọc	30/09/2005	Dược học
298	02004188	Lý Huệ Nhân	19/08/2005	Dược học
299	02004203	Nguyễn Đỗ Khánh Nhi	18/04/2005	Y khoa
300	02004203	Nguyễn Đỗ Khánh Nhi	18/04/2005	Dược học
301	02004213	Trần Ngọc Phương Nhi	12/08/2005	Y khoa
302	02004241	Trần Gia Phụng	22/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
303	02004243	Diêu Âu Uyên Phương	05/05/2005	Y khoa
304	02004243	Diêu Âu Uyên Phương	05/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
305	02004253	Trịnh Huỳnh Giao Phương	22/08/2005	Dược học
306	02004253	Trịnh Huỳnh Giao Phương	22/08/2005	Y học cổ truyền

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
307	02004253	Trịnh Huỳnh Giao Phương	22/08/2005	Y học dự phòng
308	02004253	Trịnh Huỳnh Giao Phương	22/08/2005	Y tế công cộng
309	02004282	Nguyễn Bùi Văn Tâm	23/07/2005	Dược học
310	02004282	Nguyễn Bùi Văn Tâm	23/07/2005	Y học cổ truyền
311	02004326	Nguyễn Lê Minh Thư	17/01/2005	Dược học
312	02004335	Vũ Lê Anh Thư	22/02/2005	Y khoa
313	02004411	Lê Lương Minh Vy	29/11/2005	Y khoa
314	02004411	Lê Lương Minh Vy	29/11/2005	Dược học
315	02004411	Lê Lương Minh Vy	29/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
316	02004411	Lê Lương Minh Vy	29/11/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
317	02004411	Lê Lương Minh Vy	29/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
318	02004411	Lê Lương Minh Vy	29/11/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
319	02004411	Lê Lương Minh Vy	29/11/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
320	02004434	Dur Nguyễn Quốc An	12/07/2005	Y khoa
321	02004434	Dur Nguyễn Quốc An	12/07/2005	Dược học
322	02004434	Dur Nguyễn Quốc An	12/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
323	02004436	Hoàng Thị Hoài An	31/10/2005	Y khoa
324	02004443	Nguyễn Phạm Khánh An	04/06/2005	Dược học
325	02004443	Nguyễn Phạm Khánh An	04/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
326	02004443	Nguyễn Phạm Khánh An	04/06/2005	Y học cổ truyền
327	02004451	Bùi Hoàng Tuyết Anh	17/12/2005	Y khoa
328	02004451	Bùi Hoàng Tuyết Anh	17/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
329	02004455	Chu Quốc Anh	05/05/2005	Dược học
330	02004455	Chu Quốc Anh	05/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
331	02004456	Cù Ngọc Anh	14/12/2005	Y khoa
332	02004462	Đinh Trần Tú Anh	14/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
333	02004465	Lê Hải Anh	23/12/2005	Dược học
334	02004467	Lê Nguyễn Quỳnh Anh	24/02/2005	Dược học
335	02004472	Nguyễn Hải Anh	28/02/2005	Dược học
336	02004477	Nguyễn Ngọc Lan Anh	01/01/2005	Y khoa
337	02004477	Nguyễn Ngọc Lan Anh	01/01/2005	Dược học
338	02004477	Nguyễn Ngọc Lan Anh	01/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
339	02004479	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	13/01/2005	Y khoa
340	02004480	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	17/05/2005	Y khoa
341	02004480	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	17/05/2005	Dược học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
342	02004480	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	17/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
343	02004493	Phạm Quốc Anh	11/06/2005	Dược học
344	02004494	Phạm Quỳnh Anh	06/03/2005	Y khoa
345	02004494	Phạm Quỳnh Anh	06/03/2005	Dược học
346	02004494	Phạm Quỳnh Anh	06/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
347	02004500	Trần Hoàng Anh	11/12/2005	Y khoa
348	02004535	Hồ Phan Gia Bảo	27/03/2005	Y khoa
349	02004535	Hồ Phan Gia Bảo	27/03/2005	Dược học
350	02004535	Hồ Phan Gia Bảo	27/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
351	02004535	Hồ Phan Gia Bảo	27/03/2005	Y học cổ truyền
352	02004539	Nguyễn Gia Bảo	12/04/2005	Y khoa
353	02004540	Nguyễn Hữu Gia Bảo	15/07/2005	Y khoa
354	02004540	Nguyễn Hữu Gia Bảo	15/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
355	02004545	Thới Lê Văn Bảo	16/12/2005	Y khoa
356	02004545	Thới Lê Văn Bảo	16/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
357	02004550	Trịnh Quốc Bảo	20/03/2005	Dược học
358	02004552	Trương Nguyễn Gia Bảo	08/08/2005	Y khoa
359	02004552	Trương Nguyễn Gia Bảo	08/08/2005	Dược học
360	02004552	Trương Nguyễn Gia Bảo	08/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
361	02004552	Trương Nguyễn Gia Bảo	08/08/2005	Dinh dưỡng
362	02004552	Trương Nguyễn Gia Bảo	08/08/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
363	02004553	Trương Sanh Gia Bảo	15/01/2005	Y khoa
364	02004553	Trương Sanh Gia Bảo	15/01/2005	Dược học
365	02004553	Trương Sanh Gia Bảo	15/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
366	02004554	Vũ Hoàng Ngọc Bảo	21/07/2005	Y khoa
367	02004561	Nguyễn Nhật Bình	27/07/2005	Y khoa
368	02004562	Nguyễn Thanh Bình	03/12/2005	Y khoa
369	02004562	Nguyễn Thanh Bình	03/12/2005	Dược học
370	02004571	Đoàn Ngô Minh Châu	18/02/2005	Y khoa
371	02004571	Đoàn Ngô Minh Châu	18/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
372	02004573	Ôn Lệ Châu	19/12/2005	Y khoa
373	02004573	Ôn Lệ Châu	19/12/2005	Dược học
374	02004618	Nguyễn Thanh Duy	27/01/2005	Y khoa
375	02004618	Nguyễn Thanh Duy	27/01/2005	Dược học
376	02004618	Nguyễn Thanh Duy	27/01/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
377	02004623	Mai Thị Ánh Dương	27/02/2005	Dược học
378	02004623	Mai Thị Ánh Dương	27/02/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
379	02004623	Mai Thị Ánh Dương	27/02/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
380	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Y khoa
381	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Dược học
382	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
383	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Y học cổ truyền
384	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Y học dự phòng
385	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Y tế công cộng
386	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Dinh dưỡng
387	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Điều dưỡng
388	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Kỹ thuật phục hình răng
389	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
390	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Hộ sinh
391	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
392	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
393	02004624	Lê Hoài Duyên	30/03/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
394	02004627	Bá Xuân Tùng Dương	04/05/2005	Y khoa
395	02004627	Bá Xuân Tùng Dương	04/05/2005	Dược học
396	02004627	Bá Xuân Tùng Dương	04/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
397	02004637	Phạm Nguyễn Ánh Dương	18/01/2005	Y khoa
398	02004637	Phạm Nguyễn Ánh Dương	18/01/2005	Dược học
399	02004637	Phạm Nguyễn Ánh Dương	18/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
400	02004643	Nguyễn Sĩ Đan	18/08/2005	Y khoa
401	02004643	Nguyễn Sĩ Đan	18/08/2005	Dược học
402	02004643	Nguyễn Sĩ Đan	18/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
403	02004643	Nguyễn Sĩ Đan	18/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
404	02004643	Nguyễn Sĩ Đan	18/08/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
405	02004655	Thái Chánh Đạt	27/12/2005	Y khoa
406	02004668	Bùi Anh Đức	21/07/2005	Y khoa
407	02004668	Bùi Anh Đức	21/07/2005	Dược học
408	02004668	Bùi Anh Đức	21/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
409	02004677	Trương Trọng Đức	07/02/2005	Y khoa
410	02004677	Trương Trọng Đức	07/02/2005	Dược học
411	02004677	Trương Trọng Đức	07/02/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
412	02004678	Võ Trịnh Hồng Đức	13/10/2005	Y khoa
413	02004678	Võ Trịnh Hồng Đức	13/10/2005	Dược học
414	02004678	Võ Trịnh Hồng Đức	13/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
415	02004681	Lê Hồng Ngọc Giang	19/06/2005	Y khoa
416	02004689	Lê Thanh Giao	06/09/2005	Dược học
417	02004699	Trần Ngọc Khánh Hà	28/02/2005	Dược học
418	02004712	Phùng Minh Hằng	18/01/2005	Y khoa
419	02004712	Phùng Minh Hằng	18/01/2005	Dược học
420	02004712	Phùng Minh Hằng	18/01/2005	Dinh dưỡng
421	02004733	Nguyễn Đức Hiệp	20/07/2005	Y khoa
422	02004733	Nguyễn Đức Hiệp	20/07/2005	Dược học
423	02004733	Nguyễn Đức Hiệp	20/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
424	02004733	Nguyễn Đức Hiệp	20/07/2005	Y học cổ truyền
425	02004733	Nguyễn Đức Hiệp	20/07/2005	Y học dự phòng
426	02004733	Nguyễn Đức Hiệp	20/07/2005	Y tế công cộng
427	02004733	Nguyễn Đức Hiệp	20/07/2005	Dinh dưỡng
428	02004733	Nguyễn Đức Hiệp	20/07/2005	Điều dưỡng
429	02004733	Nguyễn Đức Hiệp	20/07/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
430	02004733	Nguyễn Đức Hiệp	20/07/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
431	02004733	Nguyễn Đức Hiệp	20/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
432	02004733	Nguyễn Đức Hiệp	20/07/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
433	02004733	Nguyễn Đức Hiệp	20/07/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
434	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Y khoa
435	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Dược học
436	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
437	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Y học cổ truyền
438	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Y học dự phòng
439	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Y tế công cộng
440	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Dinh dưỡng
441	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Điều dưỡng
442	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Kỹ thuật phục hình răng
443	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
444	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
445	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
446	02004738	Mai Khắc Hiếu	14/08/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
447	02004743	Nguyễn Lê Minh Hòa	29/12/2005	Y khoa
448	02004743	Nguyễn Lê Minh Hòa	29/12/2005	Dược học
449	02004743	Nguyễn Lê Minh Hòa	29/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
450	02004746	Đỗ Minh Hoàng	13/09/2005	Y khoa
451	02004746	Đỗ Minh Hoàng	13/09/2005	Dược học
452	02004746	Đỗ Minh Hoàng	13/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
453	02004746	Đỗ Minh Hoàng	13/09/2005	Y học cổ truyền
454	02004746	Đỗ Minh Hoàng	13/09/2005	Y học dự phòng
455	02004746	Đỗ Minh Hoàng	13/09/2005	Y tế công cộng
456	02004746	Đỗ Minh Hoàng	13/09/2005	Dinh dưỡng
457	02004746	Đỗ Minh Hoàng	13/09/2005	Điều dưỡng
458	02004746	Đỗ Minh Hoàng	13/09/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
459	02004746	Đỗ Minh Hoàng	13/09/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
460	02004746	Đỗ Minh Hoàng	13/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
461	02004746	Đỗ Minh Hoàng	13/09/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
462	02004746	Đỗ Minh Hoàng	13/09/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
463	02004751	Trương Công Huy Hoàng	21/01/2005	Y khoa
464	02004754	Nguyễn Võ Phước Hồng	28/08/2005	Dược học
465	02004754	Nguyễn Võ Phước Hồng	28/08/2005	Dinh dưỡng
466	02004756	Đặng Sinh Hùng	21/09/2005	Y khoa
467	02004756	Đặng Sinh Hùng	21/09/2005	Dược học
468	02004756	Đặng Sinh Hùng	21/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
469	02004760	Đinh Bảo Huy	06/09/2005	Y khoa
470	02004760	Đinh Bảo Huy	06/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
471	02004764	Hồ Đức Huy	31/08/2005	Y khoa
472	02004776	Phùng Nguyễn Nhật Huy	26/09/2005	Dược học
473	02004776	Phùng Nguyễn Nhật Huy	26/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
474	02004776	Phùng Nguyễn Nhật Huy	26/09/2005	Y học cổ truyền
475	02004776	Phùng Nguyễn Nhật Huy	26/09/2005	Y học dự phòng
476	02004776	Phùng Nguyễn Nhật Huy	26/09/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
477	02004797	Nguyễn Gia Bảo Hương	20/07/2005	Dược học
478	02004802	Nguyễn Vĩ Kha	06/04/2005	Y khoa
479	02004802	Nguyễn Vĩ Kha	06/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
480	02004845	Nguyễn Trí Anh Khoa	21/01/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
481	02004845	Nguyễn Trí Anh Khoa	21/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
482	02004854	Nguyễn Đình Khôi	15/09/2005	Y khoa
483	02004854	Nguyễn Đình Khôi	15/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
484	02004857	Nguyễn Lê Đăng Khôi	08/11/2005	Y khoa
485	02004857	Nguyễn Lê Đăng Khôi	08/11/2005	Dược học
486	02004858	Nguyễn Ngọc Minh Khôi	05/01/2005	Y khoa
487	02004858	Nguyễn Ngọc Minh Khôi	05/01/2005	Dược học
488	02004858	Nguyễn Ngọc Minh Khôi	05/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
489	02004861	Trương Minh Khôi	01/01/2005	Y khoa
490	02004861	Trương Minh Khôi	01/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
491	02004877	Trần Ngọc Phương Nhi	14/04/2005	Y khoa
492	02004877	Trần Ngọc Phương Nhi	14/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
493	02004880	Võ Trần Yến Nhi	04/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
494	02004881	Hoàng Hồng Nhiên	31/05/2005	Y khoa
495	02004881	Hoàng Hồng Nhiên	31/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
496	02004892	Hồ Võ Hằng Ni	23/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
497	02004900	Nguyễn Gia Phú	12/11/2005	Y khoa
498	02004900	Nguyễn Gia Phú	12/11/2005	Dược học
499	02004900	Nguyễn Gia Phú	12/11/2005	Y học cổ truyền
500	02004909	Nguyễn Thị Hồng Phúc	28/11/2005	Y khoa
501	02004909	Nguyễn Thị Hồng Phúc	28/11/2005	Dược học
502	02004909	Nguyễn Thị Hồng Phúc	28/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
503	02004912	Phan Minh Phúc	14/02/2005	Y khoa
504	02004912	Phan Minh Phúc	14/02/2005	Dược học
505	02004917	Nguyễn Trương Hoàng Phước	26/05/2005	Y khoa
506	02004917	Nguyễn Trương Hoàng Phước	26/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
507	02004927	Lý Huỳnh Minh Thiện	26/11/2005	Y khoa
508	02004927	Lý Huỳnh Minh Thiện	26/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
509	02004927	Lý Huỳnh Minh Thiện	26/11/2005	Y học cổ truyền
510	02004932	Phạm Tấn Thịnh	26/01/2005	Y khoa
511	02004932	Phạm Tấn Thịnh	26/01/2005	Dược học
512	02004932	Phạm Tấn Thịnh	26/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
513	02004956	Nguyễn Lê Minh Thư	24/01/2005	Dược học
514	02004961	Nguyễn Thái Minh Thư	08/12/2005	Y khoa
515	02004961	Nguyễn Thái Minh Thư	08/12/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
516	02004964	Nguyễn Tú Anh Thư	24/03/2005	Y khoa
517	02004964	Nguyễn Tú Anh Thư	24/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
518	02004970	Trương Minh Thư	11/10/2005	Dược học
519	02004972	Vũ Anh Thư	11/07/2005	Y khoa
520	02004972	Vũ Anh Thư	11/07/2005	Dược học
521	02004972	Vũ Anh Thư	11/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
522	02004978	Lê Nguyễn Minh Thy	30/01/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
523	02004978	Lê Nguyễn Minh Thy	30/01/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
524	02004978	Lê Nguyễn Minh Thy	30/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
525	02004987	Lê Ngọc Thủy Tiên	01/11/2005	Y khoa
526	02004987	Lê Ngọc Thủy Tiên	01/11/2005	Dược học
527	02004987	Lê Ngọc Thủy Tiên	01/11/2005	Hộ sinh
528	02004993	Hứa Mẫn Tiến	04/04/2005	Y khoa
529	02004993	Hứa Mẫn Tiến	04/04/2005	Dược học
530	02004993	Hứa Mẫn Tiến	04/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
531	02005004	Lê Minh Trang	25/02/2005	Dược học
532	02005004	Lê Minh Trang	25/02/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
533	02005004	Lê Minh Trang	25/02/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
534	02005007	Nguyễn Bảo Khánh Trang	09/10/2005	Y khoa
535	02005007	Nguyễn Bảo Khánh Trang	09/10/2005	Dược học
536	02005007	Nguyễn Bảo Khánh Trang	09/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
537	02005007	Nguyễn Bảo Khánh Trang	09/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
538	02005007	Nguyễn Bảo Khánh Trang	09/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
539	02005008	Nguyễn Bảo Trang	05/02/2005	Y khoa
540	02005008	Nguyễn Bảo Trang	05/02/2005	Dược học
541	02005009	Phan Quỳnh Trang	27/09/2005	Dược học
542	02005009	Phan Quỳnh Trang	27/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
543	02005021	Nguyễn Bảo Trân	09/04/2005	Dược học
544	02005021	Nguyễn Bảo Trân	09/04/2005	Dinh dưỡng
545	02005023	Nguyễn Phan Bảo Trân	28/08/2005	Y khoa
546	02005023	Nguyễn Phan Bảo Trân	28/08/2005	Dược học
547	02005023	Nguyễn Phan Bảo Trân	28/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
548	02005024	Phạm Ân Trân	01/09/2005	Y khoa
549	02005024	Phạm Ân Trân	01/09/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
550	02005025	Trần Hoàng Trân	31/03/2005	Dược học
551	02005025	Trần Hoàng Trân	31/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
552	02005037	Nguyễn Ngọc Minh Trí	11/10/2005	Y khoa
553	02005037	Nguyễn Ngọc Minh Trí	11/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
554	02005037	Nguyễn Ngọc Minh Trí	11/10/2005	Dược học
555	02005037	Nguyễn Ngọc Minh Trí	11/10/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
556	02005044	Kiều Công Triết	08/01/2005	Y khoa
557	02005044	Kiều Công Triết	08/01/2005	Dược học
558	02005044	Kiều Công Triết	08/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
559	02005046	Nguyễn Minh Triết	19/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
560	02005048	Nguyễn Trần Minh Triết	26/09/2005	Y khoa
561	02005048	Nguyễn Trần Minh Triết	26/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
562	02005068	Nguyễn Minh Tú	14/01/2005	Y khoa
563	02005068	Nguyễn Minh Tú	14/01/2005	Dược học
564	02005068	Nguyễn Minh Tú	14/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
565	02005068	Nguyễn Minh Tú	14/01/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
566	02005081	Trương Hoàng Tuấn	13/09/2005	Y khoa
567	02005085	Trần Huy Tùng	15/03/2005	Y khoa
568	02005093	Ngô Hoàng Nhã Uyên	08/01/2005	Y khoa
569	02005093	Ngô Hoàng Nhã Uyên	08/01/2005	Dược học
570	02005099	Thái Toại Nhật Uyên	04/11/2005	Y khoa
571	02005099	Thái Toại Nhật Uyên	04/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
572	02005106	Lê Tuyết Vân	26/02/2005	Y khoa
573	02005106	Lê Tuyết Vân	26/02/2005	Dược học
574	02005106	Lê Tuyết Vân	26/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
575	02005106	Lê Tuyết Vân	26/02/2005	Y học cổ truyền
576	02005106	Lê Tuyết Vân	26/02/2005	Y học dự phòng
577	02005106	Lê Tuyết Vân	26/02/2005	Y tế công cộng
578	02005106	Lê Tuyết Vân	26/02/2005	Dinh dưỡng
579	02005106	Lê Tuyết Vân	26/02/2005	Điều dưỡng
580	02005106	Lê Tuyết Vân	26/02/2005	Kỹ thuật phục hình răng
581	02005106	Lê Tuyết Vân	26/02/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
582	02005106	Lê Tuyết Vân	26/02/2005	Hộ sinh
583	02005106	Lê Tuyết Vân	26/02/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
584	02005106	Lê Tuyết Vân	26/02/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
585	02005106	Lê Tuyết Vân	26/02/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
586	02005107	Nguyễn Khánh Vân	06/08/2005	Dược học
587	02005109	Nguyễn Ngọc Khánh Vân	19/04/2005	Y khoa
588	02005109	Nguyễn Ngọc Khánh Vân	19/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
589	02005116	Trần Quốc Việt	19/01/2005	Y khoa
590	02005116	Trần Quốc Việt	19/01/2005	Dược học
591	02005116	Trần Quốc Việt	19/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
592	02005119	Lê Công Vinh	20/04/2005	Y khoa
593	02005119	Lê Công Vinh	20/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
594	02005120	Nguyễn Phú Vinh	26/05/2005	Dược học
595	02005134	Nguyễn Thúy Vy	22/02/2005	Dược học
596	02005134	Nguyễn Thúy Vy	22/02/2005	Y khoa
597	02005155	Đình Minh Khánh Huyền	16/04/2005	Y khoa
598	02005155	Đình Minh Khánh Huyền	16/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
599	02005158	Nguyễn Thị Thiên Hương	02/08/2005	Y khoa
600	02005158	Nguyễn Thị Thiên Hương	02/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
601	02005158	Nguyễn Thị Thiên Hương	02/08/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
602	02005162	Diệp Khả	12/12/2005	Dược học
603	02005162	Diệp Khả	12/12/2005	Dinh dưỡng
604	02005162	Diệp Khả	12/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
605	02005162	Diệp Khả	12/12/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
606	02005164	Ngô Thế Khang	13/03/2005	Y khoa
607	02005168	Nguyễn Ngọc Minh Khánh	07/10/2005	Y khoa
608	02005168	Nguyễn Ngọc Minh Khánh	07/10/2005	Dược học
609	02005169	Phạm Ngọc Gia Khiêm	09/06/2005	Y khoa
610	02005169	Phạm Ngọc Gia Khiêm	09/06/2005	Dược học
611	02005169	Phạm Ngọc Gia Khiêm	09/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
612	02005173	Phạm Trần Anh Khoa	09/04/2005	Y khoa
613	02005173	Phạm Trần Anh Khoa	09/04/2005	Dược học
614	02005178	Nguyễn Đức Khôi	23/12/2005	Y khoa
615	02005178	Nguyễn Đức Khôi	23/12/2005	Dược học
616	02005178	Nguyễn Đức Khôi	23/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
617	02005194	Trương Trung Kiên	09/03/2005	Y khoa
618	02005194	Trương Trung Kiên	09/03/2005	Dược học
619	02005194	Trương Trung Kiên	09/03/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
620	02005206	Huỳnh Gia Lạc	14/06/2005	Y học cổ truyền
621	02005206	Huỳnh Gia Lạc	14/06/2005	Y học dự phòng
622	02005207	Nguyễn Hoàng Bảo Lam	12/07/2005	Y khoa
623	02005210	Lê Thị Xuân Lan	18/06/2005	Dược học
624	02005210	Lê Thị Xuân Lan	18/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
625	02005210	Lê Thị Xuân Lan	18/06/2005	Y học dự phòng
626	02005210	Lê Thị Xuân Lan	18/06/2005	Y tế công cộng
627	02005210	Lê Thị Xuân Lan	18/06/2005	Dinh dưỡng
628	02005210	Lê Thị Xuân Lan	18/06/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
629	02005215	Lương Gia Lâm	13/03/2005	Y khoa
630	02005215	Lương Gia Lâm	13/03/2005	Dược học
631	02005215	Lương Gia Lâm	13/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
632	02005215	Lương Gia Lâm	13/03/2005	Y học cổ truyền
633	02005215	Lương Gia Lâm	13/03/2005	Y học dự phòng
634	02005215	Lương Gia Lâm	13/03/2005	Y tế công cộng
635	02005215	Lương Gia Lâm	13/03/2005	Dinh dưỡng
636	02005215	Lương Gia Lâm	13/03/2005	Điều dưỡng
637	02005215	Lương Gia Lâm	13/03/2005	Kỹ thuật phục hình răng
638	02005215	Lương Gia Lâm	13/03/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
639	02005215	Lương Gia Lâm	13/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
640	02005215	Lương Gia Lâm	13/03/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
641	02005215	Lương Gia Lâm	13/03/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
642	02005220	Trần Quang Lập	06/04/2005	Y khoa
643	02005220	Trần Quang Lập	06/04/2005	Dược học
644	02005220	Trần Quang Lập	06/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
645	02005220	Trần Quang Lập	06/04/2005	Y học cổ truyền
646	02005223	Kuang Kai 4	02/06/2005	Y khoa
647	02005223	Kuang Kai 4	02/06/2005	Dược học
648	02005233	Nguyễn Khánh Linh	12/05/2005	Y khoa
649	02005233	Nguyễn Khánh Linh	12/05/2005	Dược học
650	02005233	Nguyễn Khánh Linh	12/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
651	02005249	Trần Vương Khánh Linh	21/02/2005	Y khoa
652	02005254	Lê Hoàng Long	01/10/2005	Y khoa
653	02005254	Lê Hoàng Long	01/10/2005	Dược học
654	02005254	Lê Hoàng Long	01/10/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
655	02005254	Lê Hoàng Long	01/10/2005	Y học cổ truyền
656	02005258	Nguyễn Hoàng Long	25/03/2005	Y khoa
657	02005258	Nguyễn Hoàng Long	25/03/2005	Dược học
658	02005258	Nguyễn Hoàng Long	25/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
659	02005270	Nguyễn Ngọc Xuân Mai	05/07/2005	Y khoa
660	02005270	Nguyễn Ngọc Xuân Mai	05/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
661	02005282	Hồ Nguyễn Đức Minh	01/01/2005	Y khoa
662	02005282	Hồ Nguyễn Đức Minh	01/01/2005	Dược học
663	02005282	Hồ Nguyễn Đức Minh	01/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
664	02005282	Hồ Nguyễn Đức Minh	01/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
665	02005284	Huỳnh Nguyễn Hiểu Minh	27/09/2005	Y khoa
666	02005284	Huỳnh Nguyễn Hiểu Minh	27/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
667	02005287	Lê Hồng Minh	23/09/2005	Y khoa
668	02005287	Lê Hồng Minh	23/09/2005	Dược học
669	02005292	Ngô Hoàng Lê Minh	10/06/2005	Dược học
670	02005292	Ngô Hoàng Lê Minh	10/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
671	02005304	Nguyễn Trần Quang Minh	28/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
672	02005304	Nguyễn Trần Quang Minh	28/10/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
673	02005314	Vương Đức Minh	04/05/2005	Y khoa
674	02005314	Vương Đức Minh	04/05/2005	Dược học
675	02005314	Vương Đức Minh	04/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
676	02005314	Vương Đức Minh	04/05/2005	Y học cổ truyền
677	02005325	Thuyền Quách Vĩ Na	30/08/2005	Y khoa
678	02005327	Đỗ Thành Nam	14/08/2005	Y khoa
679	02005327	Đỗ Thành Nam	14/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
680	02005341	Trần Hà Nhật Nam	26/07/2005	Dược học
681	02005341	Trần Hà Nhật Nam	26/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
682	02005341	Trần Hà Nhật Nam	26/07/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
683	02005341	Trần Hà Nhật Nam	26/07/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
684	02005344	Đặng Vũ Tuyết Ngân	06/02/2005	Y khoa
685	02005344	Đặng Vũ Tuyết Ngân	06/02/2005	Dược học
686	02005344	Đặng Vũ Tuyết Ngân	06/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
687	02005351	Nguyễn Khánh Ngân	26/08/2005	Y khoa
688	02005351	Nguyễn Khánh Ngân	26/08/2005	Dược học
689	02005353	Nguyễn Vũ Kim Ngân	22/07/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
690	02005353	Nguyễn Vũ Kim Ngân	22/07/2005	Dược học
691	02005353	Nguyễn Vũ Kim Ngân	22/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
692	02005365	Ngô Phương Nghi	18/07/2005	Dược học
693	02005368	Nguyễn Huỳnh Gia Nghi	17/09/2005	Y tế công cộng
694	02005368	Nguyễn Huỳnh Gia Nghi	17/09/2005	Dinh dưỡng
695	02005368	Nguyễn Huỳnh Gia Nghi	17/09/2005	Điều dưỡng
696	02005368	Nguyễn Huỳnh Gia Nghi	17/09/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
697	02005368	Nguyễn Huỳnh Gia Nghi	17/09/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
698	02005368	Nguyễn Huỳnh Gia Nghi	17/09/2005	Hộ sinh
699	02005368	Nguyễn Huỳnh Gia Nghi	17/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
700	02005368	Nguyễn Huỳnh Gia Nghi	17/09/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
701	02005368	Nguyễn Huỳnh Gia Nghi	17/09/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
702	02005369	Nguyễn Ngọc Phương Nghi	18/01/2005	Dược học
703	02005369	Nguyễn Ngọc Phương Nghi	18/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
704	02005378	Huỳnh Hữu Nghiêm	03/11/2005	Y khoa
705	02005381	Hồ Thảo Ngọc	11/01/2005	Y khoa
706	02005381	Hồ Thảo Ngọc	11/01/2005	Dược học
707	02005381	Hồ Thảo Ngọc	11/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
708	02005381	Hồ Thảo Ngọc	11/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
709	02005382	Huỳnh Mai Ngọc	24/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
710	02005393	Phạm Ngô Minh Ngọc	23/08/2005	Y khoa
711	02005396	Trần Nguyễn Bảo Ngọc	28/12/2005	Dược học
712	02005397	Trần Thanh Hoàng Ngọc	30/08/2005	Y khoa
713	02005397	Trần Thanh Hoàng Ngọc	30/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
714	02005404	Lại Võ Trọng Nguyên	07/10/2005	Dược học
715	02005415	Phạm Trọng Nguyên	03/07/2005	Dược học
716	02005415	Phạm Trọng Nguyên	03/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
717	02005420	Nguyễn Việt Nguyễn	17/09/2005	Dược học
718	02005424	Nguyễn Phúc Thanh Nhân	11/10/2005	Dược học
719	02005424	Nguyễn Phúc Thanh Nhân	11/10/2005	Điều dưỡng
720	02005427	Lê Bảo Thiện Nhân	12/03/2005	Y khoa
721	02005441	Ngô Thảo Nhi	06/08/2005	Y khoa
722	02005441	Ngô Thảo Nhi	06/08/2005	Dược học
723	02005447	Nguyễn Thảo Nhi	12/07/2005	Y khoa
724	02005460	Hồ Tấn Phát	10/02/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
725	02005460	Hồ Tấn Phát	10/02/2005	Dược học
726	02005460	Hồ Tấn Phát	10/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
727	02005460	Hồ Tấn Phát	10/02/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
728	02005469	Trần Hoàng Gia Phúc	29/07/2005	Y khoa
729	02005469	Trần Hoàng Gia Phúc	29/07/2005	Dược học
730	02005469	Trần Hoàng Gia Phúc	29/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
731	02005469	Trần Hoàng Gia Phúc	29/07/2005	Y học cổ truyền
732	02005469	Trần Hoàng Gia Phúc	29/07/2005	Y học dự phòng
733	02005469	Trần Hoàng Gia Phúc	29/07/2005	Y tế công cộng
734	02005477	Lê Hồ Nam Phương	07/02/2005	Dược học
735	02005477	Lê Hồ Nam Phương	07/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
736	02005478	Lê Nguyễn Thảo Phương	20/01/2005	Y khoa
737	02005478	Lê Nguyễn Thảo Phương	20/01/2005	Dược học
738	02005478	Lê Nguyễn Thảo Phương	20/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
739	02005479	Lê Phương	05/09/2005	Y khoa
740	02005479	Lê Phương	05/09/2005	Dược học
741	02005479	Lê Phương	05/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
742	02005479	Lê Phương	05/09/2005	Y học dự phòng
743	02005501	Đặng Lê Quang	25/05/2005	Y khoa
744	02005501	Đặng Lê Quang	25/05/2005	Dược học
745	02005501	Đặng Lê Quang	25/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
746	02005502	Đỗ Đăng Quang	24/01/2005	Y khoa
747	02005502	Đỗ Đăng Quang	24/01/2005	Dược học
748	02005502	Đỗ Đăng Quang	24/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
749	02005513	Bùi Võ Minh Quân	03/07/2005	Y khoa
750	02005513	Bùi Võ Minh Quân	03/07/2005	Dược học
751	02005513	Bùi Võ Minh Quân	03/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
752	02005517	Hồ Minh Quân	03/01/2005	Y khoa
753	02005517	Hồ Minh Quân	03/01/2005	Dược học
754	02005523	Nguyễn Anh Quân	14/10/2005	Y khoa
755	02005523	Nguyễn Anh Quân	14/10/2005	Dược học
756	02005523	Nguyễn Anh Quân	14/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
757	02005523	Nguyễn Anh Quân	14/10/2005	Y học cổ truyền
758	02005530	Võ Minh Quân	12/08/2005	Y khoa
759	02005530	Võ Minh Quân	12/08/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
760	02005540	Lê Nguyễn Nhật Quỳnh	14/01/2005	Dược học
761	02005547	Bạch Hưng Thái Sơn	04/10/2005	Y khoa
762	02005547	Bạch Hưng Thái Sơn	04/10/2005	Dược học
763	02005550	Khổng Đức Tài	27/09/2005	Dược học
764	02005555	Nguyễn Minh Tâm	29/04/2005	Dược học
765	02005555	Nguyễn Minh Tâm	29/04/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
766	02005559	Hoàng Đình Tân	22/07/2005	Y khoa
767	02005559	Hoàng Đình Tân	22/07/2005	Dược học
768	02005559	Hoàng Đình Tân	22/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
769	02005566	Dương Ngọc Đan Thanh	19/02/2005	Y khoa
770	02005566	Dương Ngọc Đan Thanh	19/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
771	02005567	Huỳnh Nguyên Ngọc Thanh Thanh	14/09/2005	Y khoa
772	02005569	Trần Thị Kim Thanh	22/09/2005	Dược học
773	02005579	Đỗ Thị Thanh Thảo	16/01/2005	Dược học
774	02005579	Đỗ Thị Thanh Thảo	16/01/2005	Y học cổ truyền
775	02005584	Nguyễn Thu Thảo	22/05/2005	Dược học
776	02005654	Nguyễn Huỳnh Trọng Đức	15/09/2005	Y khoa
777	02005654	Nguyễn Huỳnh Trọng Đức	15/09/2005	Dược học
778	02005654	Nguyễn Huỳnh Trọng Đức	15/09/2005	Y học cổ truyền
779	02005654	Nguyễn Huỳnh Trọng Đức	15/09/2005	Y học dự phòng
780	02005654	Nguyễn Huỳnh Trọng Đức	15/09/2005	Y tế công cộng
781	02005838	Phạm Thanh Nhân	05/04/2005	Dược học
782	02005929	Trương Ái Thuyên	26/04/2005	Dược học
783	02006090	Nguyễn Gia Ánh	27/12/2005	Y tế công cộng
784	02006090	Nguyễn Gia Ánh	27/12/2005	Dinh dưỡng
785	02006090	Nguyễn Gia Ánh	27/12/2005	Điều dưỡng
786	02006090	Nguyễn Gia Ánh	27/12/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
787	02006258	Đỗ Hoàng Hạnh	06/03/2005	Dược học
788	02007426	Nguyễn Trần Vân Anh	15/06/2005	Y khoa
789	02007426	Nguyễn Trần Vân Anh	15/06/2005	Dược học
790	02007426	Nguyễn Trần Vân Anh	15/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
791	02007426	Nguyễn Trần Vân Anh	15/06/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
792	02007426	Nguyễn Trần Vân Anh	15/06/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
793	02007426	Nguyễn Trần Vân Anh	15/06/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
794	02007426	Nguyễn Trần Văn Anh	15/06/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
795	02007538	Bùi Lê Bảo Duy	15/10/2005	Dược học
796	02007987	Lư Quốc Tuấn	14/02/2005	Y khoa
797	02007987	Lư Quốc Tuấn	14/02/2005	Y học cổ truyền
798	02008611	Hồ Thanh Thảo	17/10/2005	Điều dưỡng
799	02008866	Đào Ngọc Minh Khôi	10/01/2005	Y khoa
800	02008866	Đào Ngọc Minh Khôi	10/01/2005	Dược học
801	02008866	Đào Ngọc Minh Khôi	10/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
802	02009765	Phan Thanh Khả Tú	23/05/2005	Dược học
803	02009837	Đầu Thị Kim YẾN	30/08/2005	Dược học
804	02009891	Nguyễn Quỳnh Anh	13/11/2005	Điều dưỡng
805	02009891	Nguyễn Quỳnh Anh	13/11/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
806	02009891	Nguyễn Quỳnh Anh	13/11/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
807	02009938	Bùi Lan Chi	17/01/2005	Y khoa
808	02009938	Bùi Lan Chi	17/01/2005	Dược học
809	02009953	Nguyễn Dũng	29/03/2005	Dược học
810	02009953	Nguyễn Dũng	29/03/2005	Y học dự phòng
811	02009953	Nguyễn Dũng	29/03/2005	Y tế công cộng
812	02009953	Nguyễn Dũng	29/03/2005	Dinh dưỡng
813	02010010	Nguyễn Vũ Thanh Hà	29/11/2005	Y khoa
814	02010060	Đinh Đức Huy	03/12/2005	Y khoa
815	02010071	Quách Kiến Huy	04/04/2005	Y khoa
816	02010071	Quách Kiến Huy	04/04/2005	Dược học
817	02010084	Nguyễn Quỳnh Hương	02/04/2005	Y khoa
818	02010208	Quách Kiến Long	04/04/2005	Y khoa
819	02010208	Quách Kiến Long	04/04/2005	Dược học
820	02010236	Nguyễn Hoàng Hòa Minh	20/08/2005	Y khoa
821	02010236	Nguyễn Hoàng Hòa Minh	20/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
822	02010326	Trần Quang Nhật	24/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
823	02010346	Đỗ Phú Ninh	17/02/2005	Y khoa
824	02010346	Đỗ Phú Ninh	17/02/2005	Dược học
825	02010346	Đỗ Phú Ninh	17/02/2005	Y học cổ truyền
826	02010346	Đỗ Phú Ninh	17/02/2005	Y học dự phòng
827	02010367	Phan Thanh Thiên Phúc	13/07/2005	Y khoa
828	02010367	Phan Thanh Thiên Phúc	13/07/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
829	02010484	Nguyễn Hà Anh Thơ	13/05/2005	Dược học
830	02010484	Nguyễn Hà Anh Thơ	13/05/2005	Dinh dưỡng
831	02010488	Nguyễn Thanh Thư	21/12/2005	Y khoa
832	02010488	Nguyễn Thanh Thư	21/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
833	02010488	Nguyễn Thanh Thư	21/12/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
834	02010557	Nguyễn Quang Anh Tuấn	20/05/2005	Y tế công cộng
835	02010557	Nguyễn Quang Anh Tuấn	20/05/2005	Dinh dưỡng
836	02010557	Nguyễn Quang Anh Tuấn	20/05/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
837	02010557	Nguyễn Quang Anh Tuấn	20/05/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
838	02010557	Nguyễn Quang Anh Tuấn	20/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
839	02010557	Nguyễn Quang Anh Tuấn	20/05/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
840	02010557	Nguyễn Quang Anh Tuấn	20/05/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
841	02013368	Bùi Thanh Ngọc Mai	21/09/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
842	02013368	Bùi Thanh Ngọc Mai	21/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
843	02013456	Nguyễn Thanh Gia Ngọc	18/04/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
844	02013456	Nguyễn Thanh Gia Ngọc	18/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
845	02013456	Nguyễn Thanh Gia Ngọc	18/04/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
846	02014667	Nguyễn Quốc Bảo	13/02/2005	Y khoa
847	02014667	Nguyễn Quốc Bảo	13/02/2005	Dược học
848	02014859	Nguyễn Minh Thư	14/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
849	02016176	Trần Nguyễn An Hưng	08/10/2005	Dược học
850	02016176	Trần Nguyễn An Hưng	08/10/2005	Y học cổ truyền
851	02016287	Hồ Quốc Thịnh	31/10/2005	Dược học
852	02016651	Đại Hoàng Phúc	01/05/2005	Y khoa
853	02017243	Huỳnh Nguyễn Tường Vy	04/09/2005	Điều dưỡng
854	02017243	Huỳnh Nguyễn Tường Vy	04/09/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
855	02017325	Nguyễn Khắc Nguyên Khoa	31/10/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
856	02017325	Nguyễn Khắc Nguyên Khoa	31/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
857	02017681	Hoàng Anh Quốc	29/11/2005	Y khoa
858	02017681	Hoàng Anh Quốc	29/11/2005	Dược học
859	02017681	Hoàng Anh Quốc	29/11/2005	Điều dưỡng
860	02018159	Trịnh Đăng Khoa	16/10/2005	Y khoa
861	02018159	Trịnh Đăng Khoa	16/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
862	02018953	Trương Thảo Duyên	30/09/2005	Y tế công cộng
863	02018953	Trương Thảo Duyên	30/09/2005	Dinh dưỡng
864	02018953	Trương Thảo Duyên	30/09/2005	Điều dưỡng
865	02018953	Trương Thảo Duyên	30/09/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
866	02018953	Trương Thảo Duyên	30/09/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
867	02018953	Trương Thảo Duyên	30/09/2005	Hộ sinh
868	02018953	Trương Thảo Duyên	30/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
869	02018953	Trương Thảo Duyên	30/09/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
870	02018953	Trương Thảo Duyên	30/09/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
871	02018973	Nguyễn Anh Đức	15/07/2005	Dược học
872	02019161	Giang Viễn Phương	06/11/2005	Y khoa
873	02019161	Giang Viễn Phương	06/11/2005	Dược học
874	02019354	Lê Phương Vy	14/06/2005	Y khoa
875	02019354	Lê Phương Vy	14/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
876	02019691	Nguyễn Phương Quân	05/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
877	02020812	Nguyễn Hoàng Thái An	28/09/2005	Y khoa
878	02020812	Nguyễn Hoàng Thái An	28/09/2005	Dược học
879	02020812	Nguyễn Hoàng Thái An	28/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
880	02020812	Nguyễn Hoàng Thái An	28/09/2005	Y học cổ truyền
881	02020812	Nguyễn Hoàng Thái An	28/09/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
882	02020812	Nguyễn Hoàng Thái An	28/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
883	02020812	Nguyễn Hoàng Thái An	28/09/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
884	02020812	Nguyễn Hoàng Thái An	28/09/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
885	02020848	Nguyễn Tuấn Anh	15/10/2005	Dược học
886	02020856	Phạm Trần Minh Anh	08/11/2005	Y khoa
887	02020856	Phạm Trần Minh Anh	08/11/2005	Y học cổ truyền
888	02020914	Nguyễn Lê Hoàng Minh Châu	29/08/2005	Y khoa
889	02020914	Nguyễn Lê Hoàng Minh Châu	29/08/2005	Dược học
890	02020914	Nguyễn Lê Hoàng Minh Châu	29/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
891	02020914	Nguyễn Lê Hoàng Minh Châu	29/08/2005	Y học cổ truyền
892	02020925	Hàng Minh Cường	17/06/2005	Y khoa
893	02020925	Hàng Minh Cường	17/06/2005	Dược học
894	02020977	Đỗ Thanh Hà	30/12/2005	Y khoa
895	02020977	Đỗ Thanh Hà	30/12/2005	Dược học
896	02021040	Phạm Đăng Huy	04/09/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
897	02021040	Phạm Đăng Huy	04/09/2005	Dược học
898	02021040	Phạm Đăng Huy	04/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
899	02021092	Nguyễn Đăng Quang	04/03/2005	Y khoa
900	02021092	Nguyễn Đăng Quang	04/03/2005	Dược học
901	02021092	Nguyễn Đăng Quang	04/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
902	02021101	Mã Hoàng Quân	14/02/2005	Y khoa
903	02021104	Trần Đức Anh Quân	19/10/2005	Y khoa
904	02021104	Trần Đức Anh Quân	19/10/2005	Dược học
905	02021110	Nguyễn Khắc Bảo Quỳnh	06/04/2005	Dược học
906	02021129	Lê Minh Tâm	13/05/2005	Dược học
907	02021166	Hà Tấn Thịnh	04/02/2005	Y khoa
908	02021166	Hà Tấn Thịnh	04/02/2005	Dược học
909	02021214	Hồ Đức Tuấn	31/08/2005	Dược học
910	02021241	Ngô Phi Vân	30/12/2005	Y khoa
911	02021241	Ngô Phi Vân	30/12/2005	Dược học
912	02021241	Ngô Phi Vân	30/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
913	02021241	Ngô Phi Vân	30/12/2005	Kỹ thuật phục hình răng
914	02021241	Ngô Phi Vân	30/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
915	02021263	Huỳnh Tường Vy	14/10/2005	Dược học
916	02021265	Lê Phương Vy	29/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
917	02021307	Huỳnh Bảo Khôi	05/09/2005	Y khoa
918	02021307	Huỳnh Bảo Khôi	05/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
919	02021321	Hồ Nguyễn Hoàng Kim	29/01/2005	Y khoa
920	02021321	Hồ Nguyễn Hoàng Kim	29/01/2005	Dược học
921	02021381	Nguyễn Ngọc Phương Mai	04/05/2005	Y khoa
922	02021381	Nguyễn Ngọc Phương Mai	04/05/2005	Dược học
923	02021381	Nguyễn Ngọc Phương Mai	04/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
924	02021381	Nguyễn Ngọc Phương Mai	04/05/2005	Y học cổ truyền
925	02021381	Nguyễn Ngọc Phương Mai	04/05/2005	Dinh dưỡng
926	02021381	Nguyễn Ngọc Phương Mai	04/05/2005	Điều dưỡng
927	02021381	Nguyễn Ngọc Phương Mai	04/05/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
928	02021381	Nguyễn Ngọc Phương Mai	04/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
929	02021381	Nguyễn Ngọc Phương Mai	04/05/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
930	02021391	Hoàng Quang Minh	11/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
931	02021432	Nguyễn Hoàng Nhật Nam	11/11/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
932	02021432	Nguyễn Hoàng Nhật Nam	11/11/2005	Dược học
933	02021432	Nguyễn Hoàng Nhật Nam	11/11/2005	Dinh dưỡng
934	02021434	Lê Thị Phương Nga	16/12/2005	Dược học
935	02021454	Đặng Lê Đông Nghi	02/11/2005	Y khoa
936	02021454	Đặng Lê Đông Nghi	02/11/2005	Dược học
937	02021454	Đặng Lê Đông Nghi	02/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
938	02021460	Nguyễn Lộc Đoan Nghi	07/03/2005	Dược học
939	02021491	Nguyễn Nguyên Nguyên	19/02/2005	Dược học
940	02021491	Nguyễn Nguyên Nguyên	19/02/2005	Y học cổ truyền
941	02021491	Nguyễn Nguyên Nguyên	19/02/2005	Y học dự phòng
942	02021507	Lý Gia Nhi	27/05/2005	Dược học
943	02021517	Nguyễn Phúc Minh Nhi	08/11/2005	Dược học
944	02021533	Nguyễn Huỳnh Thùy Như	22/07/2005	Y khoa
945	02021533	Nguyễn Huỳnh Thùy Như	22/07/2005	Dược học
946	02021533	Nguyễn Huỳnh Thùy Như	22/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
947	02021574	Trần Nguyễn Minh Thi	16/12/2005	Y khoa
948	02021574	Trần Nguyễn Minh Thi	16/12/2005	Dược học
949	02021574	Trần Nguyễn Minh Thi	16/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
950	02021605	Nguyễn Ngọc Thùy Trâm	20/07/2005	Y khoa
951	02021605	Nguyễn Ngọc Thùy Trâm	20/07/2005	Dược học
952	02021605	Nguyễn Ngọc Thùy Trâm	20/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
953	02021605	Nguyễn Ngọc Thùy Trâm	20/07/2005	Y học cổ truyền
954	02021739	Phan Trần Duy Anh	14/09/2005	Dược học
955	02022015	Nguyễn Ngọc Trâm	21/12/2005	Y khoa
956	02022068	Ngô Lê Trung	28/11/2005	Y khoa
957	02022068	Ngô Lê Trung	28/11/2005	Dược học
958	02022068	Ngô Lê Trung	28/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
959	02022068	Ngô Lê Trung	28/11/2005	Y học cổ truyền
960	02022068	Ngô Lê Trung	28/11/2005	Điều dưỡng
961	02022068	Ngô Lê Trung	28/11/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
962	02022068	Ngô Lê Trung	28/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
963	02022068	Ngô Lê Trung	28/11/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
964	02022068	Ngô Lê Trung	28/11/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
965	02022116	Phạm Mai Minh Châu	29/06/2005	Y khoa
966	02022116	Phạm Mai Minh Châu	29/06/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
967	02022116	Phạm Mai Minh Châu	29/06/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
968	02022217	Nguyễn Lê Gia Hân	14/04/2005	Y học cổ truyền
969	02022313	Nguyễn Quốc Huy	01/01/2005	Y khoa
970	02022313	Nguyễn Quốc Huy	01/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
971	02022366	Phạm Khang	26/02/2005	Y khoa
972	02022366	Phạm Khang	26/02/2005	Dược học
973	02022366	Phạm Khang	26/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
974	02022482	Đinh Nguyễn Ngọc Linh	22/05/2005	Y khoa
975	02022482	Đinh Nguyễn Ngọc Linh	22/05/2005	Y học cổ truyền
976	02022769	Đỗ Vũ Tường Vy	04/03/2005	Y khoa
977	02022769	Đỗ Vũ Tường Vy	04/03/2005	Dược học
978	02022769	Đỗ Vũ Tường Vy	04/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
979	02022769	Đỗ Vũ Tường Vy	04/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
980	02022902	Trần Ngọc Thảo My	20/06/2005	Dinh dưỡng
981	02022902	Trần Ngọc Thảo My	20/06/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
982	02023063	Ksor Nguyễn Yến Nhi	15/05/2005	Y khoa
983	02023063	Ksor Nguyễn Yến Nhi	15/05/2005	Dược học
984	02023063	Ksor Nguyễn Yến Nhi	15/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
985	02023288	Đỗ Nguyễn Minh Thư	25/09/2005	Điều dưỡng
986	02023288	Đỗ Nguyễn Minh Thư	25/09/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
987	02023288	Đỗ Nguyễn Minh Thư	25/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
988	02023288	Đỗ Nguyễn Minh Thư	25/09/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
989	02023932	Lê Minh Anh	13/08/2005	Y khoa
990	02023932	Lê Minh Anh	13/08/2005	Dược học
991	02023932	Lê Minh Anh	13/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
992	02023932	Lê Minh Anh	13/08/2005	Y học cổ truyền
993	02023932	Lê Minh Anh	13/08/2005	Y học dự phòng
994	02023932	Lê Minh Anh	13/08/2005	Y tế công cộng
995	02023932	Lê Minh Anh	13/08/2005	Dinh dưỡng
996	02023932	Lê Minh Anh	13/08/2005	Điều dưỡng
997	02023932	Lê Minh Anh	13/08/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
998	02023932	Lê Minh Anh	13/08/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
999	02023932	Lê Minh Anh	13/08/2005	Hộ sinh
1000	02023932	Lê Minh Anh	13/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1001	02023932	Lê Minh Anh	13/08/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1002	02023932	Lê Minh Anh	13/08/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1003	02023951	Nguyễn Tú Anh	05/10/2005	Điều dưỡng
1004	02023951	Nguyễn Tú Anh	05/10/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1005	02023951	Nguyễn Tú Anh	05/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1006	02023951	Nguyễn Tú Anh	05/10/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1007	02023952	Nguyễn Yến Trâm Anh	07/07/2005	Y học cổ truyền
1008	02024068	Ngô Thanh Hà	24/01/2005	Dược học
1009	02024068	Ngô Thanh Hà	24/01/2005	Điều dưỡng
1010	02024109	Lê Văn Huy Hoàng	29/03/2005	Y khoa
1011	02024109	Lê Văn Huy Hoàng	29/03/2005	Dược học
1012	02024109	Lê Văn Huy Hoàng	29/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
1013	02024109	Lê Văn Huy Hoàng	29/03/2005	Y học cổ truyền
1014	02024147	Phạm Thanh Huyền	19/01/2005	Dược học
1015	02024147	Phạm Thanh Huyền	19/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1016	02024276	Phạm Quang Minh	06/01/2005	Dược học
1017	02024402	Đặng Dương Nhật Phúc	28/12/2005	Dược học
1018	02024448	Phạm Ngọc Ân Quyên	13/12/2005	Dược học
1019	02024448	Phạm Ngọc Ân Quyên	13/12/2005	Dinh dưỡng
1020	02024448	Phạm Ngọc Ân Quyên	13/12/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1021	02024533	Trần Ngọc Minh Thu	11/11/2005	Y khoa
1022	02024533	Trần Ngọc Minh Thu	11/11/2005	Dược học
1023	02024533	Trần Ngọc Minh Thu	11/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
1024	02024533	Trần Ngọc Minh Thu	11/11/2005	Y học cổ truyền
1025	02024533	Trần Ngọc Minh Thu	11/11/2005	Điều dưỡng
1026	02024533	Trần Ngọc Minh Thu	11/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1027	02024625	Nguyễn Ngọc Khanh Vy	21/07/2005	Y khoa
1028	02024625	Nguyễn Ngọc Khanh Vy	21/07/2005	Dược học
1029	02024625	Nguyễn Ngọc Khanh Vy	21/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
1030	02024625	Nguyễn Ngọc Khanh Vy	21/07/2005	Kỹ thuật phục hình răng
1031	02024625	Nguyễn Ngọc Khanh Vy	21/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1032	02024625	Nguyễn Ngọc Khanh Vy	21/07/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1033	02024625	Nguyễn Ngọc Khanh Vy	21/07/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
1034	02024638	Lê Nguyễn Yến Vi	15/04/2005	Dược học
1035	02024872	Hồ Phúc Hậu	17/10/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1036	02024872	Hồ Phúc Hậu	17/10/2005	Dược học
1037	02024872	Hồ Phúc Hậu	17/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1038	02024872	Hồ Phúc Hậu	17/10/2005	Điều dưỡng
1039	02024872	Hồ Phúc Hậu	17/10/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1040	02024872	Hồ Phúc Hậu	17/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1041	02024872	Hồ Phúc Hậu	17/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1042	02024872	Hồ Phúc Hậu	17/10/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1043	02024872	Hồ Phúc Hậu	17/10/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1044	02025554	Phạm Thị Anh Thy	20/12/2005	Dược học
1045	02025554	Phạm Thị Anh Thy	20/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
1046	02025554	Phạm Thị Anh Thy	20/12/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1047	02025554	Phạm Thị Anh Thy	20/12/2005	Y học cổ truyền
1048	02025814	Lê Trần Quang Huy	04/10/2005	Y khoa
1049	02025814	Lê Trần Quang Huy	04/10/2005	Dược học
1050	02025814	Lê Trần Quang Huy	04/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1051	02025814	Lê Trần Quang Huy	04/10/2005	Y học cổ truyền
1052	02025814	Lê Trần Quang Huy	04/10/2005	Y học dự phòng
1053	02025814	Lê Trần Quang Huy	04/10/2005	Y tế công cộng
1054	02025814	Lê Trần Quang Huy	04/10/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1055	02025814	Lê Trần Quang Huy	04/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1056	02025883	Trần Lê Nhật Khôi	23/06/2005	Dược học
1057	02025883	Trần Lê Nhật Khôi	23/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
1058	02026346	Phạm Vũ Bảo	05/07/2005	Y khoa
1059	02026346	Phạm Vũ Bảo	05/07/2005	Dược học
1060	02026346	Phạm Vũ Bảo	05/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
1061	02026359	Đào Hoàng Lan Châu	02/03/2005	Y khoa
1062	02026359	Đào Hoàng Lan Châu	02/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
1063	02026371	Trần Xuân Diệu	19/07/2005	Y khoa
1064	02026371	Trần Xuân Diệu	19/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
1065	02026388	Mai Trần An Duyên	02/12/2005	Y khoa
1066	02026392	Lê Trọng Đại	20/05/2005	Y khoa
1067	02026396	Lê Tấn Đạt	07/10/2005	Y khoa
1068	02026396	Lê Tấn Đạt	07/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1069	02026483	Nguyễn Vũ Khánh Huyền	16/12/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1070	02026487	Lại Tiến Hưng	02/01/2005	Y khoa
1071	02026487	Lại Tiến Hưng	02/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1072	02026528	Huỳnh Mỹ Khánh Linh	09/08/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1073	02026528	Huỳnh Mỹ Khánh Linh	09/08/2005	Dinh dưỡng
1074	02026528	Huỳnh Mỹ Khánh Linh	09/08/2005	Điều dưỡng
1075	02026556	Đỗ Quang Minh	07/06/2005	Dược học
1076	02026556	Đỗ Quang Minh	07/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
1077	02026556	Đỗ Quang Minh	07/06/2005	Y khoa
1078	02026584	Hoàng Thị Quỳnh Ngân	31/08/2005	Y khoa
1079	02026619	Nguyễn Thành Nhân	24/08/2005	Y khoa
1080	02026629	Lê Nguyệt Nhi	30/04/2005	Y khoa
1081	02026629	Lê Nguyệt Nhi	30/04/2005	Dược học
1082	02026629	Lê Nguyệt Nhi	30/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
1083	02026629	Lê Nguyệt Nhi	30/04/2005	Điều dưỡng
1084	02026629	Lê Nguyệt Nhi	30/04/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1085	02026629	Lê Nguyệt Nhi	30/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1086	02026629	Lê Nguyệt Nhi	30/04/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1087	02026636	Hoàng Thị Tuyết Nhung	05/10/2005	Y khoa
1088	02026636	Hoàng Thị Tuyết Nhung	05/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1089	02026638	Huỳnh Như	01/07/2005	Y khoa
1090	02026638	Huỳnh Như	01/07/2005	Dược học
1091	02026638	Huỳnh Như	01/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
1092	02026661	Lương Vũ hoàng Phúc	13/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1093	02026662	Nguyễn Hoàng Phúc	26/10/2005	Y khoa
1094	02026662	Nguyễn Hoàng Phúc	26/10/2005	Dược học
1095	02026662	Nguyễn Hoàng Phúc	26/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1096	02026672	Hà Ngọc Minh Phương	30/06/2005	Y khoa
1097	02026672	Hà Ngọc Minh Phương	30/06/2005	Dược học
1098	02026672	Hà Ngọc Minh Phương	30/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
1099	02026680	Hồ Thị Diễm Phượng	23/10/2005	Y khoa
1100	02026680	Hồ Thị Diễm Phượng	23/10/2005	Dược học
1101	02026680	Hồ Thị Diễm Phượng	23/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1102	02026681	Đào Minh Quang	31/08/2005	Y khoa
1103	02026681	Đào Minh Quang	31/08/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1104	02026696	Phan Nguyễn Phương Quỳnh	13/02/2005	Y khoa
1105	02026712	Nguyễn Long Thành	20/11/2005	Y khoa
1106	02026712	Nguyễn Long Thành	20/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
1107	02026724	Nguyễn Lộc Vương Thiên	02/02/2005	Y khoa
1108	02026724	Nguyễn Lộc Vương Thiên	02/02/2005	Dược học
1109	02026724	Nguyễn Lộc Vương Thiên	02/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
1110	02026730	Nguyễn Phúc Thịnh	06/01/2005	Y khoa
1111	02026730	Nguyễn Phúc Thịnh	06/01/2005	Dược học
1112	02026730	Nguyễn Phúc Thịnh	06/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1113	02026730	Nguyễn Phúc Thịnh	06/01/2005	Y học cổ truyền
1114	02026730	Nguyễn Phúc Thịnh	06/01/2005	Dinh dưỡng
1115	02026732	Trần Quốc Thịnh	26/05/2005	Dinh dưỡng
1116	02026732	Trần Quốc Thịnh	26/05/2005	Điều dưỡng
1117	02026732	Trần Quốc Thịnh	26/05/2005	Kỹ thuật phục hình răng
1118	02026732	Trần Quốc Thịnh	26/05/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1119	02026732	Trần Quốc Thịnh	26/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1120	02026732	Trần Quốc Thịnh	26/05/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1121	02026732	Trần Quốc Thịnh	26/05/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
1122	02026744	Lê Nguyễn An Thuyên	10/06/2005	Y khoa
1123	02026744	Lê Nguyễn An Thuyên	10/06/2005	Dược học
1124	02026744	Lê Nguyễn An Thuyên	10/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
1125	02026744	Lê Nguyễn An Thuyên	10/06/2005	Y học cổ truyền
1126	02026744	Lê Nguyễn An Thuyên	10/06/2005	Y học dự phòng
1127	02026744	Lê Nguyễn An Thuyên	10/06/2005	Y tế công cộng
1128	02026744	Lê Nguyễn An Thuyên	10/06/2005	Dinh dưỡng
1129	02026744	Lê Nguyễn An Thuyên	10/06/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1130	02026744	Lê Nguyễn An Thuyên	10/06/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1131	02026744	Lê Nguyễn An Thuyên	10/06/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1132	02026744	Lê Nguyễn An Thuyên	10/06/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1133	02026744	Lê Nguyễn An Thuyên	10/06/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1134	02026746	Lương Ngọc Anh Thu	09/08/2005	Y khoa
1135	02026746	Lương Ngọc Anh Thu	09/08/2005	Dược học
1136	02026746	Lương Ngọc Anh Thu	09/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
1137	02026746	Lương Ngọc Anh Thu	09/08/2005	Y học cổ truyền

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1138	02026746	Lương Ngọc Anh Thư	09/08/2005	Y học dự phòng
1139	02026746	Lương Ngọc Anh Thư	09/08/2005	Y tế công cộng
1140	02026746	Lương Ngọc Anh Thư	09/08/2005	Dinh dưỡng
1141	02026746	Lương Ngọc Anh Thư	09/08/2005	Điều dưỡng
1142	02026746	Lương Ngọc Anh Thư	09/08/2005	Kỹ thuật phục hình răng
1143	02026746	Lương Ngọc Anh Thư	09/08/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1144	02026746	Lương Ngọc Anh Thư	09/08/2005	Hộ sinh
1145	02026746	Lương Ngọc Anh Thư	09/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1146	02026746	Lương Ngọc Anh Thư	09/08/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1147	02026746	Lương Ngọc Anh Thư	09/08/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
1148	02026782	Quách Minh Trí	23/02/2005	Y khoa
1149	02026782	Quách Minh Trí	23/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
1150	02026782	Quách Minh Trí	23/02/2005	Y học cổ truyền
1151	02026806	Nguyễn Thiên Tuấn	24/12/2005	Y khoa
1152	02026806	Nguyễn Thiên Tuấn	24/12/2005	Dược học
1153	02026806	Nguyễn Thiên Tuấn	24/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
1154	02026812	Trương Mỹ Cát Tường	03/08/2005	Y khoa
1155	02026812	Trương Mỹ Cát Tường	03/08/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1156	02026812	Trương Mỹ Cát Tường	03/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1157	02026812	Trương Mỹ Cát Tường	03/08/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1158	02026812	Trương Mỹ Cát Tường	03/08/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1159	02026830	Triệu Quốc Việt	21/10/2005	Y khoa
1160	02026830	Triệu Quốc Việt	21/10/2005	Dược học
1161	02026909	Lâm Ngọc Nhật Ánh	16/09/2005	Dược học
1162	02026909	Lâm Ngọc Nhật Ánh	16/09/2005	Điều dưỡng
1163	02026909	Lâm Ngọc Nhật Ánh	16/09/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1164	02026909	Lâm Ngọc Nhật Ánh	16/09/2005	Hộ sinh
1165	02027003	Nguyễn Trường Giang	23/08/2005	Y khoa
1166	02027003	Nguyễn Trường Giang	23/08/2005	Dược học
1167	02027138	Nguyễn Hoàng Tuấn Kiệt	04/10/2005	Dược học
1168	02029080	Lê Nguyễn Tú Anh	23/05/2005	Y khoa
1169	02029080	Lê Nguyễn Tú Anh	23/05/2005	Dược học
1170	02029080	Lê Nguyễn Tú Anh	23/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
1171	02029080	Lê Nguyễn Tú Anh	23/05/2005	Y học cổ truyền

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1172	02029080	Lê Nguyễn Tú Anh	23/05/2005	Dinh dưỡng
1173	02029080	Lê Nguyễn Tú Anh	23/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1174	02029080	Lê Nguyễn Tú Anh	23/05/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1175	02029135	Vương Vũ Vân Anh	02/01/2005	Dinh dưỡng
1176	02029135	Vương Vũ Vân Anh	02/01/2005	Điều dưỡng
1177	02029135	Vương Vũ Vân Anh	02/01/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1178	02029135	Vương Vũ Vân Anh	02/01/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1179	02029135	Vương Vũ Vân Anh	02/01/2005	Hộ sinh
1180	02029135	Vương Vũ Vân Anh	02/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1181	02029135	Vương Vũ Vân Anh	02/01/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1182	02029135	Vương Vũ Vân Anh	02/01/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1183	02029147	Trần Phương Hồng Ân	11/06/2005	Dược học
1184	02029255	Bùi Huy Minh Đạt	02/06/2005	Y khoa
1185	02029255	Bùi Huy Minh Đạt	02/06/2005	Y học cổ truyền
1186	02029328	Huỳnh Phạm Gia Hân	01/05/2005	Y tế công cộng
1187	02029328	Huỳnh Phạm Gia Hân	01/05/2005	Dinh dưỡng
1188	02029328	Huỳnh Phạm Gia Hân	01/05/2005	Điều dưỡng
1189	02029328	Huỳnh Phạm Gia Hân	01/05/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1190	02029328	Huỳnh Phạm Gia Hân	01/05/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1191	02029431	Phạm Đoàn Phương Trang	15/03/2005	Y khoa
1192	02029431	Phạm Đoàn Phương Trang	15/03/2005	Dược học
1193	02029456	Nguyễn Ngô Minh Trí	06/03/2005	Dinh dưỡng
1194	02029472	Nguyễn Việt Tú	20/06/2005	Dược học
1195	02029658	Lê Khanh	27/09/2005	Y khoa
1196	02029658	Lê Khanh	27/09/2005	Dược học
1197	02029658	Lê Khanh	27/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
1198	02029658	Lê Khanh	27/09/2005	Y học cổ truyền
1199	02029658	Lê Khanh	27/09/2005	Dinh dưỡng
1200	02029659	Lê Ngọc Khanh	04/12/2005	Y khoa
1201	02029659	Lê Ngọc Khanh	04/12/2005	Dược học
1202	02029659	Lê Ngọc Khanh	04/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
1203	02029709	Nguyễn Trục Kiên	19/09/2005	Y khoa
1204	02029783	Nguyễn Thanh Mai	22/02/2005	Dược học
1205	02034188	Nguyễn Thái Hồng Châu	11/11/2005	Dinh dưỡng

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1206	02034188	Nguyễn Thái Hồng Châu	11/11/2005	Điều dưỡng
1207	02034188	Nguyễn Thái Hồng Châu	11/11/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1208	02035887	Lê Thị Nhã Trúc	21/11/2005	Y khoa
1209	02035887	Lê Thị Nhã Trúc	21/11/2005	Dược học
1210	02035887	Lê Thị Nhã Trúc	21/11/2005	Y học cổ truyền
1211	02035887	Lê Thị Nhã Trúc	21/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1212	02035887	Lê Thị Nhã Trúc	21/11/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1213	02036206	Nguyễn Thị Hiền Lương	18/01/2005	Y khoa
1214	02036206	Nguyễn Thị Hiền Lương	18/01/2005	Dinh dưỡng
1215	02038260	Đoàn Trương Gia Bảo	03/07/2005	Dược học
1216	02038260	Đoàn Trương Gia Bảo	03/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
1217	02038260	Đoàn Trương Gia Bảo	03/07/2005	Y học cổ truyền
1218	02038260	Đoàn Trương Gia Bảo	03/07/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1219	02038260	Đoàn Trương Gia Bảo	03/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1220	02038327	Lê Vũ Minh Duy	08/09/2005	Y khoa
1221	02038327	Lê Vũ Minh Duy	08/09/2005	Dược học
1222	02038327	Lê Vũ Minh Duy	08/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
1223	02038336	Phạm Viết Duy	21/09/2005	Y khoa
1224	02038336	Phạm Viết Duy	21/09/2005	Dược học
1225	02038337	Phan Công Duy	15/03/2005	Y khoa
1226	02038337	Phan Công Duy	15/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
1227	02038367	Thân Đức Hải Đăng	15/12/2005	Y khoa
1228	02038367	Thân Đức Hải Đăng	15/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
1229	02038421	Trần Gia Hân	03/07/2005	Y khoa
1230	02038421	Trần Gia Hân	03/07/2005	Dược học
1231	02038421	Trần Gia Hân	03/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
1232	02038421	Trần Gia Hân	03/07/2005	Y học cổ truyền
1233	02038421	Trần Gia Hân	03/07/2005	Y học dự phòng
1234	02038421	Trần Gia Hân	03/07/2005	Y tế công cộng
1235	02038421	Trần Gia Hân	03/07/2005	Dinh dưỡng
1236	02038421	Trần Gia Hân	03/07/2005	Điều dưỡng
1237	02038421	Trần Gia Hân	03/07/2005	Kỹ thuật phục hình răng
1238	02038421	Trần Gia Hân	03/07/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1239	02038421	Trần Gia Hân	03/07/2005	Hộ sinh

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1240	02038421	Trần Gia Hân	03/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1241	02038421	Trần Gia Hân	03/07/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1242	02038421	Trần Gia Hân	03/07/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
1243	02038459	Nguyễn Quý Huy	25/10/2005	Dược học
1244	02038459	Nguyễn Quý Huy	25/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1245	02038529	Nguyễn Minh Tân	08/12/2005	Y khoa
1246	02038529	Nguyễn Minh Tân	08/12/2005	Dược học
1247	02038529	Nguyễn Minh Tân	08/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
1248	02038529	Nguyễn Minh Tân	08/12/2005	Y học cổ truyền
1249	02038529	Nguyễn Minh Tân	08/12/2005	Y học dự phòng
1250	02038529	Nguyễn Minh Tân	08/12/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1251	02038529	Nguyễn Minh Tân	08/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1252	02038529	Nguyễn Minh Tân	08/12/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1253	02038529	Nguyễn Minh Tân	08/12/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1254	02038556	Huỳnh Mai Anh Thi	03/01/2005	Y khoa
1255	02038563	Kiều Tấn Thịnh	27/05/2005	Y khoa
1256	02038563	Kiều Tấn Thịnh	27/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
1257	02038628	Phạm Nhạc Tú Uyên	03/04/2005	Y khoa
1258	02038628	Phạm Nhạc Tú Uyên	03/04/2005	Dược học
1259	02038628	Phạm Nhạc Tú Uyên	03/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
1260	02038628	Phạm Nhạc Tú Uyên	03/04/2005	Y học cổ truyền
1261	02038628	Phạm Nhạc Tú Uyên	03/04/2005	Y học dự phòng
1262	02038628	Phạm Nhạc Tú Uyên	03/04/2005	Y tế công cộng
1263	02038628	Phạm Nhạc Tú Uyên	03/04/2005	Điều dưỡng
1264	02038628	Phạm Nhạc Tú Uyên	03/04/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1265	02038628	Phạm Nhạc Tú Uyên	03/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1266	02038643	Trần Thành Vinh	22/12/2005	Dược học
1267	02038643	Trần Thành Vinh	22/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
1268	02038657	Trần Kim Khánh Vy	05/11/2005	Dược học
1269	02038657	Trần Kim Khánh Vy	05/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
1270	02038657	Trần Kim Khánh Vy	05/11/2005	Y học cổ truyền
1271	02038657	Trần Kim Khánh Vy	05/11/2005	Dinh dưỡng
1272	02038657	Trần Kim Khánh Vy	05/11/2005	Điều dưỡng
1273	02038657	Trần Kim Khánh Vy	05/11/2005	Kỹ thuật Phục hình răng

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1274	02038657	Trần Kim Khánh Vy	05/11/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1275	02038657	Trần Kim Khánh Vy	05/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1276	02038657	Trần Kim Khánh Vy	05/11/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1277	02038657	Trần Kim Khánh Vy	05/11/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1278	02038738	Trần Đăng Khôi	03/12/2005	Y khoa
1279	02038738	Trần Đăng Khôi	03/12/2005	Dược học
1280	02038738	Trần Đăng Khôi	03/12/2005	Y học cổ truyền
1281	02038738	Trần Đăng Khôi	03/12/2005	Y học dự phòng
1282	02038738	Trần Đăng Khôi	03/12/2005	Điều dưỡng
1283	02038738	Trần Đăng Khôi	03/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1284	02038738	Trần Đăng Khôi	03/12/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1285	02038739	Hồ Ngọc Khuê	02/05/2005	Y tế công cộng
1286	02038739	Hồ Ngọc Khuê	02/05/2005	Dinh dưỡng
1287	02038739	Hồ Ngọc Khuê	02/05/2005	Điều dưỡng
1288	02038739	Hồ Ngọc Khuê	02/05/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1289	02038739	Hồ Ngọc Khuê	02/05/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1290	02038739	Hồ Ngọc Khuê	02/05/2005	Hộ sinh
1291	02038739	Hồ Ngọc Khuê	02/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1292	02038739	Hồ Ngọc Khuê	02/05/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1293	02038739	Hồ Ngọc Khuê	02/05/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1294	02038836	Huỳnh Như Ngọc	01/09/2005	Y khoa
1295	02038836	Huỳnh Như Ngọc	01/09/2005	Dược học
1296	02038836	Huỳnh Như Ngọc	01/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
1297	02038856	Đoàn Nhân	24/10/2005	Y khoa
1298	02038856	Đoàn Nhân	24/10/2005	Dược học
1299	02038856	Đoàn Nhân	24/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1300	02038877	Hoàng Bảo Nhi	29/01/2005	Dược học
1301	02038877	Hoàng Bảo Nhi	29/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1302	02038877	Hoàng Bảo Nhi	29/01/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1303	02038877	Hoàng Bảo Nhi	29/01/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1304	02038877	Hoàng Bảo Nhi	29/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1305	02038877	Hoàng Bảo Nhi	29/01/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1306	02038915	Huỳnh Nghĩa Phong	29/06/2005	Y khoa
1307	02038915	Huỳnh Nghĩa Phong	29/06/2005	Dược học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1308	02038915	Huỳnh Nghĩa Phong	29/06/2005	Y học cổ truyền
1309	02038915	Huỳnh Nghĩa Phong	29/06/2005	Điều dưỡng
1310	02038921	Trần Đức Phú	20/07/2005	Dược học
1311	02038921	Trần Đức Phú	20/07/2005	Y học dự phòng
1312	02038921	Trần Đức Phú	20/07/2005	Điều dưỡng
1313	02038930	Phan Giang Hoàng Phúc	10/01/2005	Y khoa
1314	02038930	Phan Giang Hoàng Phúc	10/01/2005	Dược học
1315	02038930	Phan Giang Hoàng Phúc	10/01/2005	Điều dưỡng
1316	02038930	Phan Giang Hoàng Phúc	10/01/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1317	02038930	Phan Giang Hoàng Phúc	10/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1318	02038930	Phan Giang Hoàng Phúc	10/01/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1319	02038941	Hoàng Mai Phương	04/05/2005	Y học cổ truyền
1320	02038968	Đặng Thanh Thúy	09/11/2005	Dược học
1321	02038985	Trịnh Thị Minh Thư	01/04/2005	Y khoa
1322	02038985	Trịnh Thị Minh Thư	01/04/2005	Dược học
1323	02038985	Trịnh Thị Minh Thư	01/04/2005	Y học cổ truyền
1324	02038987	Vũ Thị Minh Thư	13/10/2005	Y học cổ truyền
1325	02038987	Vũ Thị Minh Thư	13/10/2005	Dinh dưỡng
1326	02038987	Vũ Thị Minh Thư	13/10/2005	Điều dưỡng
1327	02038987	Vũ Thị Minh Thư	13/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1328	02039130	Võ Kim Anh	04/11/2005	Y khoa
1329	02039130	Võ Kim Anh	04/11/2005	Dược học
1330	02039130	Võ Kim Anh	04/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
1331	02039130	Võ Kim Anh	04/11/2005	Y học cổ truyền
1332	02039745	Lê Nguyễn Thúy Vy	30/06/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1333	02040483	Huỳnh Gia Nghi	14/05/2005	Y khoa
1334	02040483	Huỳnh Gia Nghi	14/05/2005	Dược học
1335	02040483	Huỳnh Gia Nghi	14/05/2005	Y học dự phòng
1336	02040483	Huỳnh Gia Nghi	14/05/2005	Y học cổ truyền
1337	02040929	Mạc Nguyễn Thiên An	03/06/2005	Y khoa
1338	02040929	Mạc Nguyễn Thiên An	03/06/2005	Dược học
1339	02040929	Mạc Nguyễn Thiên An	03/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
1340	02040929	Mạc Nguyễn Thiên An	03/06/2005	Y học cổ truyền
1341	02040929	Mạc Nguyễn Thiên An	03/06/2005	Y học dự phòng

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1342	02040929	Mạc Nguyễn Thiên An	03/06/2005	Y tế công cộng
1343	02040929	Mạc Nguyễn Thiên An	03/06/2005	Dinh dưỡng
1344	02040929	Mạc Nguyễn Thiên An	03/06/2005	Điều dưỡng
1345	02040929	Mạc Nguyễn Thiên An	03/06/2005	Kỹ thuật phục hình răng
1346	02040929	Mạc Nguyễn Thiên An	03/06/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1347	02040929	Mạc Nguyễn Thiên An	03/06/2005	Hộ sinh
1348	02040929	Mạc Nguyễn Thiên An	03/06/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1349	02040929	Mạc Nguyễn Thiên An	03/06/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1350	02040929	Mạc Nguyễn Thiên An	03/06/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
1351	02040940	Trần Thái An	10/01/2005	Y khoa
1352	02040951	Hồ Thúy Anh	22/06/2005	Dược học
1353	02040988	Trần Hồng Anh	28/11/2005	Y khoa
1354	02040988	Trần Hồng Anh	28/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
1355	02040997	Võ Hoàng Kỳ Anh	29/03/2005	Y khoa
1356	02040997	Võ Hoàng Kỳ Anh	29/03/2005	Dược học
1357	02040997	Võ Hoàng Kỳ Anh	29/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
1358	02040997	Võ Hoàng Kỳ Anh	29/03/2005	Y học cổ truyền
1359	02041017	Phan Gia Bách	11/03/2005	Y khoa
1360	02041017	Phan Gia Bách	11/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
1361	02041017	Phan Gia Bách	11/03/2005	Y học cổ truyền
1362	02041082	Từ Danh Danh	29/07/2005	Y khoa
1363	02041082	Từ Danh Danh	29/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
1364	02041126	Trần Thị Thùy Dương	01/01/2005	Dược học
1365	02041134	Bùi Tiến Đạt	11/10/2005	Y khoa
1366	02041165	Nguyễn Hương Giang	03/04/2005	Điều dưỡng
1367	02041165	Nguyễn Hương Giang	03/04/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1368	02041165	Nguyễn Hương Giang	03/04/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1369	02041165	Nguyễn Hương Giang	03/04/2005	Hộ sinh
1370	02041165	Nguyễn Hương Giang	03/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1371	02041165	Nguyễn Hương Giang	03/04/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1372	02041165	Nguyễn Hương Giang	03/04/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1373	02041180	Đỗ Thanh Hải	14/01/2005	Y khoa
1374	02041180	Đỗ Thanh Hải	14/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1375	02041180	Đỗ Thanh Hải	14/01/2005	Y học cổ truyền

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1376	02041186	Lê Phan Anh Hào	03/01/2005	Y khoa
1377	02041186	Lê Phan Anh Hào	03/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1378	02041188	Nguyễn Thái Hoàng Hoàn Hào	04/05/2005	Y khoa
1379	02041188	Nguyễn Thái Hoàng Hoàn Hào	04/05/2005	Dược học
1380	02041188	Nguyễn Thái Hoàng Hoàn Hào	04/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
1381	02041188	Nguyễn Thái Hoàng Hoàn Hào	04/05/2005	Y học cổ truyền
1382	02041188	Nguyễn Thái Hoàng Hoàn Hào	04/05/2005	Y học dự phòng
1383	02041188	Nguyễn Thái Hoàng Hoàn Hào	04/05/2005	Y tế công cộng
1384	02041188	Nguyễn Thái Hoàng Hoàn Hào	04/05/2005	Dinh dưỡng
1385	02041188	Nguyễn Thái Hoàng Hoàn Hào	04/05/2005	Điều dưỡng
1386	02041188	Nguyễn Thái Hoàng Hoàn Hào	04/05/2005	Kỹ thuật phục hình răng
1387	02041188	Nguyễn Thái Hoàng Hoàn Hào	04/05/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1388	02041188	Nguyễn Thái Hoàng Hoàn Hào	04/05/2005	Hộ sinh
1389	02041188	Nguyễn Thái Hoàng Hoàn Hào	04/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1390	02041188	Nguyễn Thái Hoàng Hoàn Hào	04/05/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1391	02041188	Nguyễn Thái Hoàng Hoàn Hào	04/05/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
1392	02041207	Trần Gia Hân	29/01/2004	Y khoa
1393	02041207	Trần Gia Hân	29/01/2004	Dược học
1394	02041207	Trần Gia Hân	29/01/2004	Răng-Hàm-Mặt
1395	02041207	Trần Gia Hân	29/01/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1396	02041225	Nguyễn Viết Hiếu	28/01/2005	Y khoa
1397	02041225	Nguyễn Viết Hiếu	28/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1398	02041240	Ngô Huy Hoàng	28/08/2005	Y khoa
1399	02041240	Ngô Huy Hoàng	28/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
1400	02041250	Nguyễn Ngọc Kim Hồng	27/08/2005	Y khoa
1401	02041250	Nguyễn Ngọc Kim Hồng	27/08/2005	Dược học
1402	02041250	Nguyễn Ngọc Kim Hồng	27/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
1403	02041250	Nguyễn Ngọc Kim Hồng	27/08/2005	Y học cổ truyền

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1404	02041254	Nguyễn Kiên Hùng	15/06/2005	Y khoa
1405	02041378	Ngô Bùi Duy Quang	11/04/2005	Kỹ thuật phục hình răng
1406	02041378	Ngô Bùi Duy Quang	11/04/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1407	02041378	Ngô Bùi Duy Quang	11/04/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1408	02041378	Ngô Bùi Duy Quang	11/04/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
1409	02041379	Nguyễn Đỗ Nhật Quang	04/12/2005	Y khoa
1410	02041379	Nguyễn Đỗ Nhật Quang	04/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
1411	02041380	Nguyễn Ngọc Quang	24/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1412	02041400	Trịnh Lê Quốc Trung	27/02/2005	Y khoa
1413	02041400	Trịnh Lê Quốc Trung	27/02/2005	Dược học
1414	02041400	Trịnh Lê Quốc Trung	27/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
1415	02041403	Tạ Quang Trường	18/10/2005	Y khoa
1416	02041403	Tạ Quang Trường	18/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1417	02041441	Bùi Mỹ Uyên	06/10/2005	Y khoa
1418	02041441	Bùi Mỹ Uyên	06/10/2005	Dược học
1419	02041441	Bùi Mỹ Uyên	06/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1420	02041498	Phạm Thụy Thúy Vy	12/08/2005	Y khoa
1421	02041498	Phạm Thụy Thúy Vy	12/08/2005	Dược học
1422	02041518	Lê Minh Huyền	27/01/2005	Y khoa
1423	02041518	Lê Minh Huyền	27/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1424	02041520	Nguyễn Phương Huỳnh	10/09/2005	Y khoa
1425	02041526	Ngô Đình Gia Hưng	04/07/2005	Y khoa
1426	02041570	Phan Thanh Khang	23/05/2005	Dược học
1427	02041570	Phan Thanh Khang	23/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
1428	02041572	Nguyễn Phương Khanh	05/04/2005	Y khoa
1429	02041572	Nguyễn Phương Khanh	05/04/2005	Dược học
1430	02041584	Bùi Nguyễn Đăng Khoa	10/07/2005	Y khoa
1431	02041587	Huỳnh Công Nguyên Khoa	01/01/2005	Y khoa
1432	02041587	Huỳnh Công Nguyên Khoa	01/01/2005	Dược học
1433	02041587	Huỳnh Công Nguyên Khoa	01/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1434	02041606	Trần Ngọc Khuê	15/02/2005	Y khoa
1435	02041606	Trần Ngọc Khuê	15/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
1436	02041650	Lê Phương Linh	13/03/2005	Y khoa
1437	02041650	Lê Phương Linh	13/03/2005	Dược học
1438	02041650	Lê Phương Linh	13/03/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1439	02041650	Lê Phương Linh	13/03/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1440	02041666	Võ Khánh Linh	17/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
1441	02041666	Võ Khánh Linh	17/04/2005	Dược học
1442	02041710	Nguyễn Thị Xuân Mai	13/06/2005	Dược học
1443	02041710	Nguyễn Thị Xuân Mai	13/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
1444	02041710	Nguyễn Thị Xuân Mai	13/06/2005	Y học cổ truyền
1445	02041720	Hoàng Hồng Minh	02/09/2005	Dược học
1446	02041733	Trần Đại Minh	29/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
1447	02041759	Lê Hà Thiên Ngân	12/10/2005	Y khoa
1448	02041759	Lê Hà Thiên Ngân	12/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1449	02041892	Lê Mỹ Quyên	11/10/2005	Y khoa
1450	02041893	Nguyễn Khắc Ngọc Quyên	11/03/2005	Y khoa
1451	02041893	Nguyễn Khắc Ngọc Quyên	11/03/2005	Dược học
1452	02041893	Nguyễn Khắc Ngọc Quyên	11/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
1453	02041893	Nguyễn Khắc Ngọc Quyên	11/03/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1454	02041916	Đỗ Ngọc Sơn	26/08/2005	Y khoa
1455	02041927	Nguyễn Lê Minh Tâm	03/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
1456	02041955	Lê Thanh Thảo	11/11/2005	Y khoa
1457	02041955	Lê Thanh Thảo	11/11/2005	Dinh dưỡng
1458	02041981	Nguyễn Đức Thịnh	31/03/2005	Y khoa
1459	02041981	Nguyễn Đức Thịnh	31/03/2005	Dược học
1460	02042069	Nguyễn Ngọc Phương Trâm	15/02/2005	Dược học
1461	02042072	Bùi Khánh Trân	28/09/2005	Y khoa
1462	02042072	Bùi Khánh Trân	28/09/2005	Dược học
1463	02042091	Phạm Minh Triết	22/04/2005	Dược học
1464	02042096	Châu Minh Trọng	08/07/2005	Y khoa
1465	02044337	Lại Thị Minh Ánh	02/11/2005	Dinh dưỡng
1466	02044337	Lại Thị Minh Ánh	02/11/2005	Điều dưỡng
1467	02044337	Lại Thị Minh Ánh	02/11/2005	Hộ sinh
1468	02044337	Lại Thị Minh Ánh	02/11/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1469	02044337	Lại Thị Minh Ánh	02/11/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1470	02044337	Lại Thị Minh Ánh	02/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1471	02044337	Lại Thị Minh Ánh	02/11/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1472	02044337	Lại Thị Minh Ánh	02/11/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1473	02044339	Lê Trần Ngọc Ánh	31/10/2005	Điều dưỡng
1474	02044339	Lê Trần Ngọc Ánh	31/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1475	02045201	Nguyễn Thạch Vỹ	12/04/2005	Y khoa
1476	02045201	Nguyễn Thạch Vỹ	12/04/2005	Dược học
1477	02045201	Nguyễn Thạch Vỹ	12/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
1478	02046337	Songsiri Hoàng Anh	15/09/2005	Dược học
1479	02046833	Nguyễn Hoàng Kim	10/10/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1480	02046833	Nguyễn Hoàng Kim	10/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1481	02046833	Nguyễn Hoàng Kim	10/10/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1482	02046835	Nguyễn Việt Thiên Kim	01/11/2005	Dược học
1483	02046895	Trương Gia Lợi	01/11/2005	Y khoa
1484	02046895	Trương Gia Lợi	01/11/2005	Dược học
1485	02046895	Trương Gia Lợi	01/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
1486	02046927	Nguyễn Tường Minh	18/07/2005	Dược học
1487	02046948	Nguyễn Hoàng Nam	31/01/2005	Y khoa
1488	02046948	Nguyễn Hoàng Nam	31/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1489	02047047	Đỗ Hoàng Phúc	11/07/2002	Dược học
1490	02047047	Đỗ Hoàng Phúc	11/07/2002	Y học cổ truyền
1491	02047051	Phan Hoàng Trường Thọ	29/12/2003	Y khoa
1492	02047051	Phan Hoàng Trường Thọ	29/12/2003	Răng-Hàm-Mặt
1493	02047163	Nguyễn Huỳnh Thảo Vy	04/08/2005	Y khoa
1494	02047163	Nguyễn Huỳnh Thảo Vy	04/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
1495	02047225	Nguyễn Hà Như	24/01/2005	Y khoa
1496	02047225	Nguyễn Hà Như	24/01/2005	Dược học
1497	02047225	Nguyễn Hà Như	24/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1498	02047225	Nguyễn Hà Như	24/01/2005	Y học cổ truyền
1499	02047225	Nguyễn Hà Như	24/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1500	02047225	Nguyễn Hà Như	24/01/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1501	02047554	Phạm Quỳnh Nhi Anh	11/09/2005	Dược học
1502	02047554	Phạm Quỳnh Nhi Anh	11/09/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1503	02047554	Phạm Quỳnh Nhi Anh	11/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1504	02047554	Phạm Quỳnh Nhi Anh	11/09/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1505	02047563	Trần Ngọc Minh Anh	16/05/2005	Dược học
1506	02047563	Trần Ngọc Minh Anh	16/05/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1507	02047563	Trần Ngọc Minh Anh	16/05/2005	Dinh dưỡng
1508	02047563	Trần Ngọc Minh Anh	16/05/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1509	02047563	Trần Ngọc Minh Anh	16/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1510	02047606	Nguyễn Chí Bảo	02/07/2005	Y khoa
1511	02047606	Nguyễn Chí Bảo	02/07/2005	Dược học
1512	02047606	Nguyễn Chí Bảo	02/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
1513	02047606	Nguyễn Chí Bảo	02/07/2005	Y học cổ truyền
1514	02047606	Nguyễn Chí Bảo	02/07/2005	Y học dự phòng
1515	02047606	Nguyễn Chí Bảo	02/07/2005	Y tế công cộng
1516	02047606	Nguyễn Chí Bảo	02/07/2005	Dinh dưỡng
1517	02047606	Nguyễn Chí Bảo	02/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1518	02047606	Nguyễn Chí Bảo	02/07/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1519	02047608	Nguyễn Hoàng Bảo	27/03/2005	Y khoa
1520	02047608	Nguyễn Hoàng Bảo	27/03/2005	Dược học
1521	02047608	Nguyễn Hoàng Bảo	27/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
1522	02047608	Nguyễn Hoàng Bảo	27/03/2005	Y học cổ truyền
1523	02047608	Nguyễn Hoàng Bảo	27/03/2005	Y học dự phòng
1524	02047608	Nguyễn Hoàng Bảo	27/03/2005	Y tế công cộng
1525	02047608	Nguyễn Hoàng Bảo	27/03/2005	Dinh dưỡng
1526	02047608	Nguyễn Hoàng Bảo	27/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1527	02047608	Nguyễn Hoàng Bảo	27/03/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1528	02047644	Đặng Quỳnh Chi	25/06/2005	Y khoa
1529	02047644	Đặng Quỳnh Chi	25/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
1530	02047808	Nguyễn Mai Hân	30/05/2005	Y khoa
1531	02047844	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hoa	13/06/2005	Dược học
1532	02047844	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hoa	13/06/2005	Y học cổ truyền
1533	02047844	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hoa	13/06/2005	Y học dự phòng
1534	02047844	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hoa	13/06/2005	Điều dưỡng
1535	02047844	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hoa	13/06/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1536	02047844	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hoa	13/06/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1537	02047844	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hoa	13/06/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1538	02047844	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hoa	13/06/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1539	02047850	Trần Khải Hoàn	10/11/2005	Y học cổ truyền
1540	02048005	Đỗ Huỳnh Bảo Khoa	28/12/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1541	02048005	Đỗ Huỳnh Bảo Khoa	28/12/2005	Dược học
1542	02048005	Đỗ Huỳnh Bảo Khoa	28/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
1543	02048005	Đỗ Huỳnh Bảo Khoa	28/12/2005	Y học cổ truyền
1544	02048005	Đỗ Huỳnh Bảo Khoa	28/12/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1545	02048005	Đỗ Huỳnh Bảo Khoa	28/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1546	02048005	Đỗ Huỳnh Bảo Khoa	28/12/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1547	02048032	Võ Tiến Đăng Khoa	28/10/2005	Y khoa
1548	02048032	Võ Tiến Đăng Khoa	28/10/2005	Dược học
1549	02048032	Võ Tiến Đăng Khoa	28/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1550	02048032	Võ Tiến Đăng Khoa	28/10/2005	Y học cổ truyền
1551	02048032	Võ Tiến Đăng Khoa	28/10/2005	Y học dự phòng
1552	02048032	Võ Tiến Đăng Khoa	28/10/2005	Y tế công cộng
1553	02048032	Võ Tiến Đăng Khoa	28/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1554	02048126	Trương Bảo Linh	28/11/2005	Y tế công cộng
1555	02048126	Trương Bảo Linh	28/11/2005	Dinh dưỡng
1556	02048126	Trương Bảo Linh	28/11/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1557	02048126	Trương Bảo Linh	28/11/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1558	02048126	Trương Bảo Linh	28/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1559	02048126	Trương Bảo Linh	28/11/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1560	02048126	Trương Bảo Linh	28/11/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1561	02048126	Trương Bảo Linh	28/11/2005	Hộ sinh
1562	02048126	Trương Bảo Linh	28/11/2005	Điều dưỡng
1563	02048204	Nguyễn Hòa Ái My	08/01/2005	Y tế công cộng
1564	02048204	Nguyễn Hòa Ái My	08/01/2005	Dinh dưỡng
1565	02048204	Nguyễn Hòa Ái My	08/01/2005	Điều dưỡng
1566	02048204	Nguyễn Hòa Ái My	08/01/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1567	02048204	Nguyễn Hòa Ái My	08/01/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1568	02048204	Nguyễn Hòa Ái My	08/01/2005	Hộ sinh
1569	02048204	Nguyễn Hòa Ái My	08/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1570	02048204	Nguyễn Hòa Ái My	08/01/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1571	02048204	Nguyễn Hòa Ái My	08/01/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1572	02048248	Trần Thị Kim Ngân	07/06/2005	Y khoa
1573	02048248	Trần Thị Kim Ngân	07/06/2005	Dược học
1574	02048248	Trần Thị Kim Ngân	07/06/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1575	02048248	Trần Thị Kim Ngân	07/06/2005	Y học cổ truyền
1576	02048248	Trần Thị Kim Ngân	07/06/2005	Y học dự phòng
1577	02048248	Trần Thị Kim Ngân	07/06/2005	Y tế công cộng
1578	02048248	Trần Thị Kim Ngân	07/06/2005	Dinh dưỡng
1579	02048248	Trần Thị Kim Ngân	07/06/2005	Điều dưỡng
1580	02048248	Trần Thị Kim Ngân	07/06/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1581	02048248	Trần Thị Kim Ngân	07/06/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1582	02048248	Trần Thị Kim Ngân	07/06/2005	Hộ sinh
1583	02048248	Trần Thị Kim Ngân	07/06/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1584	02048248	Trần Thị Kim Ngân	07/06/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1585	02048248	Trần Thị Kim Ngân	07/06/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1586	02048357	Trà Lê Tuyết Nhi	27/07/2005	Điều dưỡng
1587	02048357	Trà Lê Tuyết Nhi	27/07/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1588	02048357	Trà Lê Tuyết Nhi	27/07/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1589	02048357	Trà Lê Tuyết Nhi	27/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1590	02048357	Trà Lê Tuyết Nhi	27/07/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1591	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Y khoa
1592	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Dược học
1593	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1594	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Dinh dưỡng
1595	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Điều dưỡng
1596	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Kỹ thuật phục hình răng
1597	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1598	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Hộ sinh
1599	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1600	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1601	02048358	Trần Ngọc Yến Nhi	17/10/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
1602	02048360	Trần Thu Nhi	06/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1603	02048360	Trần Thu Nhi	06/09/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1604	02048361	Trịnh Yến Nhi	24/05/2005	Dược học
1605	02048363	Đinh Hồng Nhung	22/05/2005	Y khoa
1606	02048363	Đinh Hồng Nhung	22/05/2005	Dược học
1607	02048363	Đinh Hồng Nhung	22/05/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1608	02048496	Nguyễn Anh Quân	13/10/2005	Y khoa
1609	02048579	Nguyễn Hoàng Phúc	20/07/2004	Y khoa
1610	02048593	Trần Minh Quân	04/02/2005	Dược học
1611	02048593	Trần Minh Quân	04/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
1612	02048613	Võ Ngọc Phương Quỳnh	09/08/2005	Y khoa
1613	02048613	Võ Ngọc Phương Quỳnh	09/08/2005	Dược học
1614	02048625	Mai Huỳnh Thanh Tâm	26/06/2005	Y khoa
1615	02048625	Mai Huỳnh Thanh Tâm	26/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
1616	02048646	Dương Uy Thành	02/02/2005	Dược học
1617	02048648	Khổng Tiến Thành	30/06/2005	Y khoa
1618	02048648	Khổng Tiến Thành	30/06/2005	Dược học
1619	02048648	Khổng Tiến Thành	30/06/2005	Y học cổ truyền
1620	02048656	Lý Trần Thu Thảo	24/05/2005	Điều dưỡng
1621	02048656	Lý Trần Thu Thảo	24/05/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1622	02048656	Lý Trần Thu Thảo	24/05/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1623	02048656	Lý Trần Thu Thảo	24/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1624	02048656	Lý Trần Thu Thảo	24/05/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1625	02048656	Lý Trần Thu Thảo	24/05/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1626	02048742	Phạm Thanh Thư	10/01/2005	Y khoa
1627	02048742	Phạm Thanh Thư	10/01/2005	Dược học
1628	02048742	Phạm Thanh Thư	10/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1629	02048742	Phạm Thanh Thư	10/01/2005	Y học dự phòng
1630	02048825	Nguyễn Bảo Trân	23/01/2005	Dược học
1631	02048825	Nguyễn Bảo Trân	23/01/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1632	02048843	Phạm Hoàng Anh Trí	10/12/2005	Y khoa
1633	02048843	Phạm Hoàng Anh Trí	10/12/2005	Dược học
1634	02048843	Phạm Hoàng Anh Trí	10/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
1635	02048843	Phạm Hoàng Anh Trí	10/12/2005	Y học cổ truyền
1636	02048843	Phạm Hoàng Anh Trí	10/12/2005	Y học dự phòng
1637	02048843	Phạm Hoàng Anh Trí	10/12/2005	Y tế công cộng
1638	02048843	Phạm Hoàng Anh Trí	10/12/2005	Dinh dưỡng
1639	02048843	Phạm Hoàng Anh Trí	10/12/2005	Điều dưỡng
1640	02048843	Phạm Hoàng Anh Trí	10/12/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1641	02048843	Phạm Hoàng Anh Trí	10/12/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1642	02048843	Phạm Hoàng Anh Trí	10/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1643	02048843	Phạm Hoàng Anh Trí	10/12/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1644	02048843	Phạm Hoàng Anh Trí	10/12/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1645	02048892	Nguyễn Anh Nhật Tú	31/10/2005	Y khoa
1646	02048892	Nguyễn Anh Nhật Tú	31/10/2005	Dược học
1647	02048892	Nguyễn Anh Nhật Tú	31/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1648	02048892	Nguyễn Anh Nhật Tú	31/10/2005	Dinh dưỡng
1649	02048892	Nguyễn Anh Nhật Tú	31/10/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1650	02048892	Nguyễn Anh Nhật Tú	31/10/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1651	02049012	Bùi Ngọc Như Ý	21/09/2005	Y học cổ truyền
1652	02049012	Bùi Ngọc Như Ý	21/09/2005	Dinh dưỡng
1653	02049031	Nguyễn Thiên An	27/06/2005	Y khoa
1654	02049031	Nguyễn Thiên An	27/06/2005	Dược học
1655	02049071	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	02/07/2005	Dược học
1656	02049071	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	02/07/2005	Dinh dưỡng
1657	02049071	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	02/07/2005	Điều dưỡng
1658	02049071	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	02/07/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1659	02049259	Trần Hà Gia Hân	02/01/2005	Y khoa
1660	02049259	Trần Hà Gia Hân	02/01/2005	Dược học
1661	02049259	Trần Hà Gia Hân	02/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1662	02049259	Trần Hà Gia Hân	02/01/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1663	02049259	Trần Hà Gia Hân	02/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1664	02049375	Nguyễn Duy Khoa	23/11/2005	Y khoa
1665	02049376	Nguyễn Hữu Nguyên Khoa	12/02/2005	Y khoa
1666	02049376	Nguyễn Hữu Nguyên Khoa	12/02/2005	Dược học
1667	02049376	Nguyễn Hữu Nguyên Khoa	12/02/2005	Y học cổ truyền
1668	02049376	Nguyễn Hữu Nguyên Khoa	12/02/2005	Y tế công cộng
1669	02049376	Nguyễn Hữu Nguyên Khoa	12/02/2005	Dinh dưỡng
1670	02049376	Nguyễn Hữu Nguyên Khoa	12/02/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1671	02049376	Nguyễn Hữu Nguyên Khoa	12/02/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1672	02049376	Nguyễn Hữu Nguyên Khoa	12/02/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1673	02049376	Nguyễn Hữu Nguyên Khoa	12/02/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1674	02049436	Lâm Ngọc Khánh Linh	20/01/2005	Dinh dưỡng
1675	02049458	Huỳnh Nguyễn Phước Lộc	29/03/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1676	02049458	Huỳnh Nguyễn Phước Lộc	29/03/2005	Dược học
1677	02049458	Huỳnh Nguyễn Phước Lộc	29/03/2005	Y học cổ truyền
1678	02049458	Huỳnh Nguyễn Phước Lộc	29/03/2005	Y học dự phòng
1679	02049495	Phạm Ngân Nhi	16/01/2004	Y khoa
1680	02049533	Trần Minh Long	28/08/2005	Y khoa
1681	02049533	Trần Minh Long	28/08/2005	Dược học
1682	02049533	Trần Minh Long	28/08/2005	Y học cổ truyền
1683	02049533	Trần Minh Long	28/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1684	02049533	Trần Minh Long	28/08/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1685	02049568	Cao Hà My	28/10/2005	Y khoa
1686	02049568	Cao Hà My	28/10/2005	Dược học
1687	02049568	Cao Hà My	28/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1688	02049568	Cao Hà My	28/10/2005	Y học cổ truyền
1689	02049594	Lê Trần Phương Nghi	30/03/2005	Y khoa
1690	02049594	Lê Trần Phương Nghi	30/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
1691	02049594	Lê Trần Phương Nghi	30/03/2005	Y học cổ truyền
1692	02049594	Lê Trần Phương Nghi	30/03/2005	Dinh dưỡng
1693	02050176	Văn Trần Ngọc Ánh	05/05/2001	Y khoa
1694	02050176	Văn Trần Ngọc Ánh	05/05/2001	Dược học
1695	02050176	Văn Trần Ngọc Ánh	05/05/2001	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1696	02050477	Nguyễn Trần Tiến Huy	21/02/2004	Y khoa
1697	02050505	Bùi Tô Hoàng Long	25/09/2004	Y khoa
1698	02050505	Bùi Tô Hoàng Long	25/09/2004	Dược học
1699	02050505	Bùi Tô Hoàng Long	25/09/2004	Răng-Hàm-Mặt
1700	02050505	Bùi Tô Hoàng Long	25/09/2004	Y học cổ truyền
1701	02050505	Bùi Tô Hoàng Long	25/09/2004	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1702	02050505	Bùi Tô Hoàng Long	25/09/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1703	02050552	Diệp Trạch Quang	26/11/2004	Y khoa
1704	02050552	Diệp Trạch Quang	26/11/2004	Dược học
1705	02050782	Hoàng Hải My	13/05/2004	Y khoa
1706	02050782	Hoàng Hải My	13/05/2004	Dược học
1707	02050782	Hoàng Hải My	13/05/2004	Răng-Hàm-Mặt
1708	02050822	Phạm Thị Thanh Ngân	29/06/2005	Y khoa
1709	02050822	Phạm Thị Thanh Ngân	29/06/2005	Dược học
1710	02050979	Nguyễn Phạm Quang Trí	24/03/2004	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1711	02050979	Nguyễn Phạm Quang Trí	24/03/2004	Dược học
1712	02050979	Nguyễn Phạm Quang Trí	24/03/2004	Răng-Hàm-Mặt
1713	02051563	Lâm Nguyễn Ngọc Anh	27/10/2004	Dược học
1714	02051574	Ngô Quế Anh	10/02/2005	Y khoa
1715	02051574	Ngô Quế Anh	10/02/2005	Dược học
1716	02051658	Đinh Gia Bảo	18/05/2005	Y khoa
1717	02051658	Đinh Gia Bảo	18/05/2005	Dược học
1718	02051658	Đinh Gia Bảo	18/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
1719	02051658	Đinh Gia Bảo	18/05/2005	Y học cổ truyền
1720	02051658	Đinh Gia Bảo	18/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1721	02051658	Đinh Gia Bảo	18/05/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1722	02051743	Nguyễn Vũ Bảo Châu	02/07/2005	Dược học
1723	02051743	Nguyễn Vũ Bảo Châu	02/07/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1724	02051743	Nguyễn Vũ Bảo Châu	02/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1725	02051743	Nguyễn Vũ Bảo Châu	02/07/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1726	02051811	Trịnh Hoàng Dung	07/09/2005	Dược học
1727	02051811	Trịnh Hoàng Dung	07/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
1728	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Y khoa
1729	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Dược học
1730	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Răng-Hàm-Mặt
1731	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Y học cổ truyền
1732	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Y học dự phòng
1733	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Y tế công cộng
1734	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Dinh dưỡng
1735	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Điều dưỡng
1736	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Kỹ thuật phục hình răng
1737	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1738	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1739	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Kỹ thuật hình ảnh y học
1740	02051926	Dương Trí Đức	29/07/2004	Kỹ thuật phục hồi chức năng
1741	02052001	Lê Trần Gia Hân	03/10/2004	Y khoa
1742	02052001	Lê Trần Gia Hân	03/10/2004	Dược học
1743	02052001	Lê Trần Gia Hân	03/10/2004	Răng-Hàm-Mặt
1744	02052001	Lê Trần Gia Hân	03/10/2004	Y học cổ truyền

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1745	02052001	Lê Trần Gia Hân	03/10/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1746	02052050	Võ Nguyễn Khánh Hòa	03/05/2004	Y khoa
1747	02052050	Võ Nguyễn Khánh Hòa	03/05/2004	Dược học
1748	02052050	Võ Nguyễn Khánh Hòa	03/05/2004	Răng-Hàm-Mặt
1749	02052050	Võ Nguyễn Khánh Hòa	03/05/2004	Y học dự phòng
1750	02052050	Võ Nguyễn Khánh Hòa	03/05/2004	Y tế công cộng
1751	02052050	Võ Nguyễn Khánh Hòa	03/05/2004	Dinh dưỡng
1752	02052050	Võ Nguyễn Khánh Hòa	03/05/2004	Kỹ thuật Phục hình răng
1753	02052050	Võ Nguyễn Khánh Hòa	03/05/2004	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1754	02052050	Võ Nguyễn Khánh Hòa	03/05/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1755	02052050	Võ Nguyễn Khánh Hòa	03/05/2004	Kỹ thuật hình ảnh y học
1756	02052050	Võ Nguyễn Khánh Hòa	03/05/2004	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1757	02052063	Hồ Nguyễn Đức Huy	22/09/2003	Y khoa
1758	02052063	Hồ Nguyễn Đức Huy	22/09/2003	Răng-Hàm-Mặt
1759	02052063	Hồ Nguyễn Đức Huy	22/09/2003	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1760	02052115	Nguyễn Đông Khoa	20/07/2004	Y khoa
1761	02052115	Nguyễn Đông Khoa	20/07/2004	Dược học
1762	02052115	Nguyễn Đông Khoa	20/07/2004	Răng-Hàm-Mặt
1763	02052267	Phùng Khánh Huy	11/01/2005	Dược học
1764	02052337	Trần Hoàng Khang	26/06/2004	Y khoa
1765	02052337	Trần Hoàng Khang	26/06/2004	Răng-Hàm-Mặt
1766	02052337	Trần Hoàng Khang	26/06/2004	Y học cổ truyền
1767	02052337	Trần Hoàng Khang	26/06/2004	Kỹ thuật phục hình răng
1768	02052395	Nguyễn Đức Trung Kiên	30/03/2003	Y khoa
1769	02052395	Nguyễn Đức Trung Kiên	30/03/2003	Dược học
1770	02052395	Nguyễn Đức Trung Kiên	30/03/2003	Răng-Hàm-Mặt
1771	02052395	Nguyễn Đức Trung Kiên	30/03/2003	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1772	02052395	Nguyễn Đức Trung Kiên	30/03/2003	Kỹ thuật hình ảnh y học
1773	02052468	Huỳnh Gia Lộc	15/11/2002	Dược học
1774	02052468	Huỳnh Gia Lộc	15/11/2002	Răng-Hàm-Mặt
1775	02052524	Nguyễn Phan Thảo Nguyên	23/12/2003	Y khoa
1776	02052524	Nguyễn Phan Thảo Nguyên	23/12/2003	Dược học
1777	02052524	Nguyễn Phan Thảo Nguyên	23/12/2003	Răng-Hàm-Mặt
1778	02052538	Lê Minh Nhật	17/01/2003	Y khoa
1779	02052538	Lê Minh Nhật	17/01/2003	Dược học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1780	02052538	Lê Minh Nhật	17/01/2003	Răng-Hàm-Mặt
1781	02052538	Lê Minh Nhật	17/01/2003	Y học dự phòng
1782	02052538	Lê Minh Nhật	17/01/2003	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1783	02052731	Trần Khánh Linh	01/03/2004	Răng-Hàm-Mặt
1784	02052731	Trần Khánh Linh	01/03/2004	Kỹ thuật Phục hình răng
1785	02052951	Dương Đoàn Lan Nhi	25/08/2004	Y khoa
1786	02052951	Dương Đoàn Lan Nhi	25/08/2004	Dược học
1787	02052951	Dương Đoàn Lan Nhi	25/08/2004	Răng-Hàm-Mặt
1788	02052954	Hồ Trần Bảo Nhi	05/08/2004	Y khoa
1789	02052954	Hồ Trần Bảo Nhi	05/08/2004	Dược học
1790	02052954	Hồ Trần Bảo Nhi	05/08/2004	Răng-Hàm-Mặt
1791	02052954	Hồ Trần Bảo Nhi	05/08/2004	Y học cổ truyền
1792	02053034	Nguyễn Phương Thảo	16/12/2004	Răng-Hàm-Mặt
1793	02053096	Trần Ngọc Thanh Trang	17/08/2004	Y khoa
1794	02053096	Trần Ngọc Thanh Trang	17/08/2004	Dược học
1795	02053096	Trần Ngọc Thanh Trang	17/08/2004	Răng-Hàm-Mặt
1796	02053134	Cao Huỳnh Minh Trang	10/12/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1797	02053295	Phạm Nguyễn Yến Như	07/10/2005	Dược học
1798	02053295	Phạm Nguyễn Yến Như	07/10/2005	Điều dưỡng
1799	02053295	Phạm Nguyễn Yến Như	07/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1800	02053376	Võ Anh Phúc	06/06/2005	Y học dự phòng
1801	02053384	Hoàng Nguyễn Uyên Phương	27/06/2005	Y khoa
1802	02053384	Hoàng Nguyễn Uyên Phương	27/06/2005	Dược học
1803	02053384	Hoàng Nguyễn Uyên Phương	27/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
1804	02053384	Hoàng Nguyễn Uyên Phương	27/06/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1805	02053384	Hoàng Nguyễn Uyên Phương	27/06/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1806	02053439	Đặng Nguyễn Như Quỳnh	20/01/2005	Y khoa
1807	02053439	Đặng Nguyễn Như Quỳnh	20/01/2005	Dược học
1808	02053439	Đặng Nguyễn Như Quỳnh	20/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1809	02053439	Đặng Nguyễn Như Quỳnh	20/01/2005	Điều dưỡng
1810	02053439	Đặng Nguyễn Như Quỳnh	20/01/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1811	02053439	Đặng Nguyễn Như Quỳnh	20/01/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1812	02053439	Đặng Nguyễn Như Quỳnh	20/01/2005	Hộ sinh
1813	02053439	Đặng Nguyễn Như Quỳnh	20/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1814	02053439	Đặng Nguyễn Như Quỳnh	20/01/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1815	02053448	Phạm Phương Quỳnh	01/07/2005	Y khoa
1816	02053448	Phạm Phương Quỳnh	01/07/2005	Dược học
1817	02053448	Phạm Phương Quỳnh	01/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
1818	02053448	Phạm Phương Quỳnh	01/07/2005	Y học cổ truyền
1819	02053448	Phạm Phương Quỳnh	01/07/2005	Y học dự phòng
1820	02053448	Phạm Phương Quỳnh	01/07/2005	Y tế công cộng
1821	02053448	Phạm Phương Quỳnh	01/07/2005	Dinh dưỡng
1822	02053448	Phạm Phương Quỳnh	01/07/2005	Điều dưỡng
1823	02053448	Phạm Phương Quỳnh	01/07/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1824	02053448	Phạm Phương Quỳnh	01/07/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1825	02053448	Phạm Phương Quỳnh	01/07/2005	Hộ sinh
1826	02053448	Phạm Phương Quỳnh	01/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1827	02053448	Phạm Phương Quỳnh	01/07/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1828	02053448	Phạm Phương Quỳnh	01/07/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1829	02053567	Trần Ngọc Ánh Vân	28/06/2004	Dược học
1830	02053567	Trần Ngọc Ánh Vân	28/06/2004	Răng-Hàm-Mặt
1831	02053631	Hồ Thanh Xuân	31/01/2002	Y khoa
1832	02053631	Hồ Thanh Xuân	31/01/2002	Dược học
1833	02053631	Hồ Thanh Xuân	31/01/2002	Răng-Hàm-Mặt
1834	02053631	Hồ Thanh Xuân	31/01/2002	Y học cổ truyền
1835	02053631	Hồ Thanh Xuân	31/01/2002	Y học dự phòng
1836	02053631	Hồ Thanh Xuân	31/01/2002	Y tế công cộng
1837	02053631	Hồ Thanh Xuân	31/01/2002	Dinh dưỡng
1838	02053631	Hồ Thanh Xuân	31/01/2002	Điều dưỡng
1839	02053631	Hồ Thanh Xuân	31/01/2002	Kỹ thuật Phục hình răng
1840	02053631	Hồ Thanh Xuân	31/01/2002	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1841	02053631	Hồ Thanh Xuân	31/01/2002	Hộ sinh
1842	02053631	Hồ Thanh Xuân	31/01/2002	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1843	02053631	Hồ Thanh Xuân	31/01/2002	Kỹ thuật hình ảnh y học
1844	02053631	Hồ Thanh Xuân	31/01/2002	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1845	02053867	Võ Minh Thư	27/11/2005	Dinh dưỡng
1846	02053867	Võ Minh Thư	27/11/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1847	02053867	Võ Minh Thư	27/11/2005	Hộ sinh

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1848	02053867	Võ Minh Thư	27/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1849	02054024	Đào Thụy Thúy An	17/12/2004	Y khoa
1850	02054024	Đào Thụy Thúy An	17/12/2004	Dược học
1851	02054064	Võ Minh Anh	07/10/2005	Y khoa
1852	02054064	Võ Minh Anh	07/10/2005	Dược học
1853	02054064	Võ Minh Anh	07/10/2005	Dinh dưỡng
1854	02054064	Võ Minh Anh	07/10/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1855	02054064	Võ Minh Anh	07/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1856	02054064	Võ Minh Anh	07/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1857	02054182	Nguyễn Minh Đạt	21/04/2005	Dược học
1858	02054185	Nguyễn Tấn Đạt	19/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
1859	02054262	Nguyễn Ngọc Thuận Hiếu	17/10/2005	Dược học
1860	02054321	Cái Thụy Hương Hương	20/10/2005	Y học cổ truyền
1861	02054321	Cái Thụy Hương Hương	20/10/2005	Dược học
1862	02054347	Trần Mai Khanh	21/11/2005	Dược học
1863	02054491	Nguyễn Lâm Xuân Minh	04/02/2005	Dược học
1864	02054611	Vũ Ngọc Thanh Trúc	28/12/2005	Y khoa
1865	02054611	Vũ Ngọc Thanh Trúc	28/12/2005	Dược học
1866	02054611	Vũ Ngọc Thanh Trúc	28/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
1867	02054617	Nguyễn Lê Văn	05/10/2004	Y khoa
1868	02054617	Nguyễn Lê Văn	05/10/2004	Răng-Hàm-Mặt
1869	02054668	Trần Ngô Minh Nhật	16/01/2005	Y khoa
1870	02054668	Trần Ngô Minh Nhật	16/01/2005	Dược học
1871	02054668	Trần Ngô Minh Nhật	16/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1872	02054669	Trần Nguyễn Minh Nhật	26/10/2005	Y khoa
1873	02054669	Trần Nguyễn Minh Nhật	26/10/2005	Dược học
1874	02054669	Trần Nguyễn Minh Nhật	26/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
1875	02054674	Huỳnh Bạch Đan Nhi	24/06/2005	Dược học
1876	02054746	Nguyễn Duy Uyên Phương	23/11/2005	Dược học
1877	02054853	Đoàn Nguyên Thơ	13/01/2005	Dược học
1878	02054853	Đoàn Nguyên Thơ	13/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1879	02054853	Đoàn Nguyên Thơ	13/01/2005	Y học cổ truyền
1880	02054853	Đoàn Nguyên Thơ	13/01/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1881	02054910	Huỳnh Ngọc Thảo Trang	25/11/2005	Y khoa
1882	02054910	Huỳnh Ngọc Thảo Trang	25/11/2005	Dược học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1883	02054910	Huỳnh Ngọc Thảo Trang	25/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
1884	02054938	Ngô Nghi Trân	02/06/2004	Y khoa
1885	02054938	Ngô Nghi Trân	02/06/2004	Dược học
1886	02054938	Ngô Nghi Trân	02/06/2004	Răng-Hàm-Mặt
1887	02055021	Lê Ngọc Uyên Vi	30/04/2005	Y khoa
1888	02055163	Phạm Trần Quỳnh Anh	10/08/2004	Y khoa
1889	02055163	Phạm Trần Quỳnh Anh	10/08/2004	Y học cổ truyền
1890	02055163	Phạm Trần Quỳnh Anh	10/08/2004	Điều dưỡng
1891	02055163	Phạm Trần Quỳnh Anh	10/08/2004	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1892	02055228	Cao Kim Châu	19/09/2004	Dược học
1893	02055228	Cao Kim Châu	19/09/2004	Răng-Hàm-Mặt
1894	02055228	Cao Kim Châu	19/09/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1895	02055301	Nguyễn Thanh Duy	30/11/2005	Dược học
1896	02055456	Nguyễn Thanh Hiền	21/05/2004	Y khoa
1897	02055456	Nguyễn Thanh Hiền	21/05/2004	Răng-Hàm-Mặt
1898	02055466	Nguyễn Tấn Hiệp	09/06/2005	Y khoa
1899	02055466	Nguyễn Tấn Hiệp	09/06/2005	Dược học
1900	02055466	Nguyễn Tấn Hiệp	09/06/2005	Y học cổ truyền
1901	02055466	Nguyễn Tấn Hiệp	09/06/2005	Y học dự phòng
1902	02055466	Nguyễn Tấn Hiệp	09/06/2005	Y tế công cộng
1903	02055528	Nguyễn Hoàng Đức Huy	25/04/2005	Dược học
1904	02055528	Nguyễn Hoàng Đức Huy	25/04/2005	Y khoa
1905	02055528	Nguyễn Hoàng Đức Huy	25/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
1906	02055528	Nguyễn Hoàng Đức Huy	25/04/2005	Y học cổ truyền
1907	02055528	Nguyễn Hoàng Đức Huy	25/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1908	02055528	Nguyễn Hoàng Đức Huy	25/04/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1909	02055615	Mã Võ Tuyết Khanh	06/07/2005	Dược học
1910	02055619	Bạch Ngọc Cát Khánh	30/08/2005	Y khoa
1911	02055619	Bạch Ngọc Cát Khánh	30/08/2005	Dược học
1912	02055619	Bạch Ngọc Cát Khánh	30/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
1913	02055619	Bạch Ngọc Cát Khánh	30/08/2005	Y học cổ truyền
1914	02055619	Bạch Ngọc Cát Khánh	30/08/2005	Y học dự phòng
1915	02055619	Bạch Ngọc Cát Khánh	30/08/2005	Y tế công cộng
1916	02055619	Bạch Ngọc Cát Khánh	30/08/2005	Dinh dưỡng
1917	02055619	Bạch Ngọc Cát Khánh	30/08/2005	Điều dưỡng

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1918	02055619	Bạch Ngọc Cát Khánh	30/08/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1919	02055619	Bạch Ngọc Cát Khánh	30/08/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1920	02055619	Bạch Ngọc Cát Khánh	30/08/2005	Hộ sinh
1921	02055619	Bạch Ngọc Cát Khánh	30/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1922	02055619	Bạch Ngọc Cát Khánh	30/08/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1923	02055619	Bạch Ngọc Cát Khánh	30/08/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1924	02055641	La Tuấn Khoa	28/08/2005	Y học cổ truyền
1925	02055641	La Tuấn Khoa	28/08/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1926	02055641	La Tuấn Khoa	28/08/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1927	02055641	La Tuấn Khoa	28/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1928	02055641	La Tuấn Khoa	28/08/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1929	02055641	La Tuấn Khoa	28/08/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1930	02055651	Nguyễn Phương Khoa	20/05/2005	Y khoa
1931	02055651	Nguyễn Phương Khoa	20/05/2005	Dược học
1932	02055651	Nguyễn Phương Khoa	20/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
1933	02055651	Nguyễn Phương Khoa	20/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1934	02055679	Đinh Ngọc Minh	12/04/2003	Dược học
1935	02055752	Nguyễn Thái Kiệt	16/11/2005	Dược học
1936	02055826	Trương Huệ Linh	31/01/2005	Y khoa
1937	02055826	Trương Huệ Linh	31/01/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1938	02055826	Trương Huệ Linh	31/01/2005	Dược học
1939	02055826	Trương Huệ Linh	31/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1940	02055913	Trần Ngô Bảo Minh	14/06/2003	Y khoa
1941	02055913	Trần Ngô Bảo Minh	14/06/2003	Dược học
1942	02055913	Trần Ngô Bảo Minh	14/06/2003	Răng-Hàm-Mặt
1943	02055913	Trần Ngô Bảo Minh	14/06/2003	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1944	02055913	Trần Ngô Bảo Minh	14/06/2003	Kỹ thuật hình ảnh y học
1945	02055927	Phạm Chi Mỹ	03/01/2005	Dinh dưỡng
1946	02055927	Phạm Chi Mỹ	03/01/2005	Điều dưỡng
1947	02055935	Trần Đình Nam	05/05/2005	Y khoa
1948	02055935	Trần Đình Nam	05/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
1949	02055983	Lý Tiểu Nghi	06/07/2005	Y khoa
1950	02055983	Lý Tiểu Nghi	06/07/2005	Dược học
1951	02055983	Lý Tiểu Nghi	06/07/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1952	02055983	Lý Tiểu Nghi	06/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1953	02055983	Lý Tiểu Nghi	06/07/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1954	02056068	Đỗ Ngọc Nhi	25/11/2005	Dược học
1955	02056068	Đỗ Ngọc Nhi	25/11/2005	Y học cổ truyền
1956	02056068	Đỗ Ngọc Nhi	25/11/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
1957	02056068	Đỗ Ngọc Nhi	25/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1958	02056068	Đỗ Ngọc Nhi	25/11/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
1959	02056299	Cao Lê Phương Thi	05/07/2004	Y khoa
1960	02056390	Phan Bảo Quyên	02/09/2005	Dược học
1961	02056390	Phan Bảo Quyên	02/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1962	02056454	Trịnh Trần Nhật Tân	27/01/2004	Y khoa
1963	02056454	Trịnh Trần Nhật Tân	27/01/2004	Răng-Hàm-Mặt
1964	02056454	Trịnh Trần Nhật Tân	27/01/2004	Y học cổ truyền
1965	02056525	Xà Phúc Thịnh	16/11/2005	Y khoa
1966	02056525	Xà Phúc Thịnh	16/11/2005	Dược học
1967	02056525	Xà Phúc Thịnh	16/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
1968	02056525	Xà Phúc Thịnh	16/11/2005	Y học cổ truyền
1969	02056525	Xà Phúc Thịnh	16/11/2005	Kỹ thuật phục hình răng
1970	02056525	Xà Phúc Thịnh	16/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1971	02056525	Xà Phúc Thịnh	16/11/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
1972	02056629	Vũ Vương Thanh Trà	30/06/2004	Y khoa
1973	02056629	Vũ Vương Thanh Trà	30/06/2004	Dược học
1974	02056629	Vũ Vương Thanh Trà	30/06/2004	Răng-Hàm-Mặt
1975	02056629	Vũ Vương Thanh Trà	30/06/2004	Y học cổ truyền
1976	02056630	Phạm Cao Hữu Trác	20/03/2005	Y khoa
1977	02056630	Phạm Cao Hữu Trác	20/03/2005	Dược học
1978	02056647	Đỗ Đình Quế Trâm	30/11/2004	Y khoa
1979	02056647	Đỗ Đình Quế Trâm	30/11/2004	Dược học
1980	02056647	Đỗ Đình Quế Trâm	30/11/2004	Răng-Hàm-Mặt
1981	02056820	Uông Tín Vĩ	08/01/2005	Y khoa
1982	02056820	Uông Tín Vĩ	08/01/2005	Dược học
1983	02056820	Uông Tín Vĩ	08/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
1984	02056820	Uông Tín Vĩ	08/01/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
1985	02057768	Trần Bảo Ngọc	04/08/2004	Y khoa
1986	02057768	Trần Bảo Ngọc	04/08/2004	Dược học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
1987	02057768	Trần Bảo Ngọc	04/08/2004	Răng-Hàm-Mặt
1988	02057768	Trần Bảo Ngọc	04/08/2004	Y học cổ truyền
1989	02057768	Trần Bảo Ngọc	04/08/2004	Y học dự phòng
1990	02057768	Trần Bảo Ngọc	04/08/2004	Y tế công cộng
1991	02057768	Trần Bảo Ngọc	04/08/2004	Dinh dưỡng
1992	02057768	Trần Bảo Ngọc	04/08/2004	Điều dưỡng
1993	02057768	Trần Bảo Ngọc	04/08/2004	Kỹ thuật Phục hình răng
1994	02057768	Trần Bảo Ngọc	04/08/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1995	02057768	Trần Bảo Ngọc	04/08/2004	Kỹ thuật hình ảnh y học
1996	02057768	Trần Bảo Ngọc	04/08/2004	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1997	02058216	Nguyễn Gia Bảo	03/06/2005	Y khoa
1998	02058216	Nguyễn Gia Bảo	03/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
1999	02058388	Nguyễn Bích Hà	07/01/2004	Y khoa
2000	02058469	Vũ Thùy Linh	29/07/2004	Y khoa
2001	02058521	Phạm Đức Phúc	18/07/2004	Y khoa
2002	02058521	Phạm Đức Phúc	18/07/2004	Dược học
2003	02058521	Phạm Đức Phúc	18/07/2004	Răng-Hàm-Mặt
2004	02058999	Nguyễn Huỳnh Nhã Trang	30/01/2004	Y khoa
2005	02058999	Nguyễn Huỳnh Nhã Trang	30/01/2004	Dược học
2006	02059615	Lê Võ Thùy An	20/05/2005	Y khoa
2007	02059615	Lê Võ Thùy An	20/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
2008	02059660	Nguyễn Hồng Loan Anh	14/07/2005	Dược học
2009	02059660	Nguyễn Hồng Loan Anh	14/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
2010	02059786	Phạm Hồng Ngọc Hân	23/11/2005	Dược học
2011	02060070	Trần Võ Thanh Tâm	09/11/2002	Y khoa
2012	02060070	Trần Võ Thanh Tâm	09/11/2002	Răng-Hàm-Mặt
2013	02060126	Trần Khánh My	13/09/2005	Điều dưỡng
2014	02060126	Trần Khánh My	13/09/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2015	02060126	Trần Khánh My	13/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2016	02060138	Lê Khánh Ngân	07/11/2005	Dược học
2017	02060153	Nguyễn Lê Phương Nghi	26/04/2005	Y khoa
2018	02060153	Nguyễn Lê Phương Nghi	26/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2019	02060153	Nguyễn Lê Phương Nghi	26/04/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2020	02060329	Đỗ Tài Thành	15/08/2005	Y học dự phòng

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2021	02060329	Đỗ Tài Thành	15/08/2005	Y tế công cộng
2022	02060329	Đỗ Tài Thành	15/08/2005	Dinh dưỡng
2023	02060329	Đỗ Tài Thành	15/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2024	02060329	Đỗ Tài Thành	15/08/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2025	02060499	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	22/06/2005	Dược học
2026	02060499	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	22/06/2005	Y học cổ truyền
2027	02061493	Nguyễn Thị Yến Nhi	11/09/2004	Răng-Hàm-Mặt
2028	02061521	Dương Thị Thanh Như	29/04/2004	Y khoa
2029	02061521	Dương Thị Thanh Như	29/04/2004	Răng-Hàm-Mặt
2030	02061571	Nguyễn Hoàng Phương	23/12/2004	Y khoa
2031	02061571	Nguyễn Hoàng Phương	23/12/2004	Dược học
2032	02061571	Nguyễn Hoàng Phương	23/12/2004	Răng-Hàm-Mặt
2033	02061571	Nguyễn Hoàng Phương	23/12/2004	Y học cổ truyền
2034	02061571	Nguyễn Hoàng Phương	23/12/2004	Y học dự phòng
2035	02061571	Nguyễn Hoàng Phương	23/12/2004	Y tế công cộng
2036	02061571	Nguyễn Hoàng Phương	23/12/2004	Dinh dưỡng
2037	02061571	Nguyễn Hoàng Phương	23/12/2004	Điều dưỡng
2038	02061571	Nguyễn Hoàng Phương	23/12/2004	Kỹ thuật Phục hình răng
2039	02061571	Nguyễn Hoàng Phương	23/12/2004	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2040	02061571	Nguyễn Hoàng Phương	23/12/2004	Hộ sinh
2041	02061571	Nguyễn Hoàng Phương	23/12/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2042	02061571	Nguyễn Hoàng Phương	23/12/2004	Kỹ thuật hình ảnh y học
2043	02061571	Nguyễn Hoàng Phương	23/12/2004	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2044	02061685	Lưu Phương Thùy Trân	30/03/2004	Y khoa
2045	02061685	Lưu Phương Thùy Trân	30/03/2004	Dược học
2046	02061685	Lưu Phương Thùy Trân	30/03/2004	Răng-Hàm-Mặt
2047	02061685	Lưu Phương Thùy Trân	30/03/2004	Y học dự phòng
2048	02061685	Lưu Phương Thùy Trân	30/03/2004	Điều dưỡng
2049	02061685	Lưu Phương Thùy Trân	30/03/2004	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2050	02061685	Lưu Phương Thùy Trân	30/03/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2051	02061685	Lưu Phương Thùy Trân	30/03/2004	Kỹ thuật hình ảnh y học
2052	02062031	Trần Thủy Tiên	17/06/2004	Y khoa
2053	02062031	Trần Thủy Tiên	17/06/2004	Dược học
2054	02062031	Trần Thủy Tiên	17/06/2004	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2055	02062069	Trần Nguyễn Đoan Trang	12/01/2004	Y khoa
2056	02062069	Trần Nguyễn Đoan Trang	12/01/2004	Dược học
2057	02062069	Trần Nguyễn Đoan Trang	12/01/2004	Răng-Hàm-Mặt
2058	02062069	Trần Nguyễn Đoan Trang	12/01/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2059	02062258	Nguyễn Tường Vy	22/07/2004	Dinh dưỡng
2060	02063487	Võ Lê Khoa	25/04/2005	Dược học
2061	02063904	Chu Đức Minh	26/09/2005	Y khoa
2062	02063904	Chu Đức Minh	26/09/2005	Dược học
2063	02063904	Chu Đức Minh	26/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
2064	02063904	Chu Đức Minh	26/09/2005	Y học cổ truyền
2065	02064530	Nguyễn Lê Hiền Phụng	18/12/2005	Dược học
2066	02064530	Nguyễn Lê Hiền Phụng	18/12/2005	Dinh dưỡng
2067	02065912	Nguyễn Thái Bảo	07/01/2004	Y khoa
2068	02065912	Nguyễn Thái Bảo	07/01/2004	Dược học
2069	02065912	Nguyễn Thái Bảo	07/01/2004	Răng-Hàm-Mặt
2070	02065912	Nguyễn Thái Bảo	07/01/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2071	02065984	Trần Lê Dân	04/01/2004	Y khoa
2072	02065984	Trần Lê Dân	04/01/2004	Dược học
2073	02065984	Trần Lê Dân	04/01/2004	Răng-Hàm-Mặt
2074	02065984	Trần Lê Dân	04/01/2004	Y học cổ truyền
2075	02065984	Trần Lê Dân	04/01/2004	Kỹ thuật phục hình răng
2076	02065984	Trần Lê Dân	04/01/2004	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2077	02065984	Trần Lê Dân	04/01/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2078	02066049	Nguyễn Thái Dương	02/12/2004	Y khoa
2079	02066049	Nguyễn Thái Dương	02/12/2004	Dược học
2080	02066049	Nguyễn Thái Dương	02/12/2004	Răng-Hàm-Mặt
2081	02066049	Nguyễn Thái Dương	02/12/2004	Y học cổ truyền
2082	02066049	Nguyễn Thái Dương	02/12/2004	Dinh dưỡng
2083	02066049	Nguyễn Thái Dương	02/12/2004	Kỹ thuật Phục hình răng
2084	02066049	Nguyễn Thái Dương	02/12/2004	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2085	02066203	Nguyễn Lê Gia Hòa	21/11/2005	Dinh dưỡng
2086	02066203	Nguyễn Lê Gia Hòa	21/11/2005	Điều dưỡng
2087	02066203	Nguyễn Lê Gia Hòa	21/11/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2088	02066203	Nguyễn Lê Gia Hòa	21/11/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2089	02066203	Nguyễn Lê Gia Hòa	21/11/2005	Hộ sinh

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2090	02066271	Quách Khánh Linh	25/01/1997	Y khoa
2091	02066765	Trịnh Nguyễn Tùng Sơn	28/09/2002	Răng-Hàm-Mặt
2092	02066823	Trần Minh Trân	24/08/2005	Y khoa
2093	02066823	Trần Minh Trân	24/08/2005	Dược học
2094	02066916	Ngô Phi Uyên	23/09/2004	Y khoa
2095	02066916	Ngô Phi Uyên	23/09/2004	Dược học
2096	02066916	Ngô Phi Uyên	23/09/2004	Răng-Hàm-Mặt
2097	02066916	Ngô Phi Uyên	23/09/2004	Y học cổ truyền
2098	02066916	Ngô Phi Uyên	23/09/2004	Kỹ thuật phục hình răng
2099	02066916	Ngô Phi Uyên	23/09/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2100	02067119	Vũ Nguyễn Cẩm Quyên	07/02/2005	Dinh dưỡng
2101	02067119	Vũ Nguyễn Cẩm Quyên	07/02/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2102	02067119	Vũ Nguyễn Cẩm Quyên	07/02/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2103	02067149	Phạm Phương Phương	07/03/2005	Dược học
2104	02067149	Phạm Phương Phương	07/03/2005	Điều dưỡng
2105	02067149	Phạm Phương Phương	07/03/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2106	02067924	Nguyễn Hoàng Xuân Mai	25/08/2004	Y khoa
2107	02067924	Nguyễn Hoàng Xuân Mai	25/08/2004	Dược học
2108	02067924	Nguyễn Hoàng Xuân Mai	25/08/2004	Răng-Hàm-Mặt
2109	02067924	Nguyễn Hoàng Xuân Mai	25/08/2004	Kỹ thuật Phục hình răng
2110	02067924	Nguyễn Hoàng Xuân Mai	25/08/2004	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2111	02067924	Nguyễn Hoàng Xuân Mai	25/08/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2112	02067924	Nguyễn Hoàng Xuân Mai	25/08/2004	Kỹ thuật hình ảnh y học
2113	02067924	Nguyễn Hoàng Xuân Mai	25/08/2004	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2114	02068375	Nguyễn Hoàng Anh Minh	01/11/2004	Y khoa
2115	02069734	Lý Nguyệt An	07/05/2005	Y khoa
2116	02069734	Lý Nguyệt An	07/05/2005	Dược học
2117	02069742	Phùng Thiên An	03/02/2005	Y học cổ truyền
2118	02069752	Kiều Ngọc Phương Anh	26/07/2005	Y khoa
2119	02069752	Kiều Ngọc Phương Anh	26/07/2005	Dược học
2120	02069778	Phạm Ngọc Ánh	01/05/2004	Y khoa
2121	02069778	Phạm Ngọc Ánh	01/05/2004	Dược học
2122	02069778	Phạm Ngọc Ánh	01/05/2004	Răng-Hàm-Mặt
2123	02069784	Trần Thiêng Ân	25/05/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2124	02069784	Trần Thiêng Ân	25/05/2005	Dược học
2125	02069784	Trần Thiêng Ân	25/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
2126	02069784	Trần Thiêng Ân	25/05/2005	Y học cổ truyền
2127	02069784	Trần Thiêng Ân	25/05/2005	Y học dự phòng
2128	02069784	Trần Thiêng Ân	25/05/2005	Y tế công cộng
2129	02069784	Trần Thiêng Ân	25/05/2005	Dinh dưỡng
2130	02069784	Trần Thiêng Ân	25/05/2005	Điều dưỡng
2131	02069784	Trần Thiêng Ân	25/05/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2132	02069784	Trần Thiêng Ân	25/05/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2133	02069784	Trần Thiêng Ân	25/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2134	02069784	Trần Thiêng Ân	25/05/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2135	02069784	Trần Thiêng Ân	25/05/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2136	02069785	Lê Xuân Bách	22/06/2005	Y khoa
2137	02069785	Lê Xuân Bách	22/06/2005	Dược học
2138	02069785	Lê Xuân Bách	22/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
2139	02069789	Lê Thiên Bảo	25/06/2003	Y khoa
2140	02069789	Lê Thiên Bảo	25/06/2003	Dược học
2141	02069789	Lê Thiên Bảo	25/06/2003	Răng-Hàm-Mặt
2142	02069882	Nguyễn Thanh Thanh Hiền	05/08/2005	Dinh dưỡng
2143	02069945	Nguyễn Hoàng Khang	15/09/2004	Y khoa
2144	02069947	Nguyễn Mạnh Khang	20/12/2005	Y khoa
2145	02069947	Nguyễn Mạnh Khang	20/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
2146	02069972	Nguyễn Phạm Đăng Khoa	06/04/2005	Dược học
2147	02069979	Dương Vũ Anh Khôi	16/02/2005	Y khoa
2148	02069987	Nguyễn Trung Kiên	04/08/2004	Y khoa
2149	02069987	Nguyễn Trung Kiên	04/08/2004	Dược học
2150	02069987	Nguyễn Trung Kiên	04/08/2004	Răng-Hàm-Mặt
2151	02069987	Nguyễn Trung Kiên	04/08/2004	Y học cổ truyền
2152	02069987	Nguyễn Trung Kiên	04/08/2004	Y học dự phòng
2153	02069987	Nguyễn Trung Kiên	04/08/2004	Y tế công cộng
2154	02069987	Nguyễn Trung Kiên	04/08/2004	Dinh dưỡng
2155	02069987	Nguyễn Trung Kiên	04/08/2004	Kỹ thuật phục hình răng
2156	02069987	Nguyễn Trung Kiên	04/08/2004	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2157	02069987	Nguyễn Trung Kiên	04/08/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2158	02069987	Nguyễn Trung Kiên	04/08/2004	Kỹ thuật hình ảnh y học
2159	02069987	Nguyễn Trung Kiên	04/08/2004	Kỹ thuật phục hồi chức năng
2160	02070005	Lê Trần Khánh Linh	02/07/2005	Dược học
2161	02070007	Nguyễn Bùi Thảo Linh	27/05/2005	Y khoa
2162	02070007	Nguyễn Bùi Thảo Linh	27/05/2005	Dược học
2163	02070013	Nguyễn Phương Linh	01/02/2005	Y khoa
2164	02070013	Nguyễn Phương Linh	01/02/2005	Dược học
2165	02070013	Nguyễn Phương Linh	01/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2166	02070013	Nguyễn Phương Linh	01/02/2005	Kỹ thuật phục hình răng
2167	02070031	Châu Kim Luân	18/03/2005	Dược học
2168	02070031	Châu Kim Luân	18/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
2169	02070031	Châu Kim Luân	18/03/2005	Y học cổ truyền
2170	02070031	Châu Kim Luân	18/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2171	02070040	Nguyễn Lê Yến Mai	19/01/2005	Y khoa
2172	02070040	Nguyễn Lê Yến Mai	19/01/2005	Dược học
2173	02070040	Nguyễn Lê Yến Mai	19/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2174	02070050	Khổng Lê Minh	05/10/2005	Y khoa
2175	02070050	Khổng Lê Minh	05/10/2005	Dược học
2176	02070050	Khổng Lê Minh	05/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
2177	02070050	Khổng Lê Minh	05/10/2005	Y học cổ truyền
2178	02070050	Khổng Lê Minh	05/10/2005	Y học dự phòng
2179	02070050	Khổng Lê Minh	05/10/2005	Y tế công cộng
2180	02070050	Khổng Lê Minh	05/10/2005	Dinh dưỡng
2181	02070050	Khổng Lê Minh	05/10/2005	Điều dưỡng
2182	02070050	Khổng Lê Minh	05/10/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2183	02070050	Khổng Lê Minh	05/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2184	02070050	Khổng Lê Minh	05/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2185	02070050	Khổng Lê Minh	05/10/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2186	02070050	Khổng Lê Minh	05/10/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2187	02070062	Huỳnh Duy Nam	03/05/2005	Y khoa
2188	02070062	Huỳnh Duy Nam	03/05/2005	Dược học
2189	02070062	Huỳnh Duy Nam	03/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
2190	02070076	Đàm Khiết Nghi	25/05/2005	Y khoa
2191	02070076	Đàm Khiết Nghi	25/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
2192	02070099	Nguyễn Chu Giáng Ngọc	24/06/2005	Dược học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2193	02070099	Nguyễn Chu Giáng Ngọc	24/06/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2194	02070100	Phạm Bích Ngọc	25/05/2005	Dược học
2195	02070148	Nguyễn Trọng Bảo Nhi	11/10/2005	Dược học
2196	02070153	Nguyễn Hồng Nhung	04/06/2005	Y khoa
2197	02070153	Nguyễn Hồng Nhung	04/06/2005	Dược học
2198	02070153	Nguyễn Hồng Nhung	04/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
2199	02070178	Nguyễn Tấn Phước	12/10/2005	Y khoa
2200	02070178	Nguyễn Tấn Phước	12/10/2005	Dược học
2201	02070178	Nguyễn Tấn Phước	12/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
2202	02070182	Hồ Đỗ Minh Phương	15/06/2005	Y khoa
2203	02070182	Hồ Đỗ Minh Phương	15/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
2204	02070188	Nguyễn Mỹ Phương	27/04/2005	Y khoa
2205	02070188	Nguyễn Mỹ Phương	27/04/2005	Dược học
2206	02070188	Nguyễn Mỹ Phương	27/04/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2207	02070188	Nguyễn Mỹ Phương	27/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2208	02070189	Nguyễn Nhật Nam Phương	23/06/2005	Dược học
2209	02070189	Nguyễn Nhật Nam Phương	23/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
2210	02070189	Nguyễn Nhật Nam Phương	23/06/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2211	02070189	Nguyễn Nhật Nam Phương	23/06/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2212	02070189	Nguyễn Nhật Nam Phương	23/06/2005	Y học cổ truyền
2213	02070207	Lâm Thảo Quyên	16/09/2005	Dược học
2214	02070207	Lâm Thảo Quyên	16/09/2005	Dinh dưỡng
2215	02070207	Lâm Thảo Quyên	16/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2216	02070207	Lâm Thảo Quyên	16/09/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2217	02070207	Lâm Thảo Quyên	16/09/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
2218	02070242	Bùi Huỳnh Mai Thảo	01/03/2005	Điều dưỡng
2219	02070268	Bùi Lê Anh Thư	16/07/2003	Dược học
2220	02070268	Bùi Lê Anh Thư	16/07/2003	Y học cổ truyền
2221	02070268	Bùi Lê Anh Thư	16/07/2003	Y học dự phòng
2222	02070268	Bùi Lê Anh Thư	16/07/2003	Dinh dưỡng
2223	02070268	Bùi Lê Anh Thư	16/07/2003	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2224	02070287	Châu Dược Thương	28/03/2005	Y khoa
2225	02070295	Bùi Thị Hà Tiên	17/05/2005	Y khoa
2226	02070306	Nguyễn Đức Tính	27/11/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2227	02070306	Nguyễn Đức Tính	27/11/2005	Dược học
2228	02070315	Nguyễn Hồng Quỳnh Trâm	05/12/2005	Dược học
2229	02070328	Trần Minh Trí	14/09/2005	Dược học
2230	02070330	Dương Hoàng Trinh	11/11/2005	Y khoa
2231	02070330	Dương Hoàng Trinh	11/11/2005	Dược học
2232	02070343	Đỗ Quang Tuấn	17/04/2005	Y khoa
2233	02070343	Đỗ Quang Tuấn	17/04/2005	Dược học
2234	02070343	Đỗ Quang Tuấn	17/04/2005	Dinh dưỡng
2235	02070343	Đỗ Quang Tuấn	17/04/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2236	02070349	Phan Nguyễn Anh Tuấn	09/05/2004	Y khoa
2237	02070349	Phan Nguyễn Anh Tuấn	09/05/2004	Dược học
2238	02070349	Phan Nguyễn Anh Tuấn	09/05/2004	Răng-Hàm-Mặt
2239	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Y khoa
2240	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Dược học
2241	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
2242	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Y học cổ truyền
2243	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Y học dự phòng
2244	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Y tế công cộng
2245	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Dinh dưỡng
2246	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Điều dưỡng
2247	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Kỹ thuật phục hình răng
2248	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2249	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Hộ sinh
2250	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2251	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2252	02070351	Đỗ Tuyên	27/10/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
2253	02070357	Đỗ Phương Uyên	06/09/2005	Y khoa
2254	02070357	Đỗ Phương Uyên	06/09/2005	Dược học
2255	02070357	Đỗ Phương Uyên	06/09/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2256	02070357	Đỗ Phương Uyên	06/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2257	02070357	Đỗ Phương Uyên	06/09/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2258	02070357	Đỗ Phương Uyên	06/09/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2259	02070360	Hoàng Trinh Tâm Uyên	02/06/2005	Y khoa
2260	02070360	Hoàng Trinh Tâm Uyên	02/06/2005	Dược học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2261	02070360	Hoàng Trình Tâm Uyên	02/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
2262	02070362	Lê Nguyễn Nhã Uyên	04/04/2005	Y khoa
2263	02070362	Lê Nguyễn Nhã Uyên	04/04/2005	Dược học
2264	02070362	Lê Nguyễn Nhã Uyên	04/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2265	02070362	Lê Nguyễn Nhã Uyên	04/04/2005	Dinh dưỡng
2266	02070362	Lê Nguyễn Nhã Uyên	04/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2267	02070377	Nguyễn Hoàng Việt	28/12/2005	Y khoa
2268	02070377	Nguyễn Hoàng Việt	28/12/2005	Dược học
2269	02070377	Nguyễn Hoàng Việt	28/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2270	02070381	Đoàn Quang Vinh	11/07/2005	Y khoa
2271	02070381	Đoàn Quang Vinh	11/07/2005	Dược học
2272	02070381	Đoàn Quang Vinh	11/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
2273	02070381	Đoàn Quang Vinh	11/07/2005	Y học dự phòng
2274	02070381	Đoàn Quang Vinh	11/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2275	02070398	Võ Huỳnh Tố Vy	04/09/2004	Y khoa
2276	02070398	Võ Huỳnh Tố Vy	04/09/2004	Dược học
2277	02076421	Huỳnh Đăng Khôi	25/12/2003	Điều dưỡng
2278	02076421	Huỳnh Đăng Khôi	25/12/2003	Kỹ thuật phục hình răng
2279	02076421	Huỳnh Đăng Khôi	25/12/2003	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2280	02076421	Huỳnh Đăng Khôi	25/12/2003	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2281	02076421	Huỳnh Đăng Khôi	25/12/2003	Kỹ thuật hình ảnh y học
2282	02076421	Huỳnh Đăng Khôi	25/12/2003	Kỹ thuật phục hồi chức năng
2283	02078099	Trần Mạnh Hiếu	14/02/2005	Y khoa
2284	02078099	Trần Mạnh Hiếu	14/02/2005	Y học cổ truyền
2285	02079409	Võ Phạm Hoàng Thơ	26/04/2005	Y khoa
2286	02079409	Võ Phạm Hoàng Thơ	26/04/2005	Dược học
2287	02079409	Võ Phạm Hoàng Thơ	26/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2288	02080672	Đinh Nguyễn Phương Anh	14/01/2005	Y khoa
2289	02080672	Đinh Nguyễn Phương Anh	14/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2290	02080759	Trần Đức Dũng	27/09/2005	Y khoa
2291	02080759	Trần Đức Dũng	27/09/2005	Dược học
2292	02080759	Trần Đức Dũng	27/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2293	02080797	Võ Quốc Đạt	15/11/2004	Y khoa
2294	02080797	Võ Quốc Đạt	15/11/2004	Dược học
2295	02080797	Võ Quốc Đạt	15/11/2004	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2296	02080906	Bùi Mỹ Khánh	17/05/2005	Điều dưỡng
2297	02080906	Bùi Mỹ Khánh	17/05/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2298	02080906	Bùi Mỹ Khánh	17/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2299	02080906	Bùi Mỹ Khánh	17/05/2005	Dinh dưỡng
2300	02080906	Bùi Mỹ Khánh	17/05/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2301	02080906	Bùi Mỹ Khánh	17/05/2005	Hộ sinh
2302	02080906	Bùi Mỹ Khánh	17/05/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2303	02080906	Bùi Mỹ Khánh	17/05/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2304	02081065	Trần Thiện Nhân	21/10/2005	Y khoa
2305	02081065	Trần Thiện Nhân	21/10/2005	Dược học
2306	02081065	Trần Thiện Nhân	21/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
2307	02081233	Ngô Minh Thư	01/01/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2308	02081233	Ngô Minh Thư	01/01/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2309	02081233	Ngô Minh Thư	01/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2310	02081233	Ngô Minh Thư	01/01/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2311	02081233	Ngô Minh Thư	01/01/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2312	02081340	Đinh Trần Phương Uyên	15/02/2005	Y khoa
2313	02081340	Đinh Trần Phương Uyên	15/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2314	02081344	Nguyễn Lê Tố Uyên	28/03/2005	Dược học
2315	02081344	Nguyễn Lê Tố Uyên	28/03/2005	Y học cổ truyền
2316	02081344	Nguyễn Lê Tố Uyên	28/03/2005	Y học dự phòng
2317	02081344	Nguyễn Lê Tố Uyên	28/03/2005	Y tế công cộng
2318	02081344	Nguyễn Lê Tố Uyên	28/03/2005	Dinh dưỡng
2319	02081344	Nguyễn Lê Tố Uyên	28/03/2005	Điều dưỡng
2320	02081344	Nguyễn Lê Tố Uyên	28/03/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2321	02081344	Nguyễn Lê Tố Uyên	28/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2322	02081344	Nguyễn Lê Tố Uyên	28/03/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2323	02081344	Nguyễn Lê Tố Uyên	28/03/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2324	02081347	Trần Võ Hi Vân	20/10/2005	Y khoa
2325	02081347	Trần Võ Hi Vân	20/10/2005	Điều dưỡng
2326	02081348	Trương Khánh Vân	22/01/2004	Dược học
2327	02081348	Trương Khánh Vân	22/01/2004	Điều dưỡng
2328	02081348	Trương Khánh Vân	22/01/2004	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2329	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Y khoa
2330	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Dược học
2331	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2332	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Y học cổ truyền
2333	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Dinh dưỡng
2334	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Kỹ thuật phục hình răng
2335	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2336	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2337	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2338	02081451	Phạm Tuấn Anh	07/02/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
2339	02081498	Mai Quốc Bình	22/01/2005	Y tế công cộng
2340	02081498	Mai Quốc Bình	22/01/2005	Dinh dưỡng
2341	02081498	Mai Quốc Bình	22/01/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2342	02081498	Mai Quốc Bình	22/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2343	02082030	Trần Nguyễn Thảo My	01/06/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2344	02082030	Trần Nguyễn Thảo My	01/06/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2345	02082488	Nguyễn Huỳnh Minh Triết	02/10/2005	Y học cổ truyền
2346	02082488	Nguyễn Huỳnh Minh Triết	02/10/2005	Y học dự phòng
2347	02082488	Nguyễn Huỳnh Minh Triết	02/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2348	02082488	Nguyễn Huỳnh Minh Triết	02/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2349	02082488	Nguyễn Huỳnh Minh Triết	02/10/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2350	02082726	Nguyễn Gia Hân	17/02/2004	Y khoa
2351	02082747	Cung Phan Huy	12/07/2004	Y khoa
2352	02082747	Cung Phan Huy	12/07/2004	Dược học
2353	02082747	Cung Phan Huy	12/07/2004	Răng-Hàm-Mặt
2354	02082774	Trần Phúc Khang	15/10/2004	Y khoa
2355	02082774	Trần Phúc Khang	15/10/2004	Dược học
2356	02082774	Trần Phúc Khang	15/10/2004	Răng-Hàm-Mặt
2357	02082775	Đặng Lê Bảo Khanh	13/12/2005	Dược học
2358	02082775	Đặng Lê Bảo Khanh	13/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
2359	02082778	Trần Hoàng Uyển Khanh	05/09/2004	Y khoa
2360	02082778	Trần Hoàng Uyển Khanh	05/09/2004	Dược học
2361	02082802	Kiều Ngọc Lan	06/01/2004	Dược học
2362	02082802	Kiều Ngọc Lan	06/01/2004	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2363	02082802	Kiều Ngọc Lan	06/01/2004	Kỹ thuật Phục hình răng
2364	02082802	Kiều Ngọc Lan	06/01/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2365	02082802	Kiều Ngọc Lan	06/01/2004	Kỹ thuật hình ảnh y học
2366	02083012	Phạm Minh Thư	18/10/2004	Y khoa
2367	02083012	Phạm Minh Thư	18/10/2004	Dược học
2368	02083012	Phạm Minh Thư	18/10/2004	Răng-Hàm-Mặt
2369	02083020	Trần Nhật Thảo Tiên	25/10/2005	Dinh dưỡng
2370	02083020	Trần Nhật Thảo Tiên	25/10/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2371	02083061	Hồ Lê Anh Tuấn	19/05/2004	Y khoa
2372	02083061	Hồ Lê Anh Tuấn	19/05/2004	Răng-Hàm-Mặt
2373	02083076	Phó Nhượng Văn	24/05/2002	Y khoa
2374	02083076	Phó Nhượng Văn	24/05/2002	Dược học
2375	02083432	Trịnh Hương Giang	06/12/2005	Dược học
2376	02083491	Nguyễn Ngọc Hân	08/03/2005	Y tế công cộng
2377	02083491	Nguyễn Ngọc Hân	08/03/2005	Dinh dưỡng
2378	02083491	Nguyễn Ngọc Hân	08/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2379	02084371	Phạm Ngọc Thiên Quý	05/08/2004	Răng-Hàm-Mặt
2380	02084829	Nguyễn Nhật Vy	13/10/2005	Y khoa
2381	02084829	Nguyễn Nhật Vy	13/10/2005	Dược học
2382	02084829	Nguyễn Nhật Vy	13/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
2383	02084829	Nguyễn Nhật Vy	13/10/2005	Y học cổ truyền
2384	02084829	Nguyễn Nhật Vy	13/10/2005	Dinh dưỡng
2385	02084829	Nguyễn Nhật Vy	13/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2386	02084829	Nguyễn Nhật Vy	13/10/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2387	03005911	Lê Vũ Nguyên Hưng	09/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2388	03014164	Đoàn Mạnh Hà	14/07/2005	Y khoa
2389	03014164	Đoàn Mạnh Hà	14/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
2390	03014347	Nguyễn Hữu Hoàng	25/09/2005	Y khoa
2391	03014347	Nguyễn Hữu Hoàng	25/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
2392	03014461	Lưu Thanh Hương	26/04/2005	Y khoa
2393	03014461	Lưu Thanh Hương	26/04/2005	Dược học
2394	03014461	Lưu Thanh Hương	26/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2395	03014980	Trần Gia Linh	21/01/2005	Y khoa
2396	03014980	Trần Gia Linh	21/01/2005	Dược học
2397	03014980	Trần Gia Linh	21/01/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2398	03015152	Trương Tuấn Minh	07/01/2005	Y khoa
2399	03017817	Đào Ngọc Thủy	13/02/2004	Y khoa
2400	03017817	Đào Ngọc Thủy	13/02/2004	Dược học
2401	03017817	Đào Ngọc Thủy	13/02/2004	Răng-Hàm-Mặt
2402	03017817	Đào Ngọc Thủy	13/02/2004	Y học cổ truyền
2403	03017817	Đào Ngọc Thủy	13/02/2004	Y học dự phòng
2404	03017817	Đào Ngọc Thủy	13/02/2004	Y tế công cộng
2405	03017817	Đào Ngọc Thủy	13/02/2004	Dinh dưỡng
2406	03017817	Đào Ngọc Thủy	13/02/2004	Điều dưỡng
2407	03017817	Đào Ngọc Thủy	13/02/2004	Kỹ thuật Phục hình răng
2408	03017817	Đào Ngọc Thủy	13/02/2004	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2409	03017817	Đào Ngọc Thủy	13/02/2004	Hộ sinh
2410	03017817	Đào Ngọc Thủy	13/02/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2411	03017817	Đào Ngọc Thủy	13/02/2004	Kỹ thuật hình ảnh y học
2412	03017817	Đào Ngọc Thủy	13/02/2004	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2413	03018540	Nguyễn Phương Linh	04/01/2005	Y khoa
2414	03018540	Nguyễn Phương Linh	04/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2415	03018702	Vũ Nhật Nam	16/10/2005	Y khoa
2416	03018875	Trần Trúc Quỳnh	04/11/2005	Y khoa
2417	03018875	Trần Trúc Quỳnh	04/11/2005	Dược học
2418	03018875	Trần Trúc Quỳnh	04/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
2419	04004832	Nguyễn Thùy Linh	26/03/2005	Y khoa
2420	04006419	Cao Nguyễn Vân Anh	22/04/2005	Y khoa
2421	04006419	Cao Nguyễn Vân Anh	22/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2422	04006748	Lê Công Minh Dũng	25/02/2005	Y khoa
2423	04006748	Lê Công Minh Dũng	25/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2424	04006967	Đỗ Hoàng Bảo Trân	03/11/2005	Y khoa
2425	04006967	Đỗ Hoàng Bảo Trân	03/11/2005	Dược học
2426	04006967	Đỗ Hoàng Bảo Trân	03/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
2427	04007002	Nguyễn Nhật Bảo Trúc	09/11/2004	Y khoa
2428	04007002	Nguyễn Nhật Bảo Trúc	09/11/2004	Dược học
2429	04007002	Nguyễn Nhật Bảo Trúc	09/11/2004	Răng-Hàm-Mặt
2430	04007226	Nguyễn Thị Mai Hải	12/11/2005	Y khoa
2431	04007265	Cao Nguyệt Hân	23/06/2005	Y khoa
2432	04007265	Cao Nguyệt Hân	23/06/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2433	04007340	Hồ Lai Hiếu	16/01/2005	Y khoa
2434	04007349	Nguyễn Bá Trung Hiếu	22/07/2005	Y khoa
2435	04007349	Nguyễn Bá Trung Hiếu	22/07/2005	Dược học
2436	04007445	Lê Hà Bảo Trân	19/02/2005	Dược học
2437	04007445	Lê Hà Bảo Trân	19/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2438	04007469	Nguyễn Đình Triết	31/05/2005	Y khoa
2439	04007469	Nguyễn Đình Triết	31/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
2440	04007469	Nguyễn Đình Triết	31/05/2005	Dược học
2441	04007469	Nguyễn Đình Triết	31/05/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2442	04007682	Trần Nguyễn Thảo Uyên	28/03/2005	Y khoa
2443	04007682	Trần Nguyễn Thảo Uyên	28/03/2005	Dược học
2444	04007682	Trần Nguyễn Thảo Uyên	28/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
2445	04007767	Trần Mạnh Hùng	07/12/2005	Y khoa
2446	04007767	Trần Mạnh Hùng	07/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
2447	04007969	Lê Ngọc Phương Khanh	11/08/2005	Dược học
2448	04007969	Lê Ngọc Phương Khanh	11/08/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2449	04007969	Lê Ngọc Phương Khanh	11/08/2005	Y học dự phòng
2450	04008324	Nguyễn Hoàng Việt	27/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
2451	04008387	Trần Lê Gia Khanh	24/06/2005	Dược học
2452	04008882	Nguyễn Phan Ngọc Minh	15/01/2005	Y khoa
2453	04008882	Nguyễn Phan Ngọc Minh	15/01/2005	Dược học
2454	04008882	Nguyễn Phan Ngọc Minh	15/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2455	04009074	Trần Song Bảo Ngọc	20/07/2005	Y khoa
2456	04009074	Trần Song Bảo Ngọc	20/07/2005	Dược học
2457	04009074	Trần Song Bảo Ngọc	20/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
2458	04009074	Trần Song Bảo Ngọc	20/07/2005	Y học cổ truyền
2459	04009084	Bùi Đình Phước Nguyên	28/04/2005	Y khoa
2460	04009084	Bùi Đình Phước Nguyên	28/04/2005	Dược học
2461	04009084	Bùi Đình Phước Nguyên	28/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2462	04009084	Bùi Đình Phước Nguyên	28/04/2005	Y học cổ truyền
2463	04009084	Bùi Đình Phước Nguyên	28/04/2005	Y học dự phòng
2464	04009084	Bùi Đình Phước Nguyên	28/04/2005	Y tế công cộng
2465	04009084	Bùi Đình Phước Nguyên	28/04/2005	Dinh dưỡng
2466	04009084	Bùi Đình Phước Nguyên	28/04/2005	Điều dưỡng
2467	04009084	Bùi Đình Phước Nguyên	28/04/2005	Kỹ thuật Phục hình răng

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2468	04009084	Bùi Đình Phước Nguyên	28/04/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2469	04009084	Bùi Đình Phước Nguyên	28/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2470	04009084	Bùi Đình Phước Nguyên	28/04/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2471	04009084	Bùi Đình Phước Nguyên	28/04/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2472	04009146	Trịnh Võ Khôi Nguyên	03/03/2005	Y khoa
2473	04009525	Trương Thị Hoàng Nhi	06/12/2005	Dược học
2474	04009525	Trương Thị Hoàng Nhi	06/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
2475	04009525	Trương Thị Hoàng Nhi	06/12/2005	Y học cổ truyền
2476	04009634	Nguyễn Trần Bảo Phúc	07/11/2005	Y khoa
2477	04009634	Nguyễn Trần Bảo Phúc	07/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
2478	04009634	Nguyễn Trần Bảo Phúc	07/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2479	04010815	Lê Nhật Anh	10/01/2004	Y khoa
2480	04010815	Lê Nhật Anh	10/01/2004	Dược học
2481	04010815	Lê Nhật Anh	10/01/2004	Răng-Hàm-Mặt
2482	04010818	Lê Vũ Hà Anh	14/01/2004	Dược học
2483	04010868	Võ Thị Vân Anh	29/07/2005	Y khoa
2484	04011079	Phạm Thế Minh Đạt	29/06/2005	Y khoa
2485	04011079	Phạm Thế Minh Đạt	29/06/2005	Dược học
2486	04011079	Phạm Thế Minh Đạt	29/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
2487	04011272	Bùi Trường Giang	18/11/2005	Y khoa
2488	04011272	Bùi Trường Giang	18/11/2005	Dược học
2489	04011272	Bùi Trường Giang	18/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
2490	04011663	Đặng Phúc Hưng	13/10/2005	Y khoa
2491	04011663	Đặng Phúc Hưng	13/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
2492	04011739	Nguyễn Trần Nam Khánh	12/01/2005	Y khoa
2493	04011739	Nguyễn Trần Nam Khánh	12/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2494	04011834	Lê Thị Thùy Linh	05/03/2005	Y khoa
2495	04011834	Lê Thị Thùy Linh	05/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
2496	04011834	Lê Thị Thùy Linh	05/03/2005	Y học cổ truyền
2497	04012462	Nguyễn Phương Nguyên	22/09/2005	Dược học
2498	04012464	Nguyễn Văn Khôi Nguyên	21/07/2005	Y khoa
2499	04012464	Nguyễn Văn Khôi Nguyên	21/07/2005	Dược học
2500	04012464	Nguyễn Văn Khôi Nguyên	21/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
2501	04012464	Nguyễn Văn Khôi Nguyên	21/07/2005	Dinh dưỡng
2502	04012464	Nguyễn Văn Khôi Nguyên	21/07/2005	Kỹ thuật phục hình răng

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2503	04012464	Nguyễn Văn Khôi Nguyên	21/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2504	04012464	Nguyễn Văn Khôi Nguyên	21/07/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2505	04012464	Nguyễn Văn Khôi Nguyên	21/07/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
2506	04012591	Nguyễn Hoàng Phúc	05/11/2005	Y khoa
2507	04012729	Lương Trác Nhĩ	03/12/2005	Y khoa
2508	04012729	Lương Trác Nhĩ	03/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
2509	04012775	Lê Đức Quang	06/10/2005	Y khoa
2510	04012775	Lê Đức Quang	06/10/2005	Dược học
2511	04012965	Đỗ Hoàng Dạ Thảo	17/02/2005	Dược học
2512	04012971	Mai Việt Thảo	05/02/2005	Y khoa
2513	04012971	Mai Việt Thảo	05/02/2005	Dược học
2514	04012971	Mai Việt Thảo	05/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2515	04012971	Mai Việt Thảo	05/02/2005	Điều dưỡng
2516	04012971	Mai Việt Thảo	05/02/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2517	04012989	Cao Hoàng Thủy Tiên	14/10/2005	Y khoa
2518	04012989	Cao Hoàng Thủy Tiên	14/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
2519	04012989	Cao Hoàng Thủy Tiên	14/10/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2520	04013016	Phan Nguyễn Nam Trân	20/08/2005	Y khoa
2521	04013016	Phan Nguyễn Nam Trân	20/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
2522	04013042	Nguyễn Văn Trung	30/09/2005	Y khoa
2523	04013059	Trần Anh Tuấn	13/01/2005	Y khoa
2524	04013073	Nguyễn Mai Uyên	25/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2525	04013097	Trần Quang Vinh	04/08/2005	Y khoa
2526	04013097	Trần Quang Vinh	04/08/2005	Dược học
2527	04013097	Trần Quang Vinh	04/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
2528	04013133	Phan Thị Ngọc Vy	02/01/2005	Y khoa
2529	04013133	Phan Thị Ngọc Vy	02/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2530	04021962	Nguyễn Bá Đại Thắng	14/02/2005	Y khoa
2531	04021962	Nguyễn Bá Đại Thắng	14/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2532	12014702	Nguyễn Như Tùng	15/03/2005	Y khoa
2533	15000075	Hoàng Anh Dũng	07/12/2005	Y khoa
2534	15000075	Hoàng Anh Dũng	07/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
2535	23000028	Nguyễn Hải Anh	24/09/2005	Y khoa
2536	24000553	Dương Kim Hoàng	28/09/2005	Y khoa
2537	25000343	Mai Thành Nam	16/02/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2538	25000343	Mai Thành Nam	16/02/2005	Dược học
2539	25000343	Mai Thành Nam	16/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2540	26002398	Nguyễn Minh Vũ	23/03/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2541	26002398	Nguyễn Minh Vũ	23/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2542	26002398	Nguyễn Minh Vũ	23/03/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2543	26002398	Nguyễn Minh Vũ	23/03/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2544	28004328	Bùi Đức Anh	20/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
2545	28012658	Hà Minh Nguyệt	18/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
2546	28028633	Tô Trần Vân Nhi	10/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
2547	28028633	Tô Trần Vân Nhi	10/09/2005	Y khoa
2548	29000368	Phan Tiến Hưng	18/05/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2549	29000701	Nguyễn Lương Nhật Quang	22/12/2005	Y khoa
2550	29000701	Nguyễn Lương Nhật Quang	22/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
2551	29000925	Nguyễn Bùi Đức Trí	25/10/2005	Y khoa
2552	29003504	Nguyễn Thị Minh Phương	30/01/2005	Dược học
2553	31007269	Trịnh Nguyên Trang	08/01/2005	Y khoa
2554	31007269	Trịnh Nguyên Trang	08/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2555	31007269	Trịnh Nguyên Trang	08/01/2005	Y học cổ truyền
2556	31007363	Phạm Minh Châu	17/11/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2557	31009765	Lê Đỗ Thanh Quỳnh	10/02/2005	Dược học
2558	33003221	Phan Thị Minh Châu	11/04/2005	Dược học
2559	33003482	Nguyễn Thái Trúc Ly	16/02/2005	Y khoa
2560	33003598	Nguyễn Hữu Thảo Nhi	10/04/2005	Dược học
2561	34003534	Nguyễn Trần Phước Thành	06/06/2004	Y khoa
2562	34003534	Nguyễn Trần Phước Thành	06/06/2004	Răng-Hàm-Mặt
2563	34004077	Võ Đoan Nhi	30/04/2005	Y khoa
2564	34004077	Võ Đoan Nhi	30/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2565	34009409	Huỳnh Tấn Hưng	25/09/2005	Y khoa
2566	34009422	Phạm Gia Hùng Khoa	09/05/2005	Y khoa
2567	34009462	Phan Thị My My	19/01/2005	Y khoa
2568	34009646	Nguyễn Thị Bảo Trâm	06/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
2569	34010513	Nguyễn Thị Bích Hiền	23/06/2004	Y khoa
2570	34010513	Nguyễn Thị Bích Hiền	23/06/2004	Dược học
2571	34010513	Nguyễn Thị Bích Hiền	23/06/2004	Răng-Hàm-Mặt
2572	35001186	Nguyễn Ngọc Hân	21/09/2005	Y học cổ truyền

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2573	35004156	Tổng Gia Bảo	20/02/2005	Y khoa
2574	35004156	Tổng Gia Bảo	20/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2575	35005071	Nguyễn Thị Thùy Dương	04/09/2005	Y khoa
2576	35005071	Nguyễn Thị Thùy Dương	04/09/2005	Dược học
2577	35005071	Nguyễn Thị Thùy Dương	04/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
2578	35005709	Đỗ Dương Bảo	23/05/2005	Y khoa
2579	35005709	Đỗ Dương Bảo	23/05/2005	Dược học
2580	35005709	Đỗ Dương Bảo	23/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
2581	35005742	Võ Lê Chuyên	03/07/2005	Y khoa
2582	35005767	Bùi Vũ Duyên	22/08/2005	Dược học
2583	35005767	Bùi Vũ Duyên	22/08/2005	Y học cổ truyền
2584	35005767	Bùi Vũ Duyên	22/08/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2585	35005767	Bùi Vũ Duyên	22/08/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2586	35005907	Huỳnh Quốc Bá hưng	11/08/2005	Y khoa
2587	35005907	Huỳnh Quốc Bá hưng	11/08/2005	Dược học
2588	35005907	Huỳnh Quốc Bá hưng	11/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
2589	35005922	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	02/01/2005	Y khoa
2590	35005922	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	02/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2591	35005922	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	02/01/2005	Y học dự phòng
2592	35005922	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	02/01/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2593	35005922	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	02/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2594	35005922	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	02/01/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2595	35005928	Phạm Bảo Kha	22/03/2005	Y khoa
2596	35005928	Phạm Bảo Kha	22/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
2597	35005956	Đỗ Đình Đăng Khôi	10/11/2005	Y khoa
2598	35005956	Đỗ Đình Đăng Khôi	10/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
2599	35006090	Ngô Dương Minh Nhật	12/09/2005	Y khoa
2600	35006090	Ngô Dương Minh Nhật	12/09/2005	Dược học
2601	35006090	Ngô Dương Minh Nhật	12/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
2602	35006108	Lê An Nhiên	03/06/2005	Y khoa
2603	35006108	Lê An Nhiên	03/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
2604	35006108	Lê An Nhiên	03/06/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2605	35006156	Tổng Diệp Phương	24/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
2606	35006391	Đoàn Tú Uyên	10/05/2005	Y khoa
2607	35006391	Đoàn Tú Uyên	10/05/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2608	36000096	Nguyễn Phan Ngân Hà	25/08/2005	Y khoa
2609	36000096	Nguyễn Phan Ngân Hà	25/08/2005	Dược học
2610	36000096	Nguyễn Phan Ngân Hà	25/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
2611	36000111	Huỳnh Vũ Gia Hân	05/07/2005	Y khoa
2612	36000364	Nguyễn Mai Phương	12/04/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2613	36000364	Nguyễn Mai Phương	12/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2614	36000364	Nguyễn Mai Phương	12/04/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2615	36000410	Nguyễn Ngọc Minh Tâm	04/02/2005	Dược học
2616	36000410	Nguyễn Ngọc Minh Tâm	04/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2617	36000520	Lê Thanh Vân	27/12/2005	Y khoa
2618	36000584	Bùi Quỳnh Chi	03/03/2004	Dược học
2619	36000845	Nguyễn Lê Hoài Nhi	02/05/2005	Y khoa
2620	37000072	Đinh Lưu Đôn	13/07/2005	Y khoa
2621	37000129	Phạm Thế Hùng	26/02/2005	Y khoa
2622	37000129	Phạm Thế Hùng	26/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2623	37000164	Nguyễn Nam Khang	24/08/2005	Y khoa
2624	37000164	Nguyễn Nam Khang	24/08/2005	Dược học
2625	37000168	Tô Lê Ngọc Khánh	21/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
2626	37000169	Trần Lê Nguyên Khánh	22/08/2005	Y khoa
2627	37000169	Trần Lê Nguyên Khánh	22/08/2005	Dược học
2628	37000169	Trần Lê Nguyên Khánh	22/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2629	37000174	Đỗ Gia Khuê	19/01/2005	Dược học
2630	37000174	Đỗ Gia Khuê	19/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2631	37000188	Phan Nguyễn Anh Lê	05/11/2005	Y khoa
2632	37000188	Phan Nguyễn Anh Lê	05/11/2005	Dược học
2633	37000192	Lê Ngọc Phương Linh	01/11/2005	Y khoa
2634	37000192	Lê Ngọc Phương Linh	01/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
2635	37000193	Lê Thị Khánh Linh	13/09/2005	Y khoa
2636	37000193	Lê Thị Khánh Linh	13/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
2637	37000193	Lê Thị Khánh Linh	13/09/2005	Y học cổ truyền
2638	37000215	Lương Xuân Mai	02/01/2005	Y khoa
2639	37000215	Lương Xuân Mai	02/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2640	37000237	Phan Thị Thanh Ngân	05/08/2005	Dược học
2641	37000248	Đặng Phan Phương Nguyên	16/03/2005	Y khoa
2642	37000248	Đặng Phan Phương Nguyên	16/03/2005	Dược học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2643	37000248	Đặng Phan Phương Nguyên	16/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
2644	37000261	Nguyễn Đăng Nhân	06/02/2004	Y khoa
2645	37000261	Nguyễn Đăng Nhân	06/02/2004	Răng-Hàm-Mặt
2646	37000265	Đặng Lê Minh Nhật	18/01/2005	Y khoa
2647	37000265	Đặng Lê Minh Nhật	18/01/2005	Dược học
2648	37000265	Đặng Lê Minh Nhật	18/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2649	37000301	Hồ Bình Phương	22/03/2005	Y khoa
2650	37000301	Hồ Bình Phương	22/03/2005	Dược học
2651	37000335	Đỗ Tăng Bút Sơn	05/05/2005	Y khoa
2652	37000382	Huỳnh Anh Thư	23/05/2005	Y khoa
2653	37000387	Ngô Thủy Tiên	12/09/2005	Dược học
2654	37000408	Trần Huệ Bảo Trân	31/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
2655	37000428	Huỳnh Anh Tuấn	28/08/2005	Dược học
2656	37000461	Trần Hoàng Chí Vỹ	14/02/2005	Y khoa
2657	37000461	Trần Hoàng Chí Vỹ	14/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2658	37001318	Nguyễn Gia Hân	11/08/2005	Y khoa
2659	37001318	Nguyễn Gia Hân	11/08/2005	Dược học
2660	37001318	Nguyễn Gia Hân	11/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
2661	37001323	Trần Lê Ngọc Hân	07/01/2005	Dược học
2662	37001323	Trần Lê Ngọc Hân	07/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2663	37001417	Lê Phùng Nguyên Khang	23/04/2005	Y khoa
2664	37001828	Bùi Thị Thanh Trang	19/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
2665	37001828	Bùi Thị Thanh Trang	19/11/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2666	37001840	Phạm Lê Quỳnh Trâm	27/12/2005	Y khoa
2667	37001840	Phạm Lê Quỳnh Trâm	27/12/2005	Dược học
2668	37001840	Phạm Lê Quỳnh Trâm	27/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
2669	37001903	Nguyễn Võ Minh Tùng	22/09/2005	Dược học
2670	37001903	Nguyễn Võ Minh Tùng	22/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
2671	37006235	Nguyễn Hoàng Kỳ	20/08/2005	Y khoa
2672	37006235	Nguyễn Hoàng Kỳ	20/08/2005	Dược học
2673	37008809	Võ Huy Chu	03/10/2005	Y khoa
2674	37008809	Võ Huy Chu	03/10/2005	Dược học
2675	37015271	Đặng Thị Xuân Hằng	20/11/2005	Y khoa
2676	37015271	Đặng Thị Xuân Hằng	20/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
2677	37015367	Lê Anh Kiệt	27/07/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2678	37015367	Lê Anh Kiệt	27/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
2679	37015367	Lê Anh Kiệt	27/07/2005	Dược học
2680	37015367	Lê Anh Kiệt	27/07/2005	Y học cổ truyền
2681	37015367	Lê Anh Kiệt	27/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2682	37015460	Nguyễn Hồng Hiếu Ngân	02/02/2005	Y khoa
2683	37015460	Nguyễn Hồng Hiếu Ngân	02/02/2005	Dược học
2684	37015460	Nguyễn Hồng Hiếu Ngân	02/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2685	37015536	Đặng Hoàng Phát	08/04/2005	Y khoa
2686	37015536	Đặng Hoàng Phát	08/04/2005	Dược học
2687	37015536	Đặng Hoàng Phát	08/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2688	37015536	Đặng Hoàng Phát	08/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2689	37018829	Nguyễn Minh Thụy	03/03/2005	Điều dưỡng
2690	38001381	Trần Gia Bảo	13/05/2005	Y khoa
2691	38001381	Trần Gia Bảo	13/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
2692	38001405	Nguyễn Tăng Công Danh	24/02/2005	Y khoa
2693	38001405	Nguyễn Tăng Công Danh	24/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2694	38001405	Nguyễn Tăng Công Danh	24/02/2005	Dược học
2695	38001405	Nguyễn Tăng Công Danh	24/02/2005	Y học dự phòng
2696	38001453	Nguyễn Trần Nhật Hạ	29/10/2004	Y khoa
2697	38001453	Nguyễn Trần Nhật Hạ	29/10/2004	Răng-Hàm-Mặt
2698	38001509	Võ Bách Hợp	11/08/2005	Y khoa
2699	38001509	Võ Bách Hợp	11/08/2005	Dược học
2700	38001509	Võ Bách Hợp	11/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
2701	38001509	Võ Bách Hợp	11/08/2005	Y học cổ truyền
2702	38001509	Võ Bách Hợp	11/08/2005	Dinh dưỡng
2703	38001509	Võ Bách Hợp	11/08/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2704	38001509	Võ Bách Hợp	11/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2705	38001509	Võ Bách Hợp	11/08/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2706	38001554	Vũ An Khang	22/11/2005	Y khoa
2707	38001554	Vũ An Khang	22/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
2708	38001554	Vũ An Khang	22/11/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2709	38001849	Nguyễn Bảo Trân	09/07/2005	Y khoa
2710	38001849	Nguyễn Bảo Trân	09/07/2005	Dược học
2711	38001849	Nguyễn Bảo Trân	09/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
2712	38014648	Huỳnh Gia Thiên Ý	07/05/2005	Dược học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2713	39008341	Nguyễn Huỳnh Ngọc Anh	05/04/2005	Y khoa
2714	39008341	Nguyễn Huỳnh Ngọc Anh	05/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2715	39008377	Lâm Gia Bảo	23/06/2005	Y khoa
2716	39008901	Nguyễn Linh Đan	08/12/2005	Y khoa
2717	39009041	Nguyễn Lương Hùng	01/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
2718	39009160	Ngô Minh Khang	12/12/2005	Y khoa
2719	39009160	Ngô Minh Khang	12/12/2005	Dược học
2720	39009160	Ngô Minh Khang	12/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
2721	39009160	Ngô Minh Khang	12/12/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2722	39009194	Trần Gia Khánh	01/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2723	39009233	Nguyễn Minh Kiệt	18/06/2005	Y khoa
2724	39009233	Nguyễn Minh Kiệt	18/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
2725	39009233	Nguyễn Minh Kiệt	18/06/2005	Y học cổ truyền
2726	39009233	Nguyễn Minh Kiệt	18/06/2005	Y học dự phòng
2727	39009472	Huỳnh Hoàng Hưng	17/12/2005	Dược học
2728	39009473	Lê Bá Khánh Hưng	14/09/2005	Y khoa
2729	39009575	Nguyễn Phú Lộc	11/09/2005	Y khoa
2730	39009575	Nguyễn Phú Lộc	11/09/2005	Dược học
2731	39009575	Nguyễn Phú Lộc	11/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
2732	39009575	Nguyễn Phú Lộc	11/09/2005	Y học cổ truyền
2733	39009575	Nguyễn Phú Lộc	11/09/2005	Y học dự phòng
2734	39009575	Nguyễn Phú Lộc	11/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2735	39009611	Hồ Thị Xuân Mai	28/04/2005	Y khoa
2736	39009611	Hồ Thị Xuân Mai	28/04/2005	Dược học
2737	39009611	Hồ Thị Xuân Mai	28/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2738	39009833	Phạm Văn Ly	18/11/2005	Y khoa
2739	39009934	Đặng Phương Nhã	09/01/2005	Dược học
2740	39010071	Nguyễn Tiến Phát	24/03/2005	Y khoa
2741	39010071	Nguyễn Tiến Phát	24/03/2005	Dược học
2742	39010071	Nguyễn Tiến Phát	24/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
2743	39010071	Nguyễn Tiến Phát	24/03/2005	Y học dự phòng
2744	39010071	Nguyễn Tiến Phát	24/03/2005	Dinh dưỡng
2745	39010071	Nguyễn Tiến Phát	24/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2746	39010071	Nguyễn Tiến Phát	24/03/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2747	39010071	Nguyễn Tiến Phát	24/03/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2748	39010294	Lê Thị Minh Ngọc	03/11/2005	Y khoa
2749	39010469	Phan Thế Minh Tâm	18/05/2005	Y tế công cộng
2750	39010469	Phan Thế Minh Tâm	18/05/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2751	39010469	Phan Thế Minh Tâm	18/05/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2752	39010469	Phan Thế Minh Tâm	18/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2753	40016530	Trương Chí Kiên	05/06/2005	Dược học
2754	40016973	Nguyễn Bá Huy	19/05/2005	Dược học
2755	40018658	Nguyễn Đăng Hải Dương	28/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
2756	40018658	Nguyễn Đăng Hải Dương	28/03/2005	Dược học
2757	40018658	Nguyễn Đăng Hải Dương	28/03/2005	Dinh dưỡng
2758	40018658	Nguyễn Đăng Hải Dương	28/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2759	40018658	Nguyễn Đăng Hải Dương	28/03/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2760	40019223	Phạm Đình Duy Anh	26/07/2005	Y khoa
2761	40019223	Phạm Đình Duy Anh	26/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
2762	40019330	Lê Nguyễn Quỳnh Giao	23/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
2763	40019330	Lê Nguyễn Quỳnh Giao	23/03/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2764	40019417	Tưởng Nguyên Đăng Hoàng	21/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2765	40019555	Nguyễn Vũ Ngọc Minh	26/04/2005	Y khoa
2766	40019555	Nguyễn Vũ Ngọc Minh	26/04/2005	Dược học
2767	40019555	Nguyễn Vũ Ngọc Minh	26/04/2005	Y học dự phòng
2768	40019556	Phạm Lê Bách Minh	08/10/2005	Y khoa
2769	40019556	Phạm Lê Bách Minh	08/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
2770	40019557	Phương Nhật Hoàng Minh	21/01/2005	Y khoa
2771	40019726	Lê Đông Phương	16/03/2005	Y khoa
2772	40019726	Lê Đông Phương	16/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
2773	40020333	Trần Đại Phát	01/05/2005	Y khoa
2774	40020333	Trần Đại Phát	01/05/2005	Dược học
2775	40020333	Trần Đại Phát	01/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
2776	41002042	Đỗ Lê Quốc Trung	07/10/2005	Y khoa
2777	41007153	Huỳnh Minh Thư	14/06/2005	Y khoa
2778	41007153	Huỳnh Minh Thư	14/06/2005	Dược học
2779	41007153	Huỳnh Minh Thư	14/06/2005	Y học dự phòng
2780	41007153	Huỳnh Minh Thư	14/06/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2781	41007153	Huỳnh Minh Thư	14/06/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2782	41008094	Nguyễn Bảo Ngân	17/02/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2783	41008094	Nguyễn Bảo Ngân	17/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2784	41008364	Chu Huỳnh Tín	23/04/2005	Dược học
2785	41008607	Nguyễn Tuấn Bảo	26/01/2005	Y khoa
2786	41008607	Nguyễn Tuấn Bảo	26/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2787	41008634	Trần Hồ Linh Châu	23/03/2005	Dược học
2788	41008816	Nguyễn Hoàng Phương Giang	16/02/2005	Dược học
2789	41008816	Nguyễn Hoàng Phương Giang	16/02/2005	Y học dự phòng
2790	41008816	Nguyễn Hoàng Phương Giang	16/02/2005	Dinh dưỡng
2791	41008816	Nguyễn Hoàng Phương Giang	16/02/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2792	41008833	Lê Thanh Hải	31/01/2005	Y khoa
2793	41008833	Lê Thanh Hải	31/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2794	41008899	Nguyễn Duy Hiên	02/12/2005	Dược học
2795	41008991	Bùi Hoàng Huy	27/08/2005	Y khoa
2796	41009653	Nguyễn Xuân Nam	01/11/2005	Y khoa
2797	41009653	Nguyễn Xuân Nam	01/11/2005	Dược học
2798	41009653	Nguyễn Xuân Nam	01/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
2799	41010139	Võ Tứ Thoa	13/02/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2800	41010139	Võ Tứ Thoa	13/02/2005	Dinh dưỡng
2801	41010139	Võ Tứ Thoa	13/02/2005	Điều dưỡng
2802	41010139	Võ Tứ Thoa	13/02/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2803	41010139	Võ Tứ Thoa	13/02/2005	Hộ sinh
2804	41010139	Võ Tứ Thoa	13/02/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2805	41010139	Võ Tứ Thoa	13/02/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2806	41010139	Võ Tứ Thoa	13/02/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2807	41010144	Cao Thị Anh Thơ	12/02/2005	Y khoa
2808	41010144	Cao Thị Anh Thơ	12/02/2005	Dược học
2809	41010144	Cao Thị Anh Thơ	12/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
2810	41010144	Cao Thị Anh Thơ	12/02/2005	Dinh dưỡng
2811	41010144	Cao Thị Anh Thơ	12/02/2005	Điều dưỡng
2812	41010144	Cao Thị Anh Thơ	12/02/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2813	41010144	Cao Thị Anh Thơ	12/02/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2814	41010144	Cao Thị Anh Thơ	12/02/2005	Hộ sinh
2815	41010144	Cao Thị Anh Thơ	12/02/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2816	41010144	Cao Thị Anh Thơ	12/02/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2817	41010144	Cao Thị Anh Thơ	12/02/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2818	42000223	Đinh Trường Nguyên Khang	30/05/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2819	42000790	Nguyễn Xuân Bình An	29/04/2005	Dược học
2820	42000828	Nguyễn Vương Trường Ân	02/01/2004	Y khoa
2821	42000828	Nguyễn Vương Trường Ân	02/01/2004	Dược học
2822	42000828	Nguyễn Vương Trường Ân	02/01/2004	Răng-Hàm-Mặt
2823	42000950	Đặng Hữu Anh Hào	16/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2824	42000950	Đặng Hữu Anh Hào	16/04/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2825	42001683	Nguyễn Quang Anh	08/09/2005	Y khoa
2826	42001723	Dương Hà Quỳnh Nhi	09/09/2005	Y khoa
2827	42001800	Chung Phước Hào	18/05/2005	Y khoa
2828	42001805	Phạm Thị Minh Hằng	01/01/2005	Y khoa
2829	42001805	Phạm Thị Minh Hằng	01/01/2005	Dược học
2830	42001805	Phạm Thị Minh Hằng	01/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2831	42001852	Nguyễn Bảo Huy	06/06/2005	Dược học
2832	42001852	Nguyễn Bảo Huy	06/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
2833	42001869	Bùi Thị Quỳnh Hương	14/03/2005	Y khoa
2834	42001869	Bùi Thị Quỳnh Hương	14/03/2005	Dược học
2835	42001869	Bùi Thị Quỳnh Hương	14/03/2005	Y học cổ truyền
2836	42001979	Lê Đăng Minh	24/04/2005	Y khoa
2837	42001979	Lê Đăng Minh	24/04/2005	Dược học
2838	42001979	Lê Đăng Minh	24/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2839	42001997	Lê Nguyễn Hoàng Nam	04/10/2005	Y khoa
2840	42001997	Lê Nguyễn Hoàng Nam	04/10/2005	Dược học
2841	42001997	Lê Nguyễn Hoàng Nam	04/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
2842	42001997	Lê Nguyễn Hoàng Nam	04/10/2005	Y học cổ truyền
2843	42001997	Lê Nguyễn Hoàng Nam	04/10/2005	Y học dự phòng
2844	42001997	Lê Nguyễn Hoàng Nam	04/10/2005	Y tế công cộng
2845	42001997	Lê Nguyễn Hoàng Nam	04/10/2005	Dinh dưỡng
2846	42001997	Lê Nguyễn Hoàng Nam	04/10/2005	Điều dưỡng
2847	42001997	Lê Nguyễn Hoàng Nam	04/10/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2848	42001997	Lê Nguyễn Hoàng Nam	04/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2849	42001997	Lê Nguyễn Hoàng Nam	04/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2850	42001997	Lê Nguyễn Hoàng Nam	04/10/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2851	42001997	Lê Nguyễn Hoàng Nam	04/10/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2852	42002034	Võ Thùy Minh Ngọc	23/10/2005	Y khoa
2853	42002034	Võ Thùy Minh Ngọc	23/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
2854	42002063	Trịnh Hoài Yến Nhi	14/03/2005	Y khoa
2855	42002063	Trịnh Hoài Yến Nhi	14/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
2856	42002106	Trần Nhật Phương	07/01/2005	Dược học
2857	42002106	Trần Nhật Phương	07/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2858	42002119	Trần Anh Quân	18/03/2005	Y khoa
2859	42002157	Hà Trần Nhật Tân	29/10/2005	Y khoa
2860	42002157	Hà Trần Nhật Tân	29/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
2861	42002179	Lê Nguyễn Nhã Thi	13/05/2005	Y khoa
2862	42002179	Lê Nguyễn Nhã Thi	13/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
2863	42002198	Phạm Châu Thanh Thủy	08/09/2005	Dược học
2864	42002198	Phạm Châu Thanh Thủy	08/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2865	42002198	Phạm Châu Thanh Thủy	08/09/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2866	42002234	Nguyễn Thị Thùy Trang	26/10/2005	Dược học
2867	42004967	Đặng Nhật Anh	08/05/2005	Y khoa
2868	42004967	Đặng Nhật Anh	08/05/2005	Dược học
2869	42004967	Đặng Nhật Anh	08/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
2870	42004967	Đặng Nhật Anh	08/05/2005	Dinh dưỡng
2871	42004967	Đặng Nhật Anh	08/05/2005	Điều dưỡng
2872	42004967	Đặng Nhật Anh	08/05/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2873	42004967	Đặng Nhật Anh	08/05/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2874	42004967	Đặng Nhật Anh	08/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2875	42004967	Đặng Nhật Anh	08/05/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2876	42004967	Đặng Nhật Anh	08/05/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2877	42005278	Lê Trần Phương Nguyên	30/12/2005	Dược học
2878	42005278	Lê Trần Phương Nguyên	30/12/2005	Y tế công cộng
2879	42005278	Lê Trần Phương Nguyên	30/12/2005	Dinh dưỡng
2880	42005278	Lê Trần Phương Nguyên	30/12/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2881	42005278	Lê Trần Phương Nguyên	30/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2882	42005278	Lê Trần Phương Nguyên	30/12/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2883	42005278	Lê Trần Phương Nguyên	30/12/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2884	42011296	Phạm Nhật Quỳnh Hương	16/04/2005	Dược học
2885	42011296	Phạm Nhật Quỳnh Hương	16/04/2005	Y học cổ truyền

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2886	42011296	Phạm Nhật Quỳnh Hương	16/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2887	42011381	Nguyễn Trần Ánh Nguyệt	28/09/2005	Y khoa
2888	42011381	Nguyễn Trần Ánh Nguyệt	28/09/2005	Dược học
2889	42011381	Nguyễn Trần Ánh Nguyệt	28/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
2890	42011565	Thái Tường Vi	14/09/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2891	42013065	Dương Hữu Anh	14/11/2005	Y khoa
2892	42013065	Dương Hữu Anh	14/11/2005	Dược học
2893	42013071	Lê Nguyễn Minh Anh	21/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2894	42013126	Đào Lê Bảo Hà	02/12/2004	Y khoa
2895	42013126	Đào Lê Bảo Hà	02/12/2004	Dược học
2896	42013126	Đào Lê Bảo Hà	02/12/2004	Răng-Hàm-Mặt
2897	42013126	Đào Lê Bảo Hà	02/12/2004	Y học cổ truyền
2898	42013153	Đào Khắc Bảo Huy	25/11/2005	Y khoa
2899	42013153	Đào Khắc Bảo Huy	25/11/2005	Dược học
2900	42013153	Đào Khắc Bảo Huy	25/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
2901	42013170	Lê Ngọc Mai Khanh	24/04/2005	Dược học
2902	42013170	Lê Ngọc Mai Khanh	24/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2903	42013170	Lê Ngọc Mai Khanh	24/04/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2904	42013170	Lê Ngọc Mai Khanh	24/04/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2905	42013170	Lê Ngọc Mai Khanh	24/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2906	42013170	Lê Ngọc Mai Khanh	24/04/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2907	42013170	Lê Ngọc Mai Khanh	24/04/2005	Y khoa
2908	42013216	Huỳnh Quang Minh	05/12/2005	Y khoa
2909	42013216	Huỳnh Quang Minh	05/12/2005	Dược học
2910	42013216	Huỳnh Quang Minh	05/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
2911	42013271	Đỗ Hà Phương	24/10/2005	Điều dưỡng
2912	42013271	Đỗ Hà Phương	24/10/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2913	42013271	Đỗ Hà Phương	24/10/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2914	42013278	Hoàng Quân	01/04/2005	Y khoa
2915	42013278	Hoàng Quân	01/04/2005	Dược học
2916	42013278	Hoàng Quân	01/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2917	42013281	Vũ Bảo Quân	26/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
2918	43001287	Đỗ Ngọc Gia Hân	14/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2919	43001287	Đỗ Ngọc Gia Hân	14/08/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2920	43002045	Đào Xuân Mai	26/03/2005	Y khoa
2921	44000306	Huỳnh Quốc Duy	09/11/2005	Y khoa
2922	44000340	Lê Châu Duyên	11/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2923	44000377	Trần Trung Đàng	16/08/2003	Y khoa
2924	44000377	Trần Trung Đàng	16/08/2003	Dược học
2925	44000377	Trần Trung Đàng	16/08/2003	Răng-Hàm-Mặt
2926	44000377	Trần Trung Đàng	16/08/2003	Y học cổ truyền
2927	44000377	Trần Trung Đàng	16/08/2003	Y học dự phòng
2928	44000377	Trần Trung Đàng	16/08/2003	Kỹ thuật Phục hình răng
2929	44000415	Lý Kiến Đức	22/07/2005	Y khoa
2930	44000415	Lý Kiến Đức	22/07/2005	Dược học
2931	44000415	Lý Kiến Đức	22/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
2932	44000818	Đỗ Đăng Khoa	08/05/2005	Y khoa
2933	44000926	Đoàn Thị Mai Linh	28/05/2004	Y khoa
2934	44000926	Đoàn Thị Mai Linh	28/05/2004	Răng-Hàm-Mặt
2935	44000926	Đoàn Thị Mai Linh	28/05/2004	Dược học
2936	44000926	Đoàn Thị Mai Linh	28/05/2004	Y học cổ truyền
2937	44000926	Đoàn Thị Mai Linh	28/05/2004	Y học dự phòng
2938	44000968	Phạm Trần Thảo Linh	13/04/2005	Y khoa
2939	44000968	Phạm Trần Thảo Linh	13/04/2005	Dược học
2940	44000968	Phạm Trần Thảo Linh	13/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2941	44000968	Phạm Trần Thảo Linh	13/04/2005	Y học cổ truyền
2942	44000968	Phạm Trần Thảo Linh	13/04/2005	Dinh dưỡng
2943	44000968	Phạm Trần Thảo Linh	13/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2944	44000968	Phạm Trần Thảo Linh	13/04/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2945	44001706	Nguyễn Hoàng Nhật Thông	02/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2946	44001706	Nguyễn Hoàng Nhật Thông	02/10/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2947	44002405	Từ Minh Anh	20/06/2005	Y khoa
2948	44002405	Từ Minh Anh	20/06/2005	Dược học
2949	44002496	Đỗ Thị Ngọc Châu	15/08/2005	Y khoa
2950	44002496	Đỗ Thị Ngọc Châu	15/08/2005	Dược học
2951	44002496	Đỗ Thị Ngọc Châu	15/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
2952	44002555	Nguyễn Mạnh Dũng	25/05/2005	Y khoa
2953	44002555	Nguyễn Mạnh Dũng	25/05/2005	Dược học
2954	44002555	Nguyễn Mạnh Dũng	25/05/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2955	44002555	Nguyễn Mạnh Dũng	25/05/2005	Y học dự phòng
2956	44002555	Nguyễn Mạnh Dũng	25/05/2005	Kỹ thuật phục hình răng
2957	44002555	Nguyễn Mạnh Dũng	25/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2958	44002555	Nguyễn Mạnh Dũng	25/05/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2959	44002563	Huỳnh Quốc Duy	05/10/2005	Y khoa
2960	44002576	Nguyễn Thị Thúy Duy	14/07/2005	Y khoa
2961	44002576	Nguyễn Thị Thúy Duy	14/07/2005	Dược học
2962	44002581	Phan Lê Khánh Duy	18/03/2005	Y khoa
2963	44002581	Phan Lê Khánh Duy	18/03/2005	Dược học
2964	44002581	Phan Lê Khánh Duy	18/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
2965	44002585	Trịnh Tuấn Duy	20/12/2005	Y tế công cộng
2966	44002585	Trịnh Tuấn Duy	20/12/2005	Dinh dưỡng
2967	44002585	Trịnh Tuấn Duy	20/12/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
2968	44002585	Trịnh Tuấn Duy	20/12/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2969	44002585	Trịnh Tuấn Duy	20/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2970	44002585	Trịnh Tuấn Duy	20/12/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2971	44002585	Trịnh Tuấn Duy	20/12/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
2972	44002784	Hồ Nguyễn Ngọc Trâm	30/04/2005	Y khoa
2973	44002784	Hồ Nguyễn Ngọc Trâm	30/04/2005	Dược học
2974	44002784	Hồ Nguyễn Ngọc Trâm	30/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
2975	44002789	Nguyễn Đặng Thùy Trâm	08/12/2005	Y khoa
2976	44002804	Nguyễn Bảo Trân	01/01/2005	Y khoa
2977	44002804	Nguyễn Bảo Trân	01/01/2005	Dược học
2978	44002804	Nguyễn Bảo Trân	01/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
2979	44002804	Nguyễn Bảo Trân	01/01/2005	Kỹ thuật phục hình răng
2980	44002804	Nguyễn Bảo Trân	01/01/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
2981	44002957	Trần Huỳnh Thảo Giang	17/06/2005	Y khoa
2982	44002957	Trần Huỳnh Thảo Giang	17/06/2005	Dược học
2983	44002957	Trần Huỳnh Thảo Giang	17/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
2984	44002969	Đỗ Nguyễn Ngân Hà	18/09/2005	Y khoa
2985	44002969	Đỗ Nguyễn Ngân Hà	18/09/2005	Dược học
2986	44002969	Đỗ Nguyễn Ngân Hà	18/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
2987	44002969	Đỗ Nguyễn Ngân Hà	18/09/2005	Kỹ thuật phục hình răng
2988	44002969	Đỗ Nguyễn Ngân Hà	18/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
2989	44002969	Đỗ Nguyễn Ngân Hà	18/09/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
2990	44002969	Đỗ Nguyễn Ngân Hà	18/09/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
2991	44002973	Nguyễn Nhật Việt Hà	18/08/2005	Y khoa
2992	44002973	Nguyễn Nhật Việt Hà	18/08/2005	Dược học
2993	44003046	Trương Ngọc Hân	28/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
2994	44003088	Mai Trần Minh Hiếu	08/08/2005	Y khoa
2995	44003088	Mai Trần Minh Hiếu	08/08/2005	Dược học
2996	44003088	Mai Trần Minh Hiếu	08/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
2997	44003091	Nguyễn Đăng Hiếu	29/02/2004	Y khoa
2998	44003091	Nguyễn Đăng Hiếu	29/02/2004	Dược học
2999	44003091	Nguyễn Đăng Hiếu	29/02/2004	Răng-Hàm-Mặt
3000	44003091	Nguyễn Đăng Hiếu	29/02/2004	Y học cổ truyền
3001	44003106	Ngô Bửu Hòa	21/07/2005	Y khoa
3002	44003153	Kim Jun Hun	13/01/2005	Y khoa
3003	44003153	Kim Jun Hun	13/01/2005	Dược học
3004	44003153	Kim Jun Hun	13/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
3005	44003187	Nguyễn Gia Huy	01/07/2005	Y khoa
3006	44003235	Chu Gia Phúc	12/10/2005	Y khoa
3007	44003235	Chu Gia Phúc	12/10/2005	Dược học
3008	44003235	Chu Gia Phúc	12/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
3009	44003235	Chu Gia Phúc	12/10/2005	Y học dự phòng
3010	44003249	Nguyễn Thiên Phúc	25/04/2005	Dược học
3011	44003249	Nguyễn Thiên Phúc	25/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
3012	44003357	Trần Nguyễn Xuân Uyên	23/03/2005	Y khoa
3013	44003357	Trần Nguyễn Xuân Uyên	23/03/2005	Dược học
3014	44003357	Trần Nguyễn Xuân Uyên	23/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
3015	44003357	Trần Nguyễn Xuân Uyên	23/03/2005	Dinh dưỡng
3016	44003357	Trần Nguyễn Xuân Uyên	23/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3017	44003392	Nguyễn Tấn Vinh	16/08/2005	Y khoa
3018	44003392	Nguyễn Tấn Vinh	16/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
3019	44003441	Nguyễn Trương Trúc Vy	02/04/2005	Y khoa
3020	44003441	Nguyễn Trương Trúc Vy	02/04/2005	Dược học
3021	44003441	Nguyễn Trương Trúc Vy	02/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
3022	44003441	Nguyễn Trương Trúc Vy	02/04/2005	Y học cổ truyền
3023	44003540	Võ Minh Khang	17/06/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
3024	44003569	Võ Ngọc Cát Khánh	25/07/2005	Y khoa
3025	44003569	Võ Ngọc Cát Khánh	25/07/2005	Dược học
3026	44003569	Võ Ngọc Cát Khánh	25/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
3027	44003569	Võ Ngọc Cát Khánh	25/07/2005	Y học cổ truyền
3028	44003655	Huỳnh Nhã Lạc	30/07/2005	Y khoa
3029	44003655	Huỳnh Nhã Lạc	30/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3030	44003718	Phan Đăng Quỳnh Linh	21/07/2005	Y khoa
3031	44003718	Phan Đăng Quỳnh Linh	21/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
3032	44003803	Nguyễn Quang Minh	22/06/2005	Y khoa
3033	44003803	Nguyễn Quang Minh	22/06/2005	Dược học
3034	44003803	Nguyễn Quang Minh	22/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
3035	44003923	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	10/09/2005	Y khoa
3036	44003923	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	10/09/2005	Dược học
3037	44003923	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	10/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
3038	44003923	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	10/09/2005	Y học cổ truyền
3039	44003923	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	10/09/2005	Dinh dưỡng
3040	44003923	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	10/09/2005	Điều dưỡng
3041	44003923	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	10/09/2005	Hộ sinh
3042	44003923	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	10/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3043	44003937	Lê Minh Sang	20/04/2005	Y khoa
3044	44003937	Lê Minh Sang	20/04/2005	Dược học
3045	44003937	Lê Minh Sang	20/04/2005	Y học cổ truyền
3046	44003937	Lê Minh Sang	20/04/2005	Dinh dưỡng
3047	44003996	Thái Thanh	20/05/2005	Y khoa
3048	44003996	Thái Thanh	20/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
3049	44004036	Lê Ngọc Uyên Thi	15/01/2005	Y khoa
3050	44004036	Lê Ngọc Uyên Thi	15/01/2005	Dược học
3051	44004036	Lê Ngọc Uyên Thi	15/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
3052	44004125	Hoàng Kim Ngân	21/05/2005	Y khoa
3053	44004125	Hoàng Kim Ngân	21/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
3054	44004166	Đỗ Gia Nghi	31/07/2005	Y khoa
3055	44004166	Đỗ Gia Nghi	31/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
3056	44004206	Lữ Hoài Ngọc	01/01/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
3057	44004206	Lữ Hoài Ngọc	01/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3058	44004206	Lữ Hoài Ngọc	01/01/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
3059	44004206	Lữ Hoài Ngọc	01/01/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
3060	44004212	Nguyễn Bảo Ngọc	20/12/2005	Y khoa
3061	44004212	Nguyễn Bảo Ngọc	20/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
3062	44004229	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	16/09/2005	Y khoa
3063	44004229	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	16/09/2005	Dược học
3064	44004504	Nguyễn Thị Minh Thi	30/10/2005	Y khoa
3065	44004504	Nguyễn Thị Minh Thi	30/10/2005	Dược học
3066	44004504	Nguyễn Thị Minh Thi	30/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
3067	44004521	Lê Quang Thịnh	17/02/2005	Y khoa
3068	44004521	Lê Quang Thịnh	17/02/2005	Dược học
3069	44004521	Lê Quang Thịnh	17/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
3070	44004521	Lê Quang Thịnh	17/02/2005	Y học cổ truyền
3071	44004594	Nguyễn Lê Anh Thư	14/06/2005	Y khoa
3072	44004594	Nguyễn Lê Anh Thư	14/06/2005	Dược học
3073	44004594	Nguyễn Lê Anh Thư	14/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
3074	44004628	Bùi Anh Thy	31/03/2005	Dược học
3075	44004628	Bùi Anh Thy	31/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
3076	44004735	Ngô Kỳ Anh	31/03/2005	Dược học
3077	44007460	Phạm Huy Hoàng	28/02/2005	Y khoa
3078	44013511	Phạm Nguyễn Nhật Khang	19/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3079	45000298	Quảng Võ Nguyên Khang	06/05/2005	Y khoa
3080	45002845	Trịnh Nguyễn Huy Hoàng	16/09/2005	Dược học
3081	45002906	Mai Việt Quang Hưởng	05/01/2005	Dược học
3082	45002906	Mai Việt Quang Hưởng	05/01/2005	Y khoa
3083	45003313	Lưu Chí Nguyên	01/06/2005	Y khoa
3084	46000868	Trần Văn Khánh	27/08/2005	Y khoa
3085	46000868	Trần Văn Khánh	27/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
3086	46001137	Lữ Điền Thanh	11/01/2004	Y khoa
3087	46001137	Lữ Điền Thanh	11/01/2004	Dược học
3088	46001137	Lữ Điền Thanh	11/01/2004	Răng-Hàm-Mặt
3089	46002071	Lữ Điền Sơn	16/08/2005	Y khoa
3090	46002071	Lữ Điền Sơn	16/08/2005	Dược học
3091	46002071	Lữ Điền Sơn	16/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
3092	46002127	Dương Nhật Thanh	22/11/2005	Dinh dưỡng
3093	46002127	Dương Nhật Thanh	22/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
3094	46002127	Dương Nhật Thanh	22/11/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng
3095	46002220	Võ Lý Anh Thư	17/06/2005	Y khoa
3096	46002220	Võ Lý Anh Thư	17/06/2005	Dược học
3097	46002220	Võ Lý Anh Thư	17/06/2005	Y học cổ truyền
3098	47004865	Trần Khắc Đăng Khoa	04/06/2005	Y khoa
3099	47004865	Trần Khắc Đăng Khoa	04/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
3100	47007612	Lê Kiều Nhật Ánh	11/03/2005	Y khoa
3101	47007612	Lê Kiều Nhật Ánh	11/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
3102	47007612	Lê Kiều Nhật Ánh	11/03/2005	Y học cổ truyền
3103	47007612	Lê Kiều Nhật Ánh	11/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3104	47007660	Nguyễn Mạnh Thùy Duyên	17/03/2005	Y khoa
3105	47007660	Nguyễn Mạnh Thùy Duyên	17/03/2005	Dược học
3106	47007660	Nguyễn Mạnh Thùy Duyên	17/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
3107	47007660	Nguyễn Mạnh Thùy Duyên	17/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3108	47007660	Nguyễn Mạnh Thùy Duyên	17/03/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
3109	47007757	Nguyễn Phạm Phú Khải	03/02/2005	Y khoa
3110	47008031	Trương Nại Anh Thư	07/02/2004	Y khoa
3111	47008031	Trương Nại Anh Thư	07/02/2004	Răng-Hàm-Mặt
3112	47008126	Nguyễn Nguyên Vũ	27/02/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3113	47008126	Nguyễn Nguyên Vũ	27/02/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
3114	48003359	Lee Chang Cường	28/10/2005	Y khoa
3115	48003359	Lee Chang Cường	28/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
3116	48003985	Nguyễn Hồ Trí Dũng	14/12/2005	Y khoa
3117	48003985	Nguyễn Hồ Trí Dũng	14/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
3118	48003985	Nguyễn Hồ Trí Dũng	14/12/2005	Dược học
3119	48005046	Hoàng Tiến Đạt	10/04/2005	Y khoa
3120	48005815	Nguyễn Anh Đức	28/01/2005	Y khoa
3121	48005815	Nguyễn Anh Đức	28/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
3122	48005815	Nguyễn Anh Đức	28/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3123	48006333	Đoàn Thị Ngân Hà	12/05/2005	Y khoa
3124	48007398	Phạm Nguyễn Gia Hân	12/02/2005	Dược học
3125	48007398	Phạm Nguyễn Gia Hân	12/02/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
3126	48008781	Nguyễn Huy Hoàng	25/06/2005	Y khoa
3127	48008781	Nguyễn Huy Hoàng	25/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
3128	48009116	Nguyễn Khải Huân	04/11/2005	Dược học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
3129	48009450	Đoàn Gia Huy	26/09/2005	Y khoa
3130	48009450	Đoàn Gia Huy	26/09/2005	Dược học
3131	48011854	Nguyễn Minh Khôi	19/06/2004	Răng-Hàm-Mặt
3132	48013194	Nguyễn Khánh Linh	18/12/2005	Dược học
3133	48014830	Nguyễn Trương Nha Mân	09/11/2005	Y khoa
3134	48014830	Nguyễn Trương Nha Mân	09/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3135	48014830	Nguyễn Trương Nha Mân	09/11/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
3136	48016373	Trần Kim Ngân	16/10/2005	Y khoa
3137	48016373	Trần Kim Ngân	16/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
3138	48016479	Nguyễn Dương Châu Nghi	04/07/2005	Dược học
3139	48016543	Đặng Hoàng Nghĩa	10/01/2005	Y khoa
3140	48016543	Đặng Hoàng Nghĩa	10/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
3141	48017729	Nguyễn Trọng Nhân	16/10/2005	Y khoa
3142	48017820	Huỳnh Minh Nhật	12/11/2005	Dược học
3143	48017820	Huỳnh Minh Nhật	12/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
3144	48017820	Huỳnh Minh Nhật	12/11/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
3145	48017820	Huỳnh Minh Nhật	12/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3146	48018629	Nguyễn Uyên Nhi	06/11/2005	Điều dưỡng
3147	48019338	Lương Ánh Như	01/04/2005	Y khoa
3148	48020594	Nguyễn Huy Phúc	05/02/2005	Y khoa
3149	48020594	Nguyễn Huy Phúc	05/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
3150	48021812	Đoàn Chính Quốc	19/03/2005	Y khoa
3151	48023556	Nguyễn Minh Tấn	20/06/2005	Y khoa
3152	48023556	Nguyễn Minh Tấn	20/06/2005	Dược học
3153	48023556	Nguyễn Minh Tấn	20/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
3154	48024176	Hoàng Ngọc Vy Thảo	19/04/2005	Y khoa
3155	48024176	Hoàng Ngọc Vy Thảo	19/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
3156	48024499	Phan Dương Phương Thảo	23/06/2005	Y khoa
3157	48024499	Phan Dương Phương Thảo	23/06/2005	Dược học
3158	48024499	Phan Dương Phương Thảo	23/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
3159	48024833	Phan Quốc Thắng	12/01/2002	Y khoa
3160	48024833	Phan Quốc Thắng	12/01/2002	Răng-Hàm-Mặt
3161	48029003	Phạm Trương Phương Trinh	22/07/2005	Dược học
3162	48029560	Lê Nguyễn Đăng Trường	16/07/2005	Y khoa
3163	48029560	Lê Nguyễn Đăng Trường	16/07/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
3164	48029824	Nguyễn Thanh Tú	13/01/2004	Y khoa
3165	48030242	Tào Minh Tuấn	14/04/2005	Y khoa
3166	48030242	Tào Minh Tuấn	14/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
3167	48032401	Phạm Hoàng Vy	18/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
3168	48032501	Trần Nguyễn Đan Vy	21/01/2005	Y khoa
3169	48032647	Phạm Triều Vỹ	24/12/2005	Y khoa
3170	48032647	Phạm Triều Vỹ	24/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
3171	49002602	Châu Thị Phương Hằng	10/12/2005	Dược học
3172	49002602	Châu Thị Phương Hằng	10/12/2005	Y khoa
3173	49002602	Châu Thị Phương Hằng	10/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
3174	49002853	Nguyễn Ngọc Lan Phương	01/10/2005	Y học dự phòng
3175	49002853	Nguyễn Ngọc Lan Phương	01/10/2005	Y tế công cộng
3176	49002853	Nguyễn Ngọc Lan Phương	01/10/2005	Dinh dưỡng
3177	49002853	Nguyễn Ngọc Lan Phương	01/10/2005	Điều dưỡng
3178	49002853	Nguyễn Ngọc Lan Phương	01/10/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
3179	49002853	Nguyễn Ngọc Lan Phương	01/10/2005	Hộ sinh
3180	49003098	Nguyễn Trần Hồng Anh	30/07/2005	Dược học
3181	49003098	Nguyễn Trần Hồng Anh	30/07/2005	Y học cổ truyền
3182	49003098	Nguyễn Trần Hồng Anh	30/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3183	49003098	Nguyễn Trần Hồng Anh	30/07/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
3184	49003098	Nguyễn Trần Hồng Anh	30/07/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
3185	49003409	Trịnh Phát Minh Nhật	11/11/2005	Y khoa
3186	49003409	Trịnh Phát Minh Nhật	11/11/2005	Dược học
3187	49003409	Trịnh Phát Minh Nhật	11/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3188	49003695	Nguyễn Khánh Vân	21/03/2005	Dược học
3189	49004195	Huỳnh Như Anh	19/07/2005	Y khoa
3190	49004195	Huỳnh Như Anh	19/07/2005	Dược học
3191	49004195	Huỳnh Như Anh	19/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
3192	49004195	Huỳnh Như Anh	19/07/2005	Y học cổ truyền
3193	49004195	Huỳnh Như Anh	19/07/2005	Y học dự phòng
3194	49004195	Huỳnh Như Anh	19/07/2005	Y tế công cộng
3195	49004195	Huỳnh Như Anh	19/07/2005	Dinh dưỡng
3196	49004195	Huỳnh Như Anh	19/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3197	49004195	Huỳnh Như Anh	19/07/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
3198	49004232	Đặng Khánh Chương	27/03/2005	Y khoa

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
3199	49004296	Ngô Hiền Bảo Hân	12/06/2005	Y khoa
3200	49004296	Ngô Hiền Bảo Hân	12/06/2005	Dược học
3201	49004296	Ngô Hiền Bảo Hân	12/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
3202	49004378	Đặng Thị Vân Khanh	06/05/2005	Y khoa
3203	49004378	Đặng Thị Vân Khanh	06/05/2005	Dược học
3204	49004392	Trần Đỗ Đăng Khoa	15/01/2005	Y khoa
3205	49004392	Trần Đỗ Đăng Khoa	15/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3206	49004393	Võ Anh Khoa	02/12/2005	Y khoa
3207	49004515	Phan Thy Nguyên	03/04/2005	Dược học
3208	49004515	Phan Thy Nguyên	03/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3209	49004515	Phan Thy Nguyên	03/04/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
3210	49004545	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	31/10/2005	Y khoa
3211	49004545	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	31/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
3212	49004566	Nguyễn Quốc Phát	14/02/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3213	49004566	Nguyễn Quốc Phát	14/02/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
3214	49004566	Nguyễn Quốc Phát	14/02/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
3215	49004573	Phan Tấn Phát	25/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
3216	49004573	Phan Tấn Phát	25/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3217	49004573	Phan Tấn Phát	25/04/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
3218	49004681	Lương Nguyễn Minh Thông	11/03/2005	Y khoa
3219	49004681	Lương Nguyễn Minh Thông	11/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
3220	49014135	Đặng Nguyễn Hoàn Kim	26/07/2005	Điều dưỡng
3221	50003845	Nguyễn Minh Thư	04/10/2005	Y khoa
3222	50003845	Nguyễn Minh Thư	04/10/2005	Dược học
3223	50003845	Nguyễn Minh Thư	04/10/2005	Răng-Hàm-Mặt
3224	50003845	Nguyễn Minh Thư	04/10/2005	Y học cổ truyền
3225	50003845	Nguyễn Minh Thư	04/10/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3226	50003845	Nguyễn Minh Thư	04/10/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
3227	50003902	Bùi Xuân An	09/02/2005	Y khoa
3228	50003902	Bùi Xuân An	09/02/2005	Dược học
3229	50003902	Bùi Xuân An	09/02/2005	Y học cổ truyền
3230	50004065	Nghiêm Vĩnh Khang	14/02/2005	Y khoa
3231	50004166	Trần Thanh Ngọc	10/02/2005	Y khoa
3232	50004230	Nguyễn Hoàng Như Phúc	22/04/2005	Dược học
3233	50004247	Huỳnh Lê Diễm Quý	11/01/2005	Dược học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
3234	50004247	Huỳnh Lê Diễm Quí	11/01/2005	Y học cổ truyền
3235	50006258	Đồ Tình Như	06/09/2003	Y khoa
3236	50006258	Đồ Tình Như	06/09/2003	Dược học
3237	50006258	Đồ Tình Như	06/09/2003	Răng-Hàm-Mặt
3238	50006258	Đồ Tình Như	06/09/2003	Y học cổ truyền
3239	50006258	Đồ Tình Như	06/09/2003	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3240	50006689	Hồ Quốc Huy	14/09/2005	Y khoa
3241	50006689	Hồ Quốc Huy	14/09/2005	Dược học
3242	50006689	Hồ Quốc Huy	14/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
3243	50006689	Hồ Quốc Huy	14/09/2005	Y học cổ truyền
3244	50006689	Hồ Quốc Huy	14/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3245	50006716	Cao Hữu Khang	08/01/2005	Y khoa
3246	50006716	Cao Hữu Khang	08/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
3247	50006937	Nguyễn Thị Thanh Tâm	01/01/2005	Y khoa
3248	50006937	Nguyễn Thị Thanh Tâm	01/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
3249	50006954	Trần Công Thành	17/03/2005	Dược học
3250	50006954	Trần Công Thành	17/03/2005	Y học cổ truyền
3251	50006954	Trần Công Thành	17/03/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
3252	51000253	Đoàn Ngọc Khuê	24/02/2005	Dinh dưỡng
3253	51000769	Nguyễn Ngọc Phương Anh	04/10/2005	Y khoa
3254	51000769	Nguyễn Ngọc Phương Anh	04/10/2005	Dược học
3255	51000817	Hoàng Mạnh Cường	03/11/2005	Dược học
3256	51000835	Nguyễn Hoàng Tuấn Duy	27/08/2005	Y khoa
3257	51000835	Nguyễn Hoàng Tuấn Duy	27/08/2005	Dược học
3258	51000835	Nguyễn Hoàng Tuấn Duy	27/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
3259	51000835	Nguyễn Hoàng Tuấn Duy	27/08/2005	Y học cổ truyền
3260	51000835	Nguyễn Hoàng Tuấn Duy	27/08/2005	Y học dự phòng
3261	51001007	Phạm Minh Khiết	01/01/2005	Y khoa
3262	51001007	Phạm Minh Khiết	01/01/2005	Dược học
3263	51001007	Phạm Minh Khiết	01/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
3264	51001055	Nguyễn Châu Khánh Linh	01/01/2005	Y khoa
3265	51001055	Nguyễn Châu Khánh Linh	01/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
3266	51001076	Lê Nguyễn Nhật Mai	05/07/2005	Y khoa
3267	51001076	Lê Nguyễn Nhật Mai	05/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
3268	51001076	Lê Nguyễn Nhật Mai	05/07/2005	Kỹ thuật Phục hình răng

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
3269	51001076	Lê Nguyễn Nhật Mai	05/07/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
3270	51001076	Lê Nguyễn Nhật Mai	05/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3271	51001076	Lê Nguyễn Nhật Mai	05/07/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
3272	51001076	Lê Nguyễn Nhật Mai	05/07/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
3273	51001227	Mai Ngọc Linh Phương	22/04/2005	Y khoa
3274	51001227	Mai Ngọc Linh Phương	22/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
3275	51001316	Nguyễn Huỳnh Như Thảo	02/04/2005	Y khoa
3276	51001324	Đường Bồn Thắng	23/04/2005	Y khoa
3277	51001477	Võ Hồng Phương Uyên	19/06/2005	Dược học
3278	51001477	Võ Hồng Phương Uyên	19/06/2005	Y học cổ truyền
3279	51001477	Võ Hồng Phương Uyên	19/06/2005	Y học dự phòng
3280	51001477	Võ Hồng Phương Uyên	19/06/2005	Y tế công cộng
3281	51001477	Võ Hồng Phương Uyên	19/06/2005	Dinh dưỡng
3282	51001477	Võ Hồng Phương Uyên	19/06/2005	Điều dưỡng
3283	51001477	Võ Hồng Phương Uyên	19/06/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
3284	51001477	Võ Hồng Phương Uyên	19/06/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
3285	51001477	Võ Hồng Phương Uyên	19/06/2005	Hộ sinh
3286	51001477	Võ Hồng Phương Uyên	19/06/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3287	51001477	Võ Hồng Phương Uyên	19/06/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
3288	51001477	Võ Hồng Phương Uyên	19/06/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
3289	51013476	Quách Thị Kim Ngân	08/04/2005	Y khoa
3290	51013589	Phan Thành Sang	01/02/2005	Y khoa
3291	52000104	Đặng Phương Chi	21/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
3292	52000237	Đàm Thanh Hiền	27/10/2005	Dược học
3293	52000313	Trần Thị Thu Huyền	20/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
3294	52000380	Dương Anh Kiệt	20/08/2005	Y khoa
3295	52000380	Dương Anh Kiệt	20/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
3296	52000380	Dương Anh Kiệt	20/08/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
3297	52000453	Dương Phương Mạnh	09/01/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
3298	52000549	Đặng Thảo Nguyên	21/01/2005	Y học cổ truyền
3299	52000549	Đặng Thảo Nguyên	21/01/2005	Y học dự phòng
3300	52000549	Đặng Thảo Nguyên	21/01/2005	Dinh dưỡng
3301	52000549	Đặng Thảo Nguyên	21/01/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
3302	52000549	Đặng Thảo Nguyên	21/01/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
3303	52000549	Đặng Thảo Nguyên	21/01/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
3304	52000571	Nhan Minh Nhật	23/09/2005	Dược học
3305	52000614	Đỗ Tuấn Phong	30/12/2005	Y khoa
3306	52000690	Phạm Nhật Quỳnh	08/06/2005	Y khoa
3307	52000690	Phạm Nhật Quỳnh	08/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
3308	52000690	Phạm Nhật Quỳnh	08/06/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
3309	52000690	Phạm Nhật Quỳnh	08/06/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3310	52000690	Phạm Nhật Quỳnh	08/06/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
3311	52000697	Nguyễn Xuân Trọng Sang	30/01/2005	Y khoa
3312	52000710	Văn Bá Sơn	22/01/2005	Y khoa
3313	52000710	Văn Bá Sơn	22/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
3314	52000887	Nguyễn Tường Vy	31/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
3315	52001286	Bùi Thị Hồng Minh	23/11/2005	Y khoa
3316	52001286	Bùi Thị Hồng Minh	23/11/2005	Dược học
3317	52001286	Bùi Thị Hồng Minh	23/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
3318	52001370	Nguyễn Thành Nhân	22/03/2005	Y khoa
3319	52001380	Lê Yến Nhi	16/11/2005	Y khoa
3320	52001380	Lê Yến Nhi	16/11/2005	Dược học
3321	52001380	Lê Yến Nhi	16/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
3322	52001380	Lê Yến Nhi	16/11/2005	Y học cổ truyền
3323	52004090	Lê Minh Huy	08/02/2005	Y khoa
3324	52004090	Lê Minh Huy	08/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
3325	52004093	Phùng Gia Huy	24/05/2005	Dược học
3326	52004093	Phùng Gia Huy	24/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
3327	52004098	Lê Thị Cẩm Huyền	12/04/2005	Dinh dưỡng
3328	52004101	Ngô Nhất Hưng	03/08/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3329	52004136	Tôn Thất Minh Khôi	10/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
3330	52004380	Hồ Thanh Thảo	18/07/2005	Dược học
3331	52004485	Trần Thiên Tú	12/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
3332	52004485	Trần Thiên Tú	12/07/2005	Điều dưỡng
3333	52004485	Trần Thiên Tú	12/07/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
3334	52004508	Nguyễn Thị Khánh Uyên	01/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
3335	52006903	Mai Tuấn Kha	28/04/2005	Y khoa
3336	52006903	Mai Tuấn Kha	28/04/2005	Dược học
3337	52006903	Mai Tuấn Kha	28/04/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
3338	52007791	Lê Vĩnh Đức	27/03/2005	Y khoa
3339	52010218	Trần Thị Thanh Hương	17/07/2005	Y khoa
3340	52010218	Trần Thị Thanh Hương	17/07/2005	Dược học
3341	52010218	Trần Thị Thanh Hương	17/07/2005	Y học cổ truyền
3342	52010218	Trần Thị Thanh Hương	17/07/2005	Y tế công cộng
3343	52010218	Trần Thị Thanh Hương	17/07/2005	Dinh dưỡng
3344	52010218	Trần Thị Thanh Hương	17/07/2005	Răng-Hàm-Mặt
3345	52010218	Trần Thị Thanh Hương	17/07/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
3346	52010218	Trần Thị Thanh Hương	17/07/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
3347	52010218	Trần Thị Thanh Hương	17/07/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3348	52010218	Trần Thị Thanh Hương	17/07/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
3349	52010218	Trần Thị Thanh Hương	17/07/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
3350	52010218	Trần Thị Thanh Hương	17/07/2005	Hộ sinh
3351	52010218	Trần Thị Thanh Hương	17/07/2005	Điều dưỡng
3352	52010218	Trần Thị Thanh Hương	17/07/2005	Y học dự phòng
3353	52010313	Nguyễn Lê Phục Nguyên	06/09/2005	Y khoa
3354	52010313	Nguyễn Lê Phục Nguyên	06/09/2005	Dược học
3355	52010313	Nguyễn Lê Phục Nguyên	06/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
3356	52010313	Nguyễn Lê Phục Nguyên	06/09/2005	Y học cổ truyền
3357	52010313	Nguyễn Lê Phục Nguyên	06/09/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3358	52010313	Nguyễn Lê Phục Nguyên	06/09/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
3359	53003683	Trần Đức Anh	27/01/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
3360	53003909	Nguyễn Trần Khánh My	09/03/2005	Dược học
3361	53003909	Nguyễn Trần Khánh My	09/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
3362	53003909	Nguyễn Trần Khánh My	09/03/2005	Dinh dưỡng
3363	53003909	Nguyễn Trần Khánh My	09/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3364	53003909	Nguyễn Trần Khánh My	09/03/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
3365	53008759	Ngô Nguyễn Triều An	14/07/2005	Y khoa
3366	53008787	Hồ Gia Bảo	24/05/2005	Dược học
3367	53008791	Ngô Lê Như Bảo	28/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
3368	53008812	Phạm Võ Ngọc Châu	31/10/2005	Y khoa
3369	53008825	Nguyễn Thành Danh	21/02/2005	Y khoa
3370	53008825	Nguyễn Thành Danh	21/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
3371	53008842	Nguyễn Lê Duy	04/02/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
3372	53008842	Nguyễn Lê Duy	04/02/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
3373	53008873	Dương Phan Duy Đức	03/02/2005	Dược học
3374	53009019	Phùng Hồng Hà Mi	09/12/2005	Dược học
3375	53009019	Phùng Hồng Hà Mi	09/12/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
3376	53009019	Phùng Hồng Hà Mi	09/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3377	53009019	Phùng Hồng Hà Mi	09/12/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
3378	53009019	Phùng Hồng Hà Mi	09/12/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
3379	53009058	Nguyễn Duy Bảo Ngọc	25/08/2005	Y khoa
3380	53009095	Nguyễn Minh Nhuận	18/01/2005	Y khoa
3381	53009163	Lê Trúc Quỳnh	05/02/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3382	53009188	Võ Hoàng Thiên Tân	29/03/2005	Y khoa
3383	53009188	Võ Hoàng Thiên Tân	29/03/2005	Dược học
3384	53009188	Võ Hoàng Thiên Tân	29/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
3385	53009188	Võ Hoàng Thiên Tân	29/03/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3386	53009324	Nguyễn Trần Thái Tuấn	01/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3387	53013895	Trần Minh Trí	25/09/2005	Y khoa
3388	53013895	Trần Minh Trí	25/09/2005	Dược học
3389	53013895	Trần Minh Trí	25/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
3390	54002666	Vũ Ngọc Lan Anh	02/06/2004	Y khoa
3391	54002666	Vũ Ngọc Lan Anh	02/06/2004	Răng-Hàm-Mặt
3392	54002935	Bùi Nhật Minh	07/09/2005	Y khoa
3393	54003060	Nguyễn Tiến Phúc	25/11/2005	Y khoa
3394	54003060	Nguyễn Tiến Phúc	25/11/2005	Dược học
3395	54003064	Cao Nam Phương	16/09/2004	Y khoa
3396	54003064	Cao Nam Phương	16/09/2004	Răng-Hàm-Mặt
3397	55000148	Châu Nhật Anh	31/10/2005	Dược học
3398	55000359	Nguyễn Ngọc Lan Anh	28/12/2005	Y khoa
3399	55000898	Ngô Thanh Bình	29/03/2005	Dược học
3400	55001887	Phạm Tiến Đạt	13/12/2005	Y khoa
3401	55001887	Phạm Tiến Đạt	13/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
3402	55004459	Trịnh Lâm Tuyết Liên	21/02/2005	Dược học
3403	55004662	Nguyễn Hữu Long	02/04/2005	Y khoa
3404	55004662	Nguyễn Hữu Long	02/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
3405	55004662	Nguyễn Hữu Long	02/04/2005	Y học cổ truyền
3406	55005309	Nguyễn Phú Mỹ	06/05/2005	Y khoa
3407	55005309	Nguyễn Phú Mỹ	06/05/2005	Răng-Hàm-Mặt

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
3408	55005358	Nguyễn Nhựt Nam	03/10/2004	Y khoa
3409	55005358	Nguyễn Nhựt Nam	03/10/2004	Dược học
3410	55005358	Nguyễn Nhựt Nam	03/10/2004	Răng-Hàm-Mặt
3411	55006175	Lê Phương Nguyên	05/09/2005	Y khoa
3412	55006175	Lê Phương Nguyên	05/09/2005	Dược học
3413	55006175	Lê Phương Nguyên	05/09/2005	Răng-Hàm-Mặt
3414	55006444	Trần Thiện Nhân	07/05/2005	Y khoa
3415	55006444	Trần Thiện Nhân	07/05/2005	Dược học
3416	55006444	Trần Thiện Nhân	07/05/2005	Răng-Hàm-Mặt
3417	55006444	Trần Thiện Nhân	07/05/2005	Dinh dưỡng
3418	55006444	Trần Thiện Nhân	07/05/2005	Điều dưỡng
3419	55006444	Trần Thiện Nhân	07/05/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
3420	55006444	Trần Thiện Nhân	07/05/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
3421	55006444	Trần Thiện Nhân	07/05/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3422	55006545	Hồ Vân Nhi	09/09/2005	Y khoa
3423	55009077	Lư Phúc Thịnh	04/01/2005	Y khoa
3424	55009077	Lư Phúc Thịnh	04/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
3425	55009619	Trần Minh Thư	16/11/2005	Y khoa
3426	55009619	Trần Minh Thư	16/11/2005	Dược học
3427	55009619	Trần Minh Thư	16/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
3428	55009641	Trần Tổng Lê Thư	29/08/2005	Y khoa
3429	55009641	Trần Tổng Lê Thư	29/08/2005	Dược học
3430	55009641	Trần Tổng Lê Thư	29/08/2005	Răng-Hàm-Mặt
3431	55010540	Nguyễn Minh Trí	28/12/2005	Y khoa
3432	55010540	Nguyễn Minh Trí	28/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
3433	56006427	Huỳnh Diệp Tuấn	05/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
3434	56007469	Nguyễn Thế Vinh	13/06/2005	Y khoa
3435	56007469	Nguyễn Thế Vinh	13/06/2005	Dược học
3436	56007469	Nguyễn Thế Vinh	13/06/2005	Răng-Hàm-Mặt
3437	56010393	Trương Nhật Bình	04/04/2005	Dược học
3438	56010393	Trương Nhật Bình	04/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
3439	56010393	Trương Nhật Bình	04/04/2005	Dinh dưỡng
3440	56010393	Trương Nhật Bình	04/04/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
3441	56010393	Trương Nhật Bình	04/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3442	56010393	Trương Nhật Bình	04/04/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
3443	56010393	Trương Nhật Bình	04/04/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
3444	56010453	Trương Huỳnh Gia Hân	07/11/2005	Y khoa
3445	56010453	Trương Huỳnh Gia Hân	07/11/2005	Dược học
3446	56010453	Trương Huỳnh Gia Hân	07/11/2005	Răng-Hàm-Mặt
3447	56010453	Trương Huỳnh Gia Hân	07/11/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3448	56010533	Nguyễn Anh Khoa	28/01/2005	Y khoa
3449	56010533	Nguyễn Anh Khoa	28/01/2005	Răng-Hàm-Mặt
3450	56010667	Nguyễn Trần Thiên Phú	03/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
3451	56010667	Nguyễn Trần Thiên Phú	03/02/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3452	56010667	Nguyễn Trần Thiên Phúc	03/02/2005	Dược học
3453	56010667	Nguyễn Trần Thiên Phúc	03/02/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
3454	56010692	Đặng Lê Phương Quỳnh	27/04/2005	Y khoa
3455	56010692	Đặng Lê Phương Quỳnh	27/04/2005	Dược học
3456	56010692	Đặng Lê Phương Quỳnh	27/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
3457	56010692	Đặng Lê Phương Quỳnh	27/04/2005	Kỹ thuật Phục hình răng
3458	56010692	Đặng Lê Phương Quỳnh	27/04/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
3459	56010692	Đặng Lê Phương Quỳnh	27/04/2005	Hộ sinh
3460	56010692	Đặng Lê Phương Quỳnh	27/04/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3461	56010837	Hoắc Mai Vy	16/12/2005	Y khoa
3462	57001292	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	27/10/2005	Y khoa
3463	57001338	Lê Thị Hà Giang	01/10/2005	Y khoa
3464	57001402	Sử Ngọc Khánh	03/10/2005	Dược học
3465	57001405	Đoàn Viết Khoa	16/09/2005	Y khoa
3466	57001413	Nguyễn Trần Như Khuê	23/06/2005	Dược học
3467	57001413	Nguyễn Trần Như Khuê	23/06/2005	Dinh dưỡng
3468	57001413	Nguyễn Trần Như Khuê	23/06/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3469	57001413	Nguyễn Trần Như Khuê	23/06/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
3470	57001484	Bùi Thị Kim Ngọc	20/12/2005	Y khoa
3471	57001484	Bùi Thị Kim Ngọc	20/12/2005	Răng-Hàm-Mặt
3472	57001484	Bùi Thị Kim Ngọc	20/12/2005	Y học cổ truyền
3473	57001484	Bùi Thị Kim Ngọc	20/12/2005	Y học dự phòng
3474	57001484	Bùi Thị Kim Ngọc	20/12/2005	Y tế công cộng
3475	57001484	Bùi Thị Kim Ngọc	20/12/2005	Dinh dưỡng
3476	57001484	Bùi Thị Kim Ngọc	20/12/2005	Điều dưỡng
3477	57001484	Bùi Thị Kim Ngọc	20/12/2005	Kỹ thuật Phục hình răng

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành
3478	57001484	Bùi Thị Kim Ngọc	20/12/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
3479	57001484	Bùi Thị Kim Ngọc	20/12/2005	Hộ sinh
3480	57001484	Bùi Thị Kim Ngọc	20/12/2005	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3481	57001484	Bùi Thị Kim Ngọc	20/12/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học
3482	57001484	Bùi Thị Kim Ngọc	20/12/2005	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
3483	57001655	Phan Nhựt Tú	27/02/2005	Y khoa
3484	58003227	Nguyễn Lâm Yên Đan	24/08/2004	Y khoa
3485	58003227	Nguyễn Lâm Yên Đan	24/08/2004	Dược học
3486	58003230	Tạ Mỹ Điền	19/10/2005	Y khoa
3487	59000143	Quách Gia Hân	17/04/2005	Y khoa
3488	59000143	Quách Gia Hân	17/04/2005	Răng-Hàm-Mặt
3489	59000494	Tô Minh Trọng	04/04/2005	Y khoa
3490	59000498	Lý Châu Ngọc Trúc	28/02/2005	Y khoa
3491	59000498	Lý Châu Ngọc Trúc	28/02/2005	Dược học
3492	59000498	Lý Châu Ngọc Trúc	28/02/2005	Răng-Hàm-Mặt
3493	61003582	Nguyễn Quỳnh Trâm	13/01/2005	Dinh dưỡng
3494	61003972	Võ Châu Trọng Phúc	16/11/2005	Dược học
3495	62001102	Nguyễn Đạt Dũng	27/03/2005	Y khoa
3496	62001102	Nguyễn Đạt Dũng	27/03/2005	Răng-Hàm-Mặt
3497	63006369	Nguyễn Quỳnh Nhi	15/07/2005	Y khoa

DANH SÁCH THÍ SINH NỘP CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH QUỐC TẾ QUA ĐƯỜNG BUƯ ĐIỆN CẦN BỔ SUNG HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành	Ghi chú
1		Hà Hùng Mạnh	13/03/2005		Bổ sung Phiếu đăng ký xét tuyển
2		Hoàng Thu Anh	10/10/2005		Bổ sung Phiếu đăng ký xét tuyển
3		Lê Thị Kim Sáng	02/02/2005		Bổ sung Phiếu đăng ký xét tuyển
4		Phan Ngọc Trân	03/11/2005		Bổ sung Phiếu đăng ký xét tuyển
5		Trần Thị Hồng Yến	29/03/2005		Bổ sung Phiếu đăng ký xét tuyển

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Tên ngành	Ghi chú
6	35004487	Nguyễn Ngọc Xuân Mai	30/08/2004	Y khoa	Bổ sung bản sao chứng thực chứng chỉ tiếng Anh quốc tế
7	35004487	Nguyễn Ngọc Xuân Mai	30/08/2004	Dược học	Bổ sung bản sao chứng thực chứng chỉ tiếng Anh quốc tế
8	35004487	Nguyễn Ngọc Xuân Mai	30/08/2004	Răng-Hàm-Mặt	Bổ sung bản sao chứng thực chứng chỉ tiếng Anh quốc tế
9	35004487	Nguyễn Ngọc Xuân Mai	30/08/2004	Y học cổ truyền	Bổ sung bản sao chứng thực chứng chỉ tiếng Anh quốc tế
10	35004487	Nguyễn Ngọc Xuân Mai	30/08/2004	Điều dưỡng	Bổ sung bản sao chứng thực chứng chỉ tiếng Anh quốc tế
11	35004487	Nguyễn Ngọc Xuân Mai	30/08/2004	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Bổ sung bản sao chứng thực chứng chỉ tiếng Anh quốc tế
12	35004487	Nguyễn Ngọc Xuân Mai	30/08/2004	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Bổ sung bản sao chứng thực chứng chỉ tiếng Anh quốc tế
13	41007682	Trần Trọng Hoàng	05/02/2005	Y khoa	Bổ sung bản sao chứng thực chứng chỉ tiếng Anh quốc tế
14	41007682	Trần Trọng Hoàng	05/02/2005	Dược học	Bổ sung bản sao chứng thực chứng chỉ tiếng Anh quốc tế
15	41007682	Trần Trọng Hoàng	05/02/2005	Răng-Hàm-Mặt	Bổ sung bản sao chứng thực chứng chỉ tiếng Anh quốc tế
16	41007682	Trần Trọng Hoàng	05/02/2005	Y học cổ truyền	Bổ sung bản sao chứng thực chứng chỉ tiếng Anh quốc tế
17	44005277	Lê Cẩm Hằng	10/11/2005	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	Bổ sung bản sao chứng thực chứng chỉ tiếng Anh quốc tế
18	35005911	Lê Vũ Nguyên Hưng	09/01/2005	Răng-Hàm-Mặt	Bổ sung bản sao chứng thực chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH